TON DONG A

cùng xây cuộc sống xanh

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2023

SẢN PHẨM VIỆT VƯƠN TẦM THẾ GIỚI

SẢN PHẨM VIỆT VƯƠN TẦM THẾ GIỚI

Công ty phấn đấu trở thành niềm tự hào tôn Việt với các sản phẩm chất lượng cao khi chú trọng đầu tư thiết bị có công nghệ hiện đại và thân thiện với môi trường theo tinh thần của slogan **"CÙNG XÂY CUỘC SỐNG XANH"**

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á
DN: C=VN, S=BÌNH DƯƠNG, L=DĨ AN, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:3700255880
Reason: I am the author of this document
Location: your signing location here
Date: 2024.04.17 13:44:50+07'00'
Foxit Reader Version: 10.1.0

MỤC LỤC

THÔNG ĐIỆP TỪ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 04

PHẦN I: TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY 07
1. Giới thiệu chung về Công ty 08
2. Quá trình hình thành và phát triển 10
3. Ngành nghề và sản phẩm kinh doanh chính 16
4. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý 20
5. Định hướng phát triển 24
6. Các rủi ro 25

PHẦN II: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 29
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh 30
2. Tổ chức và nhân sự 34
3. Tình hình đầu tư, thực hiện dự án 36
4. Các Công ty con và Công ty liên kết, liên doanh 37
5. Tình hình tài chính 39
6. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu 44

PHẦN III: BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC 47
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 48
2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 50

PHẦN IV: ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY 53
1. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về các mặt hoạt động của Công ty 54
2. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về Hoạt động của Ban Tổng Giám đốc 55
3. Kế hoạch, định hướng của Hội đồng Quản trị 56

PHẦN V: QUẢN TRỊ CÔNG TY 57
1. Hội đồng Quản trị 58
2. Ban Kiểm soát 62
3. Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng 66

PHẦN VI: BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG 69
1. Mô hình phát triển bền vững 70
2. Môi trường 71
3. Người lao động 74
4. Xã hội 76

PHẦN VII: BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT 2023 ĐÃ KIỂM TOÁN 77

THÔNG ĐIỆP
TỪ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Thanh Trung

Sản lượng
775.000 tấn

Doanh thu
17.500 tỷ đồng

Lợi nhuận sau thuế
284 tỷ đồng

Xuất khẩu
45,3%

Nội địa
54,7%

**Số liệu năm 2023*

Kính thưa Quý cổ đông, Đối tác, Khách hàng và toàn thể cán bộ công nhân viên,

Năm 2023 là năm đánh dấu 25 năm xây dựng và trưởng thành của Tôn Đông Á. Sau 25 năm thành công trong việc xây dựng "Giá trị Việt vươn tầm Thế giới", tập thể lãnh đạo và người lao động của Tôn Đông Á đã vinh dự đón nhận Huân chương lao động hạng nhất do Chủ tịch nước trao tặng. Đây là mốc son ý nghĩa tiếp sức cho toàn thể Công ty trên chặng đường mới, kiến tạo nhiều giá trị ý nghĩa hơn nữa, góp phần vào sự phát triển chung của Đất nước. Nhưng năm 2023 cũng là một năm đầy biến động và khó lường với sự hồi phục không đồng đều giữa các nền kinh tế toàn cầu kéo theo hoạt động sản xuất tổng thể suy giảm. Trong nước, mặc dù Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước đã thực hiện nhiều giải pháp kích cầu, tháo gỡ khó khăn cho nền kinh tế nhưng những thách thức trong lĩnh vực bất động sản vẫn tiếp tục ảnh hưởng tới nhiều lĩnh vực và ngành nghề khác nhau.

Việc lãi suất và lạm phát duy trì ở mức cao đã làm giảm nhu cầu xây dựng và đầu tư cơ sở hạ tầng ở nhiều quốc gia trên thế giới. Trong đó, mặc dù giá thép thế giới hồi phục vào đầu năm 2023 nhưng sau đó tiếp tục biến động kém khả quan và duy trì quanh vùng giá thấp, điều này đặt ra yêu cầu đối với các nhà sản xuất thép tại Việt Nam phải thắt chặt, kiểm soát chính sách mua hàng, quản lý tồn kho trong môi trường đầy biến động.

Trong hành trình 25 năm của Tôn Đông Á, tập thể Lãnh đạo và Người lao động của Công ty đã bền bỉ, đồng lòng cùng nhau vượt qua nhiều khó khăn và thách thức, từng bước đặt dấu chân của Tôn Đông Á trong lĩnh vực sản xuất thép lá mạ phục vụ cho nhiều ngành công nghiệp nội địa và xuất khẩu kể cả xây dựng, thiết bị gia dụng. Sản phẩm Tôn Đông Á không chỉ phủ khắp 63/63 tỉnh thành trong cả nước mà còn hiện diện trên hơn 50 quốc gia và vùng lãnh thổ trên Thế giới. Theo báo cáo từ Hiệp Hội Thép Việt Nam (VSA), năm 2023, Tôn Đông Á tiếp tục giữ vị trí thứ 2 thị trường nội địa và xuất khẩu của ngành thép lá mạ Việt Nam. Giờ đây, thương hiệu của Tôn Đông Á đã có thể cạnh tranh được với các thương hiệu ngành thép của các nước có thương hiệu phát triển lâu đời như Hàn Quốc, Trung Quốc, Đài Loan...

Mặc dù phải đối mặt với những khó khăn và thách thức của thị trường, vào cuối năm 2023, Tôn Đông Á đã đạt sản lượng 775.000 tấn, doanh thu gần 17.500 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế đạt gần 284 tỷ đồng. Trong đó, tỷ trọng xuất khẩu chiếm 45,3% và nội địa chiếm 54,7%. Tuân thủ các triết lý quản lý chặt chẽ và bền vững, Tôn Đông Á cam kết tiếp tục đổi mới và chuyển đổi để tạo ra các giá trị gia tăng trong hoạt động sản xuất và cung ứng sản phẩm, hướng tới một tương lai tốt đẹp hơn cho toàn xã hội, cộng đồng, đối tác và cổ đông.

Để gặt hái được kết quả trên trong môi trường đầy biến động, Công ty đã chú trọng đầu tư thiết bị công nghệ hiện đại, không ngừng cải tiến và nâng cao chất lượng sản phẩm, nhanh chóng bắt kịp xu hướng của thời đại, linh hoạt đổi mới và sáng tạo.

Ngoài ra, Tôn Đông Á đã xây dựng được một đội ngũ cán bộ công nhân viên lành nghề, chuyên nghiệp. Trong suốt 25 năm xây dựng và phát triển, Công ty luôn chú trọng thu hút nhân tài, phát triển năng lực và nâng cao tinh thần hợp tác của mọi thành viên. Tính đến tháng 12/2023, Công ty đã có được một đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp, nhiệt tình và năng động với gần 1.500 cán bộ công nhân viên. Bên cạnh đó, cùng với hệ thống quản trị doanh nghiệp chuẩn mực, bài bản, Tôn Đông Á liên tục nỗ lực thúc đẩy việc ứng dụng công nghệ số, sử dụng nhiều công cụ phần mềm eOffice, ERP, BI, App Tôn Đông Á... nhằm hỗ trợ nâng cao chất lượng quản trị, sản xuất kinh doanh và gia tăng năng lực cạnh tranh.

Bước sang năm 2024, tiếp nối những thành tựu đạt được trong năm 2023, Công ty tiếp tục đặt kế hoạch tăng trưởng sản lượng lên 780.000 tấn và doanh thu tăng lên 18.000 tỷ đồng. Để đạt được các chỉ tiêu kế hoạch này, Công ty tập trung triển khai kế hoạch phát triển trong tương lai. Tôn Đông Á đã lập kế hoạch tiếp tục đầu tư chuyên ngành về sản phẩm thép lá mạ phục vụ cho nhiều ngành công nghiệp nội địa và xuất khẩu kể cả xây dựng, thiết bị gia dụng, ô tô trong 10 năm tới để tăng sản lượng, thị phần và mở rộng chủng loại sản phẩm trong tương lai, đáp ứng linh hoạt và nhanh nhẹn hơn trong cách hoạt động và quản lý doanh nghiệp.

Trong giai đoạn 2024-2025, Công ty có kế hoạch mở rộng sản xuất kinh doanh, nâng cao năng suất và công suất sản xuất với công suất giai đoạn 1 là 250.000 tấn, dự kiến sẽ đưa vào sản xuất từ năm 2026, nhà máy sẽ tập trung sản xuất thép lá mạ chất lượng cao phục vụ cho ngành xây dựng và thiết bị gia dụng.

Chặng đường phía trước của Công ty còn phải đối mặt với nhiều chông gai và thách thức nhưng với bề dày lịch sử, uy tín, bàn tay và khối óc của con người Tôn Đông Á, đây sẽ là động lực để Công ty vững vàng vượt qua, không ngừng sáng tạo, thích ứng trong môi trường kinh doanh mới và tiếp tục làm nên những thành tựu lớn hơn trong tương lai.

Khép lại cho thông điệp này, tôi xin gửi lời tri ân tới toàn thể đội ngũ Ban lãnh đạo, cán bộ công nhân viên vì những cống hiến, nỗ lực không ngừng nghỉ trong năm 2023 đầy biến động vừa qua cũng như sự ủng hộ của toàn thể Quý vị cổ đông, đối tác và khách hàng và hy vọng rằng sẽ tiếp tục được đồng hành cùng với Quý vị trên chặng đường phát triển kế tiếp của Tôn Đông Á.

Kính chúc Quý vị tràn đầy sức khoẻ, thành công và hạnh phúc.

Trân trọng cảm ơn!

M.S.D.N: 3700255880-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á
TP. DĨ AN - T. BÌNH DƯƠNG

Nguyễn Thanh Trung
Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị

PHẦN I:
TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY

1. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CÔNG TY
2. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN
3. NGÀNH NGHỀ VÀ SẢN PHẨM KINH DOANH CHÍNH
4. MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ
5. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN
6. CÁC RỦI RO

1. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CÔNG TY

Tên Công ty	CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á
Tên tiếng Anh	Ton Dong A Corporation
Trụ sở chính	Số 5, Đường số 5, Khu công nghiệp Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Điện thoại	(0274) 3732 575
Fax	(0274) 3790 420
Website	www.tondonga.com.vn
Email	info@tondonga.com.vn, ir-gda@tondonga.com.vn
Giấy CNĐKDN	số 3700255880 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 02/02/2009, cấp thay đổi lần thứ 17 ngày 28/07/2022
Vốn điều lệ hiện tại	1.146.915.100.000 (Một ngàn một trăm bốn mươi sáu tỷ, chín trăm mười lăm triệu, một trăm ngàn đồng)
Mã Cổ phiếu	GDA
Mệnh giá	10.000 đồng
Tổng số cổ phần	114.691.510 cổ phần
Ngày trở thành Công ty đại chúng	10/03/2022
Ngày giao dịch chứng khoán đầu tiên (UPCoM)	07/09/2023

TẦM NHÌN

Trở thành nhà sản xuất thép lá mạ chất lượng cao, có uy tín trong nước và trên thế giới

SỨ MỆNH

Đầu tư thiết bị, dây chuyền hiện đại và thân thiện với môi trường nhằm sản xuất các sản phẩm thép lá mạ có chất lượng cao bảo đảm sự bền vững và tính thẩm mỹ của các công trình.

Tổ chức hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm tạo ra các sản phẩm có giá cả cạnh tranh với các dịch vụ hậu mãi tốt.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Mỗi nhân viên của Tôn Đông Á luôn phấn đấu để đạt và duy trì các phẩm chất:

- Gắn kết để phối hợp đồng bộ trong mọi hoạt động nhằm thỏa mãn đầy đủ các yêu cầu của khách hàng.
- Kỷ luật trong sản xuất, kinh doanh nhằm xây dựng và phát triển thành một Công ty đạt chuẩn mực quốc tế.
- Chuyên nghiệp để tạo ra các sản phẩm thép lá mạ chất lượng cao nhất.

2. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

05/11/1998

Công ty TNHH Đông Á được thành lập, trụ sở đặt tại Lô E, KCN Sóng Thần, Dĩ An, Bình Dương

09/2004

Công ty đầu tư dự án dây chuyền sản xuất **tôn mạ kẽm dạng cuộn công suất 40.000 tấn/năm**

06/2005

Công ty TNHH Đông Á đổi tên thành Công ty TNHH Tôn Đông Á. Thương hiệu Tôn Đông Á chính thức ra đời

2006

Dây chuyền mạ màu CM1 đi vào hoạt động sản phẩm mạ màu đầu tiên của Tôn Đông Á được giới thiệu ra thị trường

2008

Dây chuyền mạ màu thứ hai (CM2) được đầu tư bằng thiết bị trong nước và công nghệ Hàn Quốc cải tiến cơ sở CM1, công suất 40.000 tấn/năm

2009

Công ty TNHH Tôn Đông Á chuyển hướng sang hoạt động dưới hình thức **Công ty Cổ phần với tên gọi Công ty Cổ phần Tôn Đông Á**

2010

Tôn Đông Á đưa vào vận hành **dây chuyền sản xuất tôn mạ nhôm kẽm (tôn lạnh) với công suất 100.000 tấn/năm**

Đồng thời triển khai thực hiện dự án nhà máy Tôn Đông Á tại KCN Đồng An 2, Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương với quy mô diện tích 16 hecta

2011

Đưa dây chuyền mạ màu số 3 (CM3) vào vận hành, góp phần nâng tổng sản lượng sản phẩm mạ màu của Công ty Tôn Đông Á lên **120.000 tấn/năm** và tổng công suất thiết bị sản xuất các sản phẩm mạ của Công ty lên trên **300.000 tấn/năm**

06/12/2012

Đầu tư dự án ERP (phần mềm quản trị Nguồn lực Doanh nghiệp) trị giá 1 triệu USD

21/03/2013

Khởi công xây dựng nhà máy thứ 2 với công suất 800.000 tấn/năm tại Lô A3, KCN Đồng An 2, Phường Hòa Phú, TP.Thủ Dầu Một, Bình Dương

05/06/2013

Khai trương **văn phòng đại diện tại Tp. Hồ Chí Minh**

11/06/2014

Công ty TNHH MTV Tôn Đông Á Đà Nẵng đi vào hoạt động

05/05/2017

Công ty TNHH MTV Tôn Đông Á Bắc Ninh đi vào hoạt động tại địa chỉ Nhà RBF-Q, Khu RBF, số 36, đường số 05, VSIP Bắc Ninh, xã Đại Đồng, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh

22/06/2017

Công ty TNHH MTV Tôn Đông Á Long An (huyện Bến Lức, tỉnh Long An) với **tổng diện tích trên 20.000 m2** đã chính thức khai trương và đi vào hoạt động.

26/06/2017

Công ty TNHH MTV Tôn Đông Á Đà Nẵng chính thức dời về địa chỉ mới: Lô E2, đường số 07, KCN Hòa Khánh, Quận Liên Chiểu, TP.Đà Nẵng, diện tích 2 hecta

23/11/2017

Khởi công lễ động thổ **Kho trung chuyển** của Công ty Cổ phần Tôn Đông Á và **Trụ sở Công ty TNHH MTV Tôn Đông Á Bình Dương** tại KCN Sóng Thần 3

2018

Giai đoạn 2 nhà máy TDA.TDM hoàn thành và nhanh chóng đưa vào vận hành toàn bộ công suất của TDA, **đạt công suất 800.000 tấn/năm** trước cuối năm 2018. Tự hào đưa vào dây chuyền màu CM4 hiện đại nhất Đông Nam Á

2019

Cho ra đời một **bộ nhãn hàng mới - tiêu chuẩn cao KING/ WIN/ S**, xây dựng hình ảnh đồng bộ với chất lượng sản phẩm của Tôn Đông Á

27/07/2020

Phòng thí nghiệm Tôn Đông Á được đơn vị BoA công nhận là Phòng thí nghiệm đáp ứng được yêu cầu và năng lực thử nghiệm theo **tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017** với mã VILAS 1321

31/08/2020

Thành lập **văn phòng đại diện mới** Công ty Cổ phần Tôn Đông Á tại thành phố Quy Nhơn, Bình Định

Tháng 1/2021

Chính thức đổi tên dòng **S thành SVIET**. Tiếp tục phát triển mạnh mẽ nhãn hàng KING/ WIN/ SVIET, không chỉ khẳng định chất lượng quốc tế mà còn tôn vinh giá trị văn hóa Việt Nam

10/03/2022

Công ty chính thức trở thành **Công ty đại chúng sau khi IPO thành công 15.350.000 cổ phiếu**

21/04/2022

Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp **mã chứng khoán GDA**

2022

Tôn Đông Á đã **mở rộng sản phẩm tôn thép**, cung ứng nguyên liệu cho ngành sản xuất thiết bị gia dụng, phân khúc khắt khe về kỹ thuật và chất lượng

06/2022

Công ty triển khai **App Tôn Đông Á** đến khách hàng nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ, gia tăng giá trị cộng thêm cho khách hàng

07/09/2023

Công ty Cổ phần Tôn Đông Á (GDA) chính thức giao dịch trên sàn UPCOM, ngày chính thức giao dịch cổ phiếu trên sàn chứng khoán

17/10/2023

Tôn Đông Á được Forbes Việt Nam vinh danh trong **"Top 25 thương hiệu Công ty Hàng tiêu dùng cá nhân và Công nghiệp dẫn đầu Việt Nam"** năm 2023, với giá trị thương hiệu được Forbes Việt Nam định giá 32 triệu USD

11/2023

Tôn Đông Á chính thức nhận chứng chỉ Hệ thống quản lý năng lượng **ISO 50001:2018**

29/12/2023

Tôn Đông Á vinh dự nhận bức trướng của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương nhân kỷ niệm 25 năm thành lập Công ty (1998-2023), với nội dung **"Chất lượng - Uy tín - Phát triển bền vững"**

DANH HIỆU VÀ GIẢI THƯỞNG

Năm 2023

Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam năm 2023

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tặng **Bằng khen đã có nhiều đóng góp** cho sự nghiệp bảo vệ và chăm sóc trẻ em năm 2023

Doanh nghiệp nộp thuế tiêu biểu giai đoạn 2020 - 2022.

Chứng chỉ Hệ thống quản lý năng lượng **ISO 50001:2018**

Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín năm 2022.

Top 25 Thương hiệu dẫn đầu hàng tiêu dùng cá nhân & công nghiệp năm 2023, với giá trị thương hiệu được Forbes Việt Nam định giá 32 triệu USD.

Năm 2022

Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam 2022 (xếp hạng 52) do Vietnam Report công bố

Thương hiệu Quốc gia 2020 – 2022 do Bộ Công thương cấp.

Top 10 Công ty Vật Liệu Xây dựng Uy Tín do Vietnam Report công bố.

Năm 2021

Chứng nhận **Top 5 Công ty Vật Liệu Xây dựng Uy Tín** (Nhóm ngành: Tôn Sắt Thép) do Vietnam Report công bố.

Giấy khen Cục Thuế tỉnh Bình Dương trao tặng: **Đã có thành tích thực hiện chính sách, pháp luật thuế năm 2020.**

Năm 2020

Thương hiệu Quốc gia 2020 – 2022 do Bộ Công thương cấp.

Hàng Việt Nam Chất lượng cao năm 2020 – 2021 do Hội doanh nghiệp Hàng Việt Nam chất lượng cao công bố.

Năm 2018

Huân chương Lao động hạng Nhì – Công ty Cổ phần Tôn Đông Á (2018)

Chứng nhận Doanh nghiệp có sản phẩm đạt Thương hiệu Quốc gia (Giai đoạn 2018-2020) do Bộ Công thương cấp.

Chứng nhận hàng Việt Nam Chất lượng cao năm 2018 do Hội doanh nghiệp Hàng Việt Nam chất lượng cao cấp.

Năm 2017

Giải nhất Chất lượng Quốc tế Châu Á Thái Bình Dương do Tổ chức Chất lượng Châu Á – Thái Bình Dương cấp.

Giải vàng chất lượng quốc gia năm 2017 do Hội đồng Giải thưởng Chất lượng Quốc gia (thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ) chứng nhận.

Chứng nhận hàng Việt Nam Chất lượng cao năm 2017 do Hội doanh nghiệp Hàng Việt Nam chất lượng cao công bố.

Chứng nhận **Top 50 Doanh nghiệp tăng trưởng xuất sắc 2017** do Vietnam Report công bố.

Năm 2016

Chứng nhận Top 500 Doanh nghiệp Tư nhân lớn Việt Nam 2016 do Vietnam Report công bố.

Chứng nhận Hàng Việt Nam Chất Lượng Cao do người tiêu dùng bình chọn năm 2016 do Hội doanh nghiệp Hàng Việt Nam chất lượng cao công bố.

Chứng nhận Top 50 Doanh nghiệp tăng trưởng xuất sắc 2016 do Vietnam Report công bố.

Năm 2015

Giải vàng Chất Lượng Quốc Gia 2015 Hội đồng Giải thưởng Chất lượng Quốc gia (thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ) chứng nhận.

Top 50 Doanh nghiệp tăng trưởng xuất sắc nhất Việt Nam 2015 do Vietnam Report công bố.

Chứng nhận Thương Hiệu Mạnh Việt Nam 2015 do Thời báo Kinh tế Việt Nam cấp.

Chứng nhận **Top 500 Doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam** do Vietnam Report công bố.

Giải vàng **Sao Vàng Đất Việt 2015** do Hội Doanh nhân trẻ Việt Nam trao tặng.

Top 50 doanh nghiệp Việt Nam xuất sắc nhất do Vietnam Report công bố.

Top 1000 Doanh nghiệp nộp thuế thu nhập lớn nhất Việt Nam do Vietnam Report công bố.

Chứng nhận sản phẩm Tôn lạnh – Tôn lạnh màu đạt sản phẩm chất lượng cao Việt Nam do Báo Thương hiệu và Công luận chứng nhận

Chứng nhận Tôn Đông Á đạt Top 20 Thương hiệu phát triển bền vững do Báo Thương hiệu và Công luận chứng nhận.

Từ lúc thành lập đến năm 2014

Cúp Vàng Thương hiệu ngành Xây dựng – Vietbuild do Công ty Cổ phần tổ chức Triển lãm Vietbuild trao tặng.

Top 50 Doanh nghiệp thành tựu xuất sắc nộp thuế thu nhập doanh nghiệp giai đoạn 2010 – 2014 do Vietnam Report công bố.

Huân chương Lao động hạng Ba do Chủ tịch nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam trao tặng

Cúp vàng Doanh nghiệp hội nhập và phát triển năm 2012 Hội đồng chỉ đạo Giải thưởng "Doanh nghiệp hội nhập và phát triển" chứng nhận.

Và nhiều danh hiệu, giải thưởng khác...

3. NGÀNH NGHỀ VÀ SẢN PHẨM KINH DOANH CHÍNH

NGÀNH NGHỀ VÀ SẢN PHẨM KINH DOANH

Công ty hoạt động chính trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh sản phẩm thép lá mạ kẽm (tôn kẽm), thép lá mạ hợp kim nhôm kẽm (tôn lạnh), thép lá mạ kẽm màu, thép lá đen mạ màu, thép lá mạ hợp kim nhôm kẽm màu (tôn lạnh màu)

Tôn Đông Á kinh doanh dòng sản phẩm Tôn lạnh - Tôn màu với các nhãn hàng KING/WIN/SVIET đạt tiêu chuẩn JIS (Nhật Bản), BS EN (Châu Âu), AS (Úc), ASTM (Mỹ).

TÔN KẼM (Hot-dip zinc coated steel sheet in coil-GI), còn được gọi là thép lá mạ kẽm, là thép cán nguội được mạ kẽm. Tôn kẽm có khả năng chống ăn mòn cao trong môi trường tự nhiên. Tôn kẽm thường được dùng cho ngành công nghiệp xây dựng và dân dụng (xà gồ mái, xà gồ vách, tấm lót sàn, tấm lợp, vách ngăn, ống thông gió, nguyên liệu làm ống hộp) và ứng dụng trong ngành thiết bị gia dụng.

TÔN LẠNH HAY THÉP LÁ MẠ HỢP KIM NHÔM KẼM (galvalume - GL) là thép cán nguội được mạ hợp kim nhôm kẽm với thành phần 55% Al, 43,5% Zn và 1,5% Si. Tôn lạnh có khả năng chống ăn mòn cao, phản xạ nhiệt tốt và có tuổi thọ lâu dài, thường được dùng trong ngành công nghiệp xây dựng và dân dụng (như tấm lợp, vách ngăn, ván trần, cửa cuốn...) hay điện công nghiệp (như nhà, vỏ bọc của các thiết bị điện...) và trang trí nội thất.

THÉP HỘP MẠ KẼM là thép cán nguội được sử dụng công nghệ mạ kẽm với thành phần 99% Zn, sau đó sẽ được cán thành thép hộp mạ kẽm. Thép hộp mạ kẽm có bề mặt sáng bóng, bền hơn từ 4-5 lần ống thép đen. Tôn Đông Á hiện đang sản xuất thép hộp mạ kẽm ở nhà máy đặt tại: tỉnh Long An.

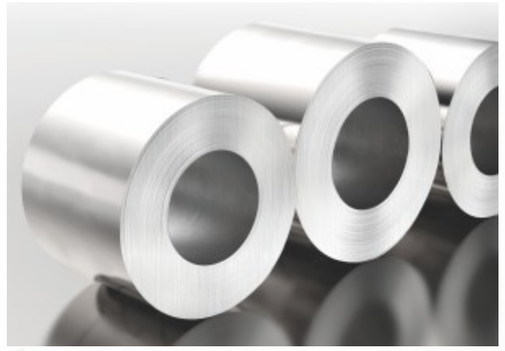

TÔN LẠNH MÀU là các sản phẩm tôn được phủ sơn như: Tôn đen màu (pre-painted cold rolled coil-PPCR), tôn kẽm màu (pre-painted galvanized-PPGI) và tôn lạnh màu (pre-painted). Nguyên liệu đầu vào sau quá trình tẩy rửa sẽ được phủ một lớp phụ gia giúp làm tăng độ bám dính, sau đó phủ một lớp sơn lót trước khi sơn chính thức và sấy khô. Lớp sơn giúp cho tôn tăng khả năng chống chịu với môi trường, tạo tính thẩm mỹ. Tôn lạnh màu thường được dùng trong ngành công nghiệp xây dựng, dân dụng (như tấm lợp, vách ngăn, ván trần, cửa cuốn...) và trang trí nội thất.

THÉP CÁN NGUỘI/TÔN ĐEN (cold rolled coil-CRC) là thép carbon thấp được sử dụng làm bán thành phẩm để sản xuất sản phẩm tôn kẽm, tôn lạnh hay tôn đen màu.

ĐỊA BÀN KINH DOANH

Tôn Đông Á
HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
trong và ngoài nước.

Tôn Đông Á
CÓ MẠNG LƯỚI PHÂN PHỐI
trong và ngoài nước.

1.700 đại lý
phân phối các sản phẩm

Hệ thống phân phối trong nước của Tôn Đông Á trải dài từ Nam ra Bắc với hơn 1.700 đại lý phân phối các sản phẩm. Khu vực từ Cà Mau ra tới Bình Định là thị trường trọng điểm được phân phối bởi Văn Phòng Đại diện Tôn Đông Á tại TP. Hồ Chí Minh và Bình Định. Miền Trung có Công ty TNHH MTV Tôn Đông Á Đà Nẵng và khu vực phía Bắc có Công ty TNHH MTV Tôn Đông Á Bắc Ninh đảm nhiệm.

Hệ thống phân phối của Tôn Đông Á hiện được chia thành các kênh chính sau:

KÊNH CẮT CÁN (KHÁCH HÀNG C1)
Những Khách hàng giao dịch mua bán trực tiếp với Tôn Đông Á.

KÊNH THƯƠNG MẠI
Có **08 Nhà phân phối lớn**, sẽ phân phối sản phẩm đến với những Nhà máy cắt cán.

KÊNH CHUYÊN NGÀNH
(Công trình Kẽm - Khung trần).

KÊNH XUẤT KHẨU

Ngoài ra, Tôn Đông Á là Công ty tiên phong trong việc cung ứng các sản phẩm chất lượng cao trên 50 quốc gia như Asean, Úc, Trung Đông, Châu Phi, Nhật Bản và Mỹ. Thế mạnh xuất khẩu của Tôn Đông Á tập trung vào dòng hàng chủ lực là GL và PPGL và đang dần mở rộng vị thế qua GI và PPGI trong thời gian ngắn sắp tới.

Tôn Đông Á bảo đảm chất lượng hàng hóa, chính sách bán hàng ổn định cũng như hỗ trợ các nhà phân phối làm bảng hiệu, chứng nhận đại lý, treo poster, các vật phẩm quảng cáo để góp phần nhận diện thương hiệu và hình ảnh của Công ty. Khách hàng của Tôn Đông Á đang tăng lên về số lượng và chất lượng, độ phủ cũng như mức cam kết với thương hiệu.

Sản phẩm của Tôn Đông Á có mặt tại hơn

50

QUỐC GIA

4. MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

Tôn Đông Á hoạt động theo mô hình quản trị:

- **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**
- **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**
- **BAN KIỂM SOÁT**
- **TỔNG GIÁM ĐỐC**

CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY

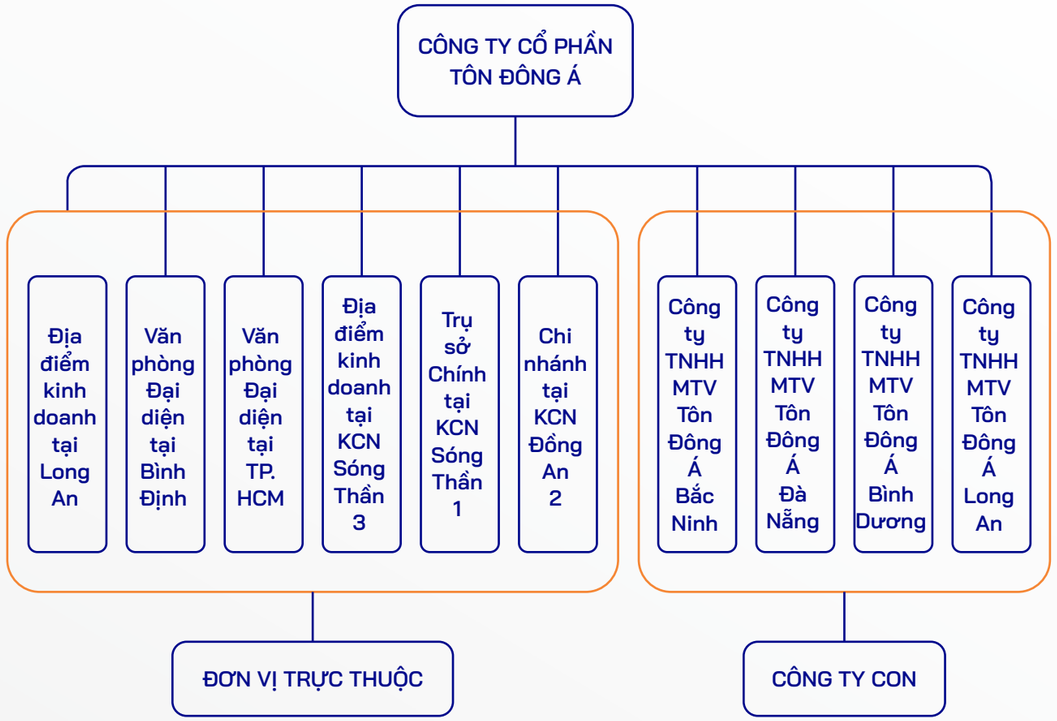

TRỤ SỞ CHÍNH
Số 5, Đường số 5, Khu công nghiệp Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương.

06
đơn vị trực thuộc

04
Công ty con

CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY

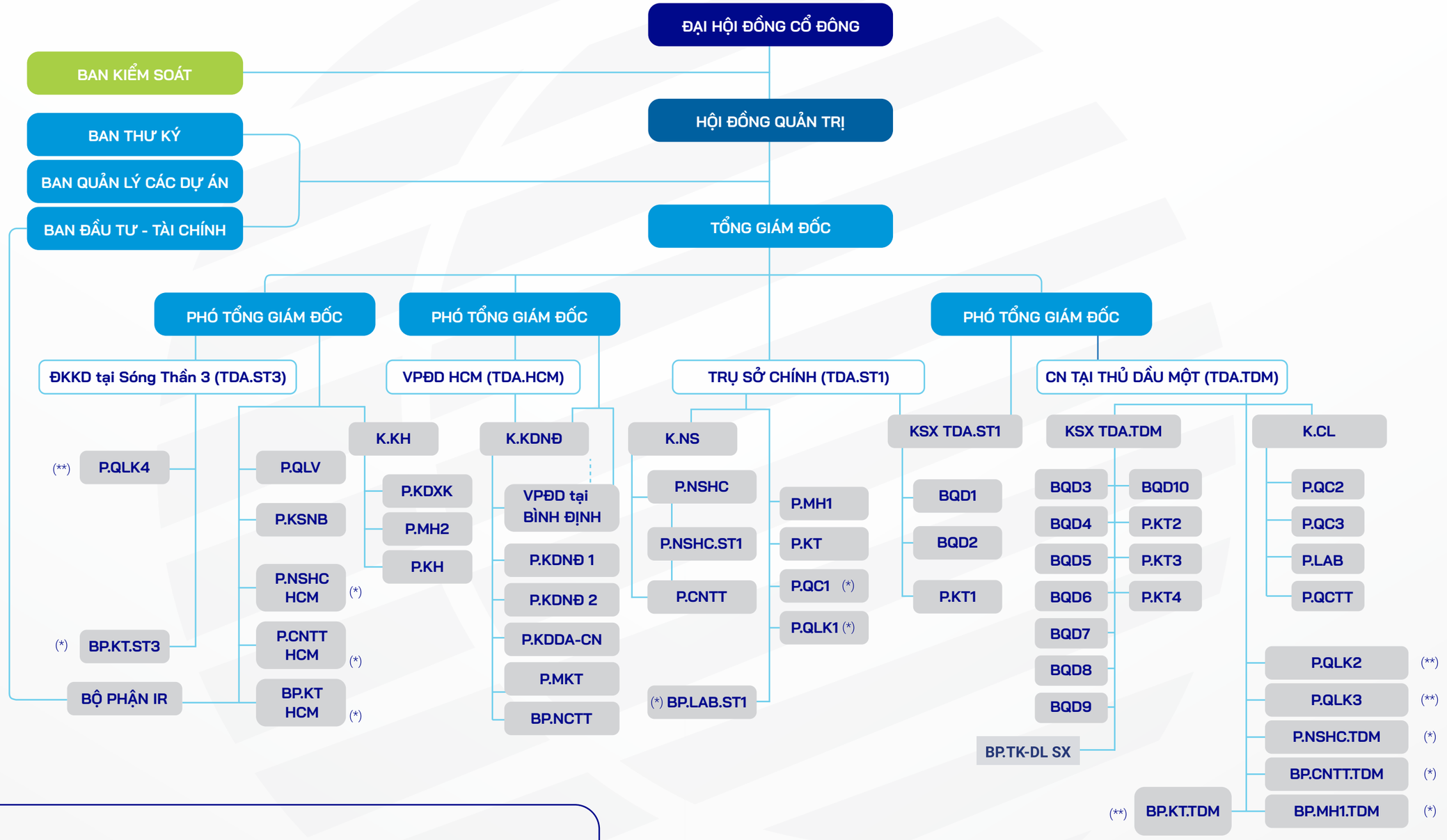

Ghi chú:

- *(*) Là các Phòng/ Ban chịu sự quản lý về mặt hành chánh tại đơn vị làm việc nhưng chịu sự quản lý trực tiếp về mặt chuyên môn tại Phòng/Ban/ Khối nghiệp vụ.*
- *(**) PTGĐ phụ trách về mặt chuyên môn nghiệp vụ.*

5. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Định hướng phát triển của Tôn Đông Á là phát triển bền vững, chú trọng vào chất lượng và uy tín thương hiệu

Tôn Đông Á đặt ra chiến lược trở thành một trong những doanh nghiệp hàng đầu của Việt Nam trong lĩnh vực sản xuất sản phẩm thép lá mạ, với tầm nhìn không ngừng đổi mới và nâng cao chất lượng sản phẩm để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường. Công ty mang sứ mệnh trở thành niềm tự hào là nhà sản xuất thép mạ Việt Nam với các sản phẩm chất lượng cao khi chú trọng đầu tư các thiết bị có công nghệ hiện đại và thân thiện với môi trường, xây dựng mối quan hệ đối tác bền vững với khách hàng, đối tác và cộng đồng, tạo ra giá trị bền vững cho xã hội, cổ đông và cán bộ nhân viên. Tôn Đông Á hiểu rằng mỗi sản phẩm của Công ty sẽ là nền tảng cơ bản nhất cho mỗi công trình với cam kết cung cấp sản phẩm chất lượng cao và dịch vụ tốt nhất cho khách hàng trên toàn thế giới.

Để có thể trở thành doanh nghiệp sản xuất thép lá mạ hàng đầu, Tôn Đông Á cũng đặt ra chiến lược mở rộng các sản phẩm thép lá mạ ứng dụng trong lĩnh vực xây dựng, thiết bị gia dụng, công nghiệp khác, vươn tới những thị trường mới và đáp ứng nhiều hơn những nhu cầu của khách hàng.

Giá trị cốt lõi của mọi doanh nghiệp thành công phải đến từ văn hóa doanh nghiệp và nguồn nhân lực. Thấu hiểu triết lý đó, Tôn Đông Á xây dựng văn hóa doanh nghiệp mang tính nhân văn, minh bạch, gìn giữ uy tín, kích thích sự sáng tạo, thúc đẩy học hỏi và tăng trưởng, tích cực tham gia các hoạt động phát triển vì cộng đồng.

Tôn Đông Á đặt ra mục tiêu mở rộng thị trường, vươn tầm ảnh hưởng không chỉ đến thêm các tỉnh thành trong cả nước mà còn vươn ra xa thị trường quốc tế. Công ty đang tổ chức mở rộng cơ sở sản xuất và tăng cường kinh doanh ra các tỉnh thành trong cả nước bằng các hoạt động mở rộng chi nhánh và tìm kiếm thêm khách hàng tại các địa bàn

mới. Cùng với đó, Tôn Đông Á cũng đẩy mạnh xuất khẩu đến các thị trường quốc tế, đặc biệt là chinh phục các thị trường khó tính như Mỹ, Châu Âu, Nhật Bản.

Trong thời gian qua, Tôn Đông Á đã xây dựng hai nhà máy sản xuất thép lá mạ hiện đại ở hai Khu Công nghiệp Sóng Thần 1 và Đồng An 2, Nhà máy sản xuất thép hộp mạ kẽm tại Tỉnh Long An. Các sản phẩm đã được chấp nhận bởi các khách hàng trong và ngoài nước khó tính nhất. Tiếp nối với thành công đó, Tôn Đông Á tiếp tục chiến lược đầu tư chiều sâu, phát triển sản lượng sản xuất, công nghệ, và mở rộng danh mục sản phẩm để đáp ứng nhu cầu cao của các ngành nghề xây dựng, công nghiệp.

Với các ưu thế và vị thế đã xây dựng qua 25 năm, Tôn Đông Á kỳ vọng sẽ giành vị trí cạnh tranh dẫn đầu bỏ xa các đối thủ cùng ngành. Tôn Đông Á đã thiết lập một nền văn hóa tổ chức năng động nhằm cùng phát triển với tất cả nhân viên. Ngoài ra, Công ty luôn hướng đến việc xây dựng một hệ thống quản lý, kế hoạch quản trị bền vững cho xã hội và cộng đồng, đặt ưu tiên hàng đầu trong hoạt động kinh doanh về an toàn và nghiên cứu giảm thiểu phát thải khí nhà kính.

6. CÁC RỦI RO

RỦI RO VỀ KINH TẾ

Kết thúc năm 2022 những bất ổn của tình hình thế giới đặc biệt là cuộc chiến tranh Nga – Ukraine, chính sách zero-Covid của Trung Quốc đồng thời nỗi lo lạm phát cũng như suy thoái kinh tế bao trùm các nước trên thế giới đã khiến giá cả nguyên liệu, nhiên liệu... biến động bất thường. Trong năm 2023, nền kinh tế đối mặt với nhiều khó khăn và thách thức: biến động khí hậu, căng thẳng địa chính trị, lạm phát, thắt chặt tiền tệ, tình hình kinh tế Trung Quốc, dư âm của Covid...

Quản trị rủi ro: *Tôn Đông Á chủ động theo sát tình hình kinh tế, chính trị, xã hội thế giới, vận hành linh hoạt bộ máy nội bộ và phối hợp chặt chẽ với các đối tác bên ngoài để đưa ra đường lối chiến lược phù hợp nhất trong cả ngắn và dài hạn cho Công ty.*

RỦI RO VỀ TỶ GIÁ

Trong hoạt động kinh doanh của Công ty, nguồn doanh thu và chi phí đáng kể đến từ hoạt động xuất khẩu và nhập khẩu nguyên vật liệu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Quản trị rủi ro: *Tôn Đông Á luôn kiểm soát và tính toán kỹ lưỡng về thời gian thực hiện cũng như thời hạn thanh toán của các kế hoạch đầu tư, kinh doanh do đó hạn chế rủi ro chênh lệch tỷ giá ở mức thấp nhất. Công ty cũng sẽ tính toán đến việc thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro tỷ giá trong tương lai nếu cần thiết bằng các phương pháp hợp đồng phái sinh.*

RỦI RO VỀ LÃI SUẤT

Rủi ro về lãi suất đối với một doanh nghiệp sẽ xuất hiện khi chi phí trả lãi vay của doanh nghiệp cao hơn khả năng tạo ra lợi nhuận. Mức rủi ro về lãi suất là khác nhau giữa các ngành tùy theo cơ cấu nợ vay của các ngành đó. Lãi suất càng cao khi doanh nghiệp vay vốn để đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh càng tạo nên nhiều khó khăn và rủi ro. Để phục vụ cho vốn lưu động của hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty sử dụng nguồn vốn vay từ Ngân hàng với tỷ lệ trung bình 50% trên tổng tài sản phục vụ cho vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh. Đây là cơ cấu vốn tương đối an toàn nên những biến động của lãi suất (nếu có) tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phần nào sẽ được hạn chế.

Quản trị rủi ro: *Tôn Đông Á duy trì tỉ lệ đòn bẩy ở mức ổn định hiện tại và có các quy tắc riêng nhằm tối ưu hóa chi phí vốn khi mặt bằng lãi suất chung biến động lớn. Tôn Đông Á đánh giá trong năm 2024 lãi suất chung sẽ có xu hướng hạ nhiệt nhưng không biến động nhiều do đó ảnh hưởng đến chi phí vay của Tôn Đông Á sẽ không quá lớn so với năm 2023.*

RỦI RO VỀ LUẬT PHÁP

Công ty Cổ phần Tôn Đông Á là Công ty đại chúng, là đối tượng áp dụng và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp 2020, Luật Chứng khoán 2019, Luật Đầu tư 2020, Luật thuế, các văn bản hướng dẫn dưới luật, các văn bản chuyên ngành khác có liên quan và cả các Hiệp định thương mại tự do, các Công ước Quốc tế. Bất cứ sự thay đổi nào về pháp luật và môi trường pháp lý liên quan đều có tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Công ty được giám sát bởi hệ thống các cơ quan nhà nước bao gồm: Bộ Tài chính, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (SSC), Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX), Tổng Công ty Lưu ký Và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC), Tổng cục thuế,... Luật và các văn bản dưới luật trong lĩnh vực chứng khoán cũng đang trong quá trình hoàn thiện, do đó bất kỳ sự thay đổi nào về mặt chính sách sẽ có thể ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của Công ty. Mặt khác rủi ro này cũng xuất hiện khi các Công ty không tuân thủ nghiêm ngặt các quy định pháp luật, thực hiện các hoạt động không được cho phép của pháp luật dẫn đến tổn thất và tổn hại uy tín của Công ty.

Quản trị rủi ro: *Tôn Đông Á thường xuyên cập nhật các thay đổi, bổ sung, ban hành mới của hệ thống luật pháp Việt Nam và quốc tế. Ban Lãnh đạo và toàn thể người lao động, cán bộ công nhân viên cam kết làm việc trên tinh thần thượng tôn pháp luật, tuân thủ các quy định pháp luật trong quá trình lao động và sản xuất.*

RỦI RO ĐẶC THÙ

Rủi ro về giá nguyên vật liệu và thành phẩm

Ngành thép và tôn mạ chịu rủi ro lớn về biến động giá nguyên vật liệu đầu vào, cụ thể là giá thép cuộn cán nóng (HRC) do chi phí nguyên vật liệu này chiếm hơn 80% tổng chi phí đầu vào. Trong năm 2023, giá nguyên liệu đầu vào không biến động nhiều, có sự ổn định trong ngắn hạn. Sự biến động của giá nguyên liệu đầu vào sẽ gây ảnh hưởng tới biên lợi nhuận của Công ty.

Quản trị rủi ro: *Với chính sách thu mua nguyên vật liệu đầu vào chặt chẽ và kinh nghiệm cao, Tôn Đông Á có thể hạn chế rủi ro về biến động giá HRC đầu vào, do giá thành phẩm bán ra được cố định cùng với thời điểm thu mua nguyên vật liệu để đảm bảo biên lợi nhuận.*

Rủi ro về nguồn cung và cầu

Sự bất ổn về tình hình chính trị và kinh tế thế giới đã ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp đến chuỗi giá trị trong cả hoạt động sản xuất cũng như vận chuyển của hầu hết các ngành sản xuất, trong đó có ngành tôn mạ và thép. Đối với thị trường nội địa hiện tại, chỉ có hai doanh nghiệp có năng lực sản xuất sản phẩm HRC là Hòa Phát và Formosa Hà Tĩnh. Với tỷ lệ nội địa hóa chưa đủ cao, có rủi ro hiện hữu cho các doanh nghiệp tôn với việc nhập khẩu nguyên vật liệu.

Nhu cầu cho ngành tôn và vật liệu xây dựng nói chung chịu ảnh hưởng lớn từ xu hướng kinh tế thế giới. Đặc biệt, các động lực phát triển đến từ nhu cầu tăng trưởng tự thân từ ngành bất động sản cũng như các chính sách của chính phủ, đặc biệt tại những thị trường mới nổi, trong việc đẩy mạnh đầu tư cơ sở hạ tầng. Các Công ty trong ngành thép cần kiểm soát tốt rủi ro trong việc đầu tư và kinh doanh tại thị trường nội địa và các thị trường xuất khẩu. Đội ngũ thu mua và bán hàng giàu kinh nghiệm, các mối quan hệ lâu dài và bền vững với các nhà cung ứng và khách hàng, quan hệ đối tác lâu năm với các công ty lớn trong ngành thép thế giới như JFE và Posco giúp Công ty xây dựng chuỗi giá trị bền vững đảm bảo cung cầu ổn định để tối ưu hóa hoạt động kinh doanh.

RỦI RO CẠNH TRANH

Đặc thù của ngành tôn là lĩnh vực kinh doanh đã có truyền thống rất lâu trên thị trường với sự tham gia của nhiều doanh nghiệp có năng lực sản xuất kinh doanh có tầm cỡ. Các doanh nghiệp này cũng đang có kế hoạch triển khai nhiều dự án sản xuất tôn quy mô lớn. Trong trường hợp tổng quy mô công suất trong ngành phát triển nhanh hơn nhu cầu của thị trường, sức ép cạnh tranh đối với các doanh nghiệp sẽ là một yếu tố quan trọng trong hoạt động kinh doanh thép của Công ty.

RỦI RO QUẢN TRỊ CÔNG TY

Là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực chuyên sản xuất thép cán nguội, tôn kẽm, tôn lạnh, tôn màu phục vụ cho ngành xây dựng công nghiệp và dân dụng, hạ tầng giao thông, thiết bị gia dụng, Công ty đã tạo lập được vị thế vững chắc trên thị trường dựa trên nền tảng đội ngũ có nhiều kinh nghiệm. Công ty luôn chú trọng tập trung đào tạo, phát triển đội ngũ quản lý có trình độ cao, tạo dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp.

RỦI RO KHÁC

Ngoài các rủi ro nêu trên, một số rủi ro mang tính bất khả kháng tuy rất hiếm khi xảy ra, nhưng nếu xảy ra cũng sẽ ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Các rủi ro khác có thể kể đến như chiến tranh, dịch bệnh, thiên tai, khủng bố... Công ty đã thực hiện các phương án giúp giảm thiểu các thiệt hại do các rủi ro này gây ra như chủ động mua bảo hiểm, xây dựng các kịch bản ứng phó với khủng hoảng ...

PHẦN II:
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
2. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ
3. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN DỰ ÁN
4. CÁC CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH
5. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
6. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

TÌNH HÌNH NGÀNH THÉP NĂM 2023

Ngành thép năm 2023 đối mặt với nhiều thách thức và khó khăn, nhu cầu sụt giảm toàn cầu, suy thoái kinh tế và lạm phát ở các thị trường lớn, thị trường bất động sản trầm lắng kể từ nửa cuối năm 2022.

Sự suy giảm trong nhu cầu và tốc độ tăng trưởng chậm lại ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất và kinh doanh của các doanh nghiệp trong ngành. Thị trường bất động sản trầm lắng từ nửa cuối năm 2022 cũng gây ra ảnh hưởng đến ngành thép, do nhu cầu vật liệu xây dựng giảm đi. Điều này tác động đến việc tiêu thụ thép và dự báo sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến sản xuất thép trong năm 2023.

Giá nguyên vật liệu, đặc biệt là giá quặng sắt và than cốc, có xu hướng biến động phức tạp. Sự biến động này đặt ra thách thức trong việc ổn định chi phí sản xuất và duy trì lợi nhuận của các Công ty sản xuất thép. Ngành thép đang chuyển đổi để hướng tới tăng trưởng xanh, nhằm thực hiện cam kết giảm phát thải khí nhà kính. Điều này đòi hỏi các doanh nghiệp phải đầu tư vào công nghệ sạch và tiến hành cải tiến quy trình sản xuất để giảm thiểu tác động đến môi trường. Đối mặt với một số thách thức mới, đặc biệt về cơ chế điều chỉnh carbon (CBAM) của Liên minh Châu Âu (EU) đã bắt đầu thực hiện giai đoạn chuyển tiếp từ 01/10/2023. Điều này đặt ra thách thức cho các doanh nghiệp sản xuất thép khi họ phải tuân thủ các quy định mới về tiêu chuẩn môi trường và khí thải.

SẢN LƯỢNG TIÊU THỤ THÉP GIAI ĐOẠN 2022 - 2023 (triệu tấn)

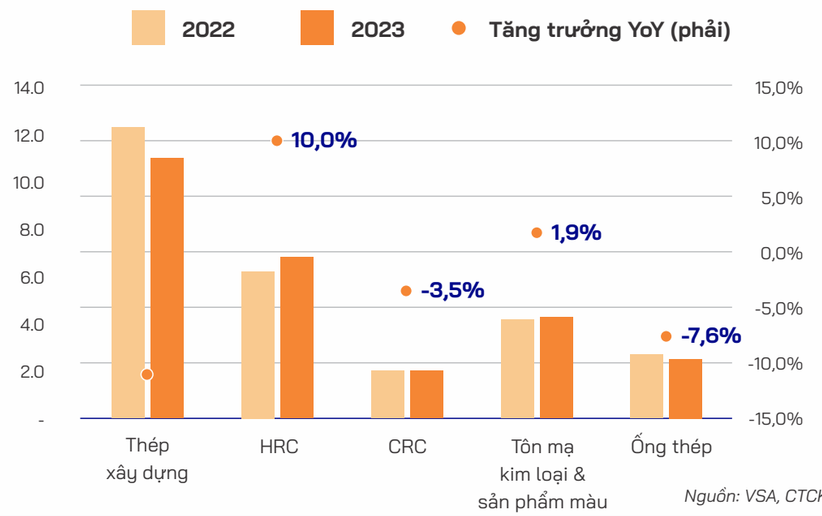

Nguồn: VSA, CTCK Rồng Việt.

NHỮNG THUẬN LỢI VÀ KHÓ KHĂN MÀ DOANH NGHIỆP ĐỐI MẶT TRONG QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG SXKD TRONG NĂM LÀM BÁO CÁO

THUẬN LỢI

Kinh tế năm 2023 có những bước tiến nhất định dù phải đối mặt với nhiều khủng hoảng, suy thoái và lạm phát toàn cầu. Kinh tế Việt Nam mặc dù còn gặp nhiều khó khăn nhưng với sự tích cực hỗ trợ từ Chính phủ đã triển khai nhiều giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy tăng trưởng, giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, lạm phát được kiểm soát, lãi suất cho vay hỗ trợ sản xuất. Điều này tạo điều kiện thuận lợi cho những doanh nghiệp như Tôn Đông Á tiếp tục hoạt động sản xuất kinh doanh và tăng trưởng.

Các chính sách giảm phát thải carbon, biện pháp siết chặt quản lý công nghệ - sản xuất của các cường quốc thép và Việt Nam hướng tới tăng trưởng xanh sẽ góp phần ủng hộ xuất khẩu của Việt Nam trong dài hạn, tạo ra cơ hội mới cho doanh nghiệp chú trọng đầu tư, quản trị, phát triển bền vững như Tôn Đông Á trong việc mở rộng hoạt động xuất khẩu và nâng cao giá trị thương hiệu.

Sức cầu nội địa được kỳ vọng sẽ tăng vào quyết tâm của Chính phủ thúc đẩy tiến độ thi công và giải ngân các dự án công trọng điểm, các dự án bất động sản và đầu tư công nghiệp, chính sách thuế, việc làm.

KHÓ KHĂN

Những bất ổn về địa chính trị, kinh tế thế giới gặp khó khăn, tổng cầu phục hồi yếu, lạm phát nhiều nước vẫn ở mức cao, chuỗi cung ứng thiếu ổn định, dư âm của Covid 19, ...

Thị trường thép trầm lắng và sụt giảm kéo dài. Giá thép ở các nước biến động, giá cả các loại nguyên vật liệu thô cho sản xuất thép biến động, giá bán đầu ra chưa hồi phục do nhu cầu chưa tăng.

Thị trường Bất động sản tiếp tục ảm đạm, nhu cầu xây dựng còn hạn chế. Chính sách tiền tệ còn thắt chặt và dòng tiền luân chuyển còn hạn chế.

Sự cạnh tranh gay gắt từ các doanh nghiệp khác cũng là một thách thức lớn, đặc biệt là khi phải đối mặt với sự thay đổi trong môi trường kinh doanh do ảnh hưởng của các yếu tố bên ngoài như biến đổi khí hậu và chính sách mới về môi trường. Vấn đề biến đổi khí hậu, an ninh năng lượng là điều cần lưu ý cho toàn thị trường năm 2023, hệ quả chi phí và giá cả các mặt hàng sẽ tăng cao, nhưng điều này cũng ủng hộ cho ngành tôn thép thiết lập mặt bằng giá và quỹ đạo chu kỳ ngành mới.

GIÁ NGUYÊN LIỆU thành phẩm của lò BOF (USD/tấn)

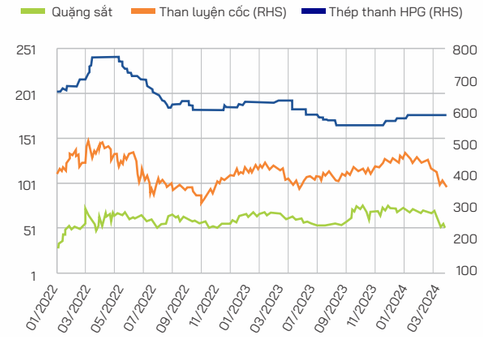

GIÁ HRC tại các thị trường (USD/tấn)

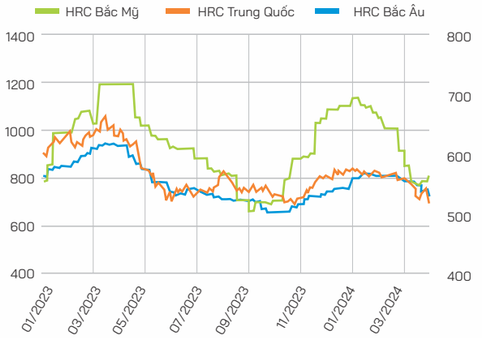

Nguồn: Bloomberg, CTCK Rồng Việt

ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 2023

Năm 2023 là năm đầy thách thức và khó khăn với toàn ngành kinh tế nói chung và ngành tôn mạ nói riêng, nhưng bằng sự kiên định trong định hướng và sự linh hoạt ứng phó với thị trường, Tôn Đông Á đã hạn chế được những rủi ro nhất định và ở vị trí top 2 thị phần trong ngành tính chung thị trường nội địa và xuất khẩu.

Với Sản lượng tiêu thụ, doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế năm 2023 lần lượt đạt được như sau:

CHỈ TIÊU	NĂM 2022	KẾ HOẠCH NĂM 2023	THỰC HIỆN NĂM 2023	+/- SO VỚI 2022 (%)	+/- SO VỚI KẾ HOẠCH 2023 (%)
Sản lượng tiêu thụ (nghìn tấn)	736	760	775	5%	2%
Doanh thu thuần (tỷ đồng)	21.614	17.000	17.435	(19%)	3%
Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	(277)	200	284	203%	42%

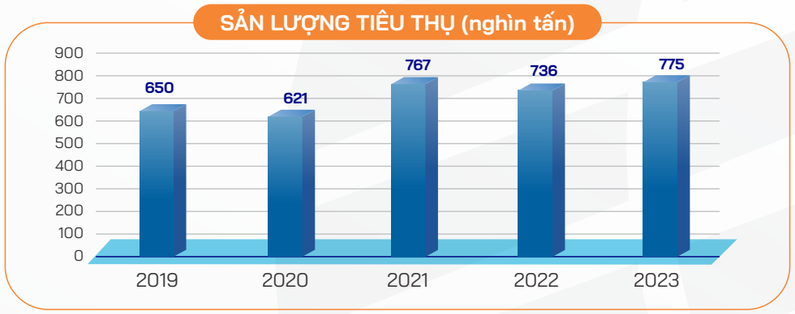

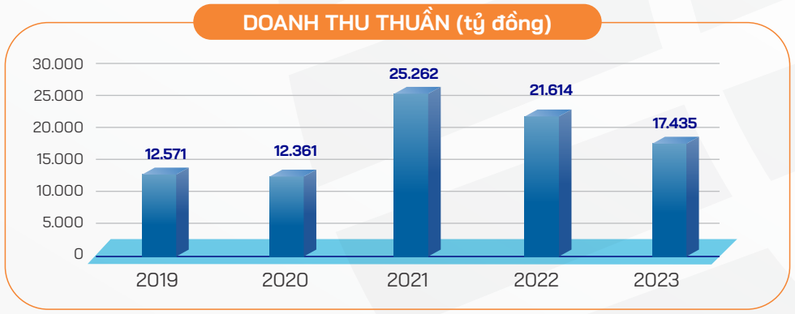

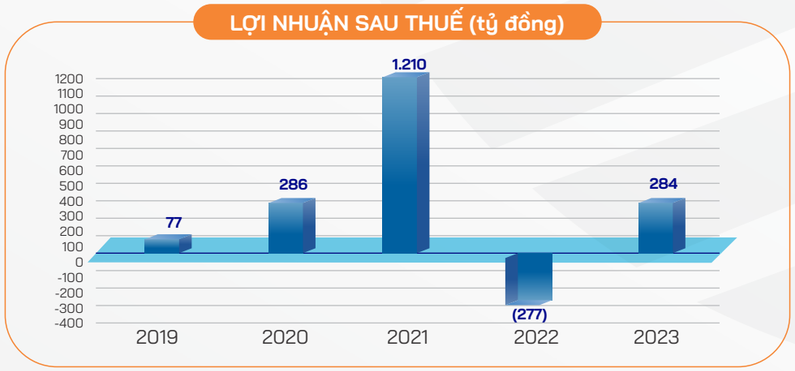

Năm 2023, sản lượng bán hàng đạt 775 nghìn tấn, tăng 5% so với năm 2022 và 2% so với kế hoạch nhờ vào nỗ lực mở rộng thị trường cùng chính sách bán hàng hợp lý. Doanh thu thuần năm 2023 đạt 17.435 tỷ đồng, giảm 19% so với năm 2022 chủ yếu do giá bán nguyên liệu giảm so với thời kỳ tăng trưởng nóng của giá bởi biến động từ chiến tranh cục bộ Nga-Ukraine ảnh hưởng đến chuỗi cung ứng nguyên vật liệu. Mặc dù vậy, nhờ vào quản trị hàng tồn kho, sản xuất và bán hàng chặt chẽ, lợi nhuận sau thuế năm 2023 của Công ty phục hồi so với năm 2022, đạt 284 tỷ đồng, tức tăng 203%. Tôn Đông Á đã đẩy mạnh nhiều chiến lược trọng tâm và thực hiện xuyên suốt trong quá trình sản xuất kinh doanh cùng với hệ thống quản trị vững chắc, nhờ vậy Công ty đã đạt được kế hoạch đề ra. Với mạng lưới phân phối vững mạnh với hơn 1.700 đại lý toàn quốc và cung ứng các sản phẩm chất lượng cao trên 50 quốc gia trên thế giới, cùng với bộ nhận diện thương hiệu, trong đó có Bộ nhãn hàng sản phẩm KING/WIN/SVIET và KINGMAX được phổ biến rộng rãi đến người tiêu dùng.

Với phương châm **"Chất lượng - Uy tín - Phát triển bền vững"** xuyên suốt trong chiến lược kinh doanh hơn 25 năm của Tôn Đông Á luôn hướng đến Sản xuất bền vững, tiết kiệm năng lượng. Tiếp tục triển khai các giải pháp tiết kiệm năng lượng, thực hiện kiểm toán năng lượng, áp dụng công nghệ tiên tiến vào vận hành và cũng là một trong những đơn vị tiên phong tham gia dự án "Thúc đẩy thị trường đầu tư tiết kiệm, hiệu quả năng lượng trong lĩnh vực công nghiệp và hỗ trợ thực hiện kế hoạch hành động tăng trưởng xanh" do Bộ Công thương và Bộ Kế hoạch và Đầu tư cùng cơ quan Hợp tác Quốc tế Hàn Quốc (KOICA) triển khai năm 2023. Với những nỗ lực không ngừng, ngày 28/11/2023, Tôn Đông Á chính thức nhận chứng chỉ Hệ thống quản lý năng lượng ISO 50001:2018. Để nâng cao sức nhận diện thương hiệu và lan tỏa những giá trị tốt đẹp của Công ty, Tôn Đông Á cũng đóng góp tích cực vào các hoạt động thiện nguyện, hoạt động xã hội như xây cầu, làm đường, đồng hành với các quỹ hỗ trợ học sinh – sinh viên và các gia đình có hoàn cảnh khó khăn,....

Năm 2023, Tôn Đông Á vẫn duy trì tiếp tục đạt được các thành tích, giải thưởng lớn trong nước. Thành quả lớn nhất mà Tôn Đông Á đạt được chính là sự tín nhiệm, sự đánh giá cao về chất lượng sản phẩm và dịch vụ mà Tôn Đông Á đem lại cho khách hàng cũng như uy tín thương hiệu ngày một cao trên thị trường. Tôn Đông Á sẽ tiếp tục duy trì và phát huy những điểm sáng trong hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023, hướng tới năm 2024 ổn định và thành công hơn.

2. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

THỐNG KÊ NHÂN SỰ *(Số liệu năm 2023)*

1.468 lao động

1.255

213

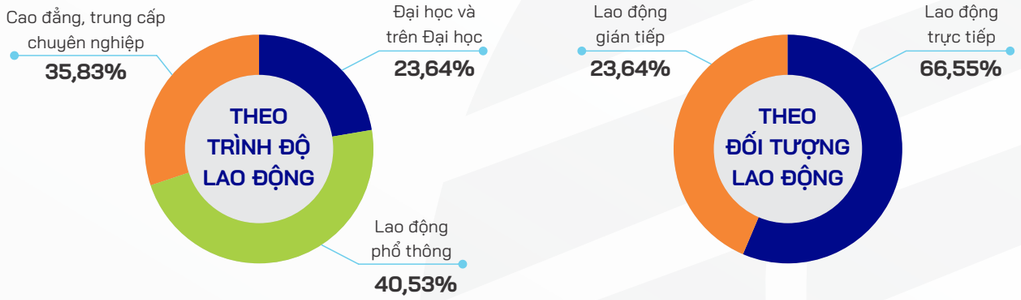

STT	TIÊU CHÍ	SỐ LƯỢNG NĂM 2022 (NGƯỜI)	TỶ TRỌNG 2022	SỐ LƯỢNG NĂM 2023 (NGƯỜI)	TỶ TRỌNG 2023
I	**Theo trình độ lao động:**				
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	348	23,67%	347	23,64%
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	520	35,37%	526	35,83%
3	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật				
4	Lao động phổ thông	602	40,95%	595	40,53%
II	**Theo đối tượng lao động:**				
1	Lao động trực tiếp	1.011	68,78%	977	66,55%
2	Lao động gián tiếp	459	31,22%	491	33,45%
III	**Theo giới tính:**				
1	Nam	1.257	85,51%	1.255	85,49%
2	Nữ	213	14,49%	213	14,51%
	Tổng cộng	**1.470**	**100,00%**	**1.468**	**100,00%**

CHÍNH SÁCH LAO ĐỘNG

CHÍNH SÁCH ĐÃI NGỘ, PHÚC LỢI

Chính sách tiền lương thù lao, phụ cấp của Tôn Đông Á được xây dựng với mục tiêu: công bằng, nâng cao hiệu quả làm việc và tăng cường sự gắn bó lâu dài của các thành viên. Mức lương và phụ cấp của Tôn Đông Á được trả căn cứ vào vị trí công việc (mỗi vị trí đòi hỏi mức độ kiến thức, kỹ năng, độ thách thức cũng như trách nhiệm khác nhau), hiệu quả làm việc và thâm niên làm việc của nhân viên. Tiền lương hàng tháng cũng bao gồm tiền lương, thưởng theo kết quả sản xuất kinh doanh và hiệu quả của Công ty, phòng ban và cá nhân hàng tháng.

Hàng năm, mức cạnh tranh mặt bằng lương cũng như thu nhập cho từng vị trí công việc đều được Công ty đánh giá, xem xét và điều chỉnh phù hợp để đảm bảo mặt bằng lương và thu nhập của Công ty chi trả cho cán bộ công nhân viên có tính cạnh tranh so với các Công ty cùng ngành và so với mặt bằng chung tại khu vực Công ty hoạt động, việc chi trả tiền lương luôn đúng hạn.

Công ty xây dựng và áp dụng quy chế khen thưởng nhằm động viên, khuyến khích hiệu quả công việc và sự sáng tạo, cải tiến trong công việc. Các hình thức khen thưởng chính: Thưởng tháng 13 theo thâm niên; thưởng hiệu quả hàng tháng theo kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty, của bộ phận và hiệu quả làm việc của cá nhân; thưởng hiệu quả hàng năm theo hiệu quả (theo lợi nhuận và các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh của Công ty), hiệu quả của Phòng ban và hiệu quả của cá nhân; thưởng nhân dịp thành lập Công ty, thưởng nhân các dịp lễ lớn của Việt Nam; thưởng đột xuất cho các sáng kiến, thành tích, đóng góp ngoài nhiệm vụ được giao hoặc các hành vi/hành động dũng cảm nhằm bảo vệ tài sản của tập thể và cá nhân....; thưởng sáng kiến đột xuất (xét thưởng hàng tháng); thưởng cho cán bộ công nhân viên (CBCNV) có hiệu quả cao nhất mỗi phòng ban hàng tháng (cộng thưởng trực tiếp vào tiền lương trong tháng); thưởng hoàn thành dự án; thưởng tập thể, cá nhân hàng năm; thưởng sáng kiến cải tiến hàng năm.

100% người lao động làm việc tại Công ty đều được hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật; định kỳ khám sức khỏe 1 lần/năm; Tổ chức và tham gia các hoạt động team building, tham quan dã ngoại, các hoạt động văn nghệ, thể thao hàng năm...

Công ty vẫn duy trì chính sách mua bảo hiểm y tế chất lượng cao cho các cấp quản lý.

Ngoài ra, Ban lãnh đạo Tôn Đông Á rất quan tâm thăm hỏi và bồi dưỡng cán bộ nhân viên Công ty những lúc ốm đau hay gia đình có tang gia, hiếu hỷ.

CHÍNH SÁCH TUYỂN DỤNG

Hàng năm, Phòng Hành chính Nhân sự xây dựng kế hoạch tuyển dụng dựa trên nhu cầu phát triển của Tôn Đông Á; Thực hiện chính sách tuyển dụng tìm kiếm và thu hút nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn cao, đạo đức tốt, giỏi ngoại ngữ, phù hợp với văn hóa Công ty.

Việc tuyển dụng người lao động đều có kế hoạch và phải được công khai về số lượng, tiêu chuẩn, hình thức và kết quả tuyển dụng. Việc quy hoạch, đào tạo, bổ nhiệm, luân chuyển, điều động, khen thưởng, kỷ luật, cho thôi việc đối với cán bộ quản lý và người lao động được công khai tại nơi làm việc.

3. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN DỰ ÁN

DỰ ÁN HỆ THỐNG ĐIỆN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI

Địa điểm thực hiện:
Nhà máy TDA.TDM -
KCN Đồng An 2 - Bình Dương

Vốn đầu tư:
54 tỷ đồng

Tiến độ thực hiện:
Tháng 1/2024 – tháng 6/2024

Mục tiêu đầu tư:

Tiết kiệm chi phí tiêu thụ điện và định hướng sản xuất kinh doanh bền vững với môi trường và xã hội, góp phần bảo vệ hệ sinh thái chung.

DỰ ÁN NHÀ MÁY 4

Địa điểm thực hiện:
Miền Nam, Việt Nam

Vốn đầu tư:
7.000 tỷ đồng (dự kiến)

Tiến độ thực hiện:
2024 – 2032 (dự kiến)

Mục tiêu đầu tư:

Phát triển quy mô sản xuất tôn mạ kẽm, mạ lạnh và mạ màu cung ứng cho ngành xây dựng, sản xuất thiết bị gia dụng và ô tô

Quy mô:
1,2 triệu tấn/năm

4. CÁC CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH

DANH SÁCH CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT CỦA CÔNG TY

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TÔN ĐÔNG Á BẮC NINH

Nhà RBF-Q, Khu RBF, số 36, đường 05, VSIP Bắc Ninh, X. Đại Đồng, H. Tiên Du, T. Bắc Ninh

Ngày thành lập: 05/05/2017

Số GCN ĐKDN: 2300982287

Lĩnh vực kinh doanh
Mua bán thép các loại

Vốn điều lệ đăng ký: 9,0 tỷ đồng

Tỷ lệ sở hữu: 100%

Tỷ lệ biểu quyết của TDA: 100%

Tỷ lệ sở hữu của Công ty tại TDA: 0%

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TÔN ĐÔNG Á ĐÀ NẴNG

Lô E2, đường số 7, KCN Hòa Khánh, Q.Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng

Ngày thành lập: 11/06/2014

Số GCN ĐKDN: 0401610098

Lĩnh vực kinh doanh
Mua bán thép các loại

Vốn điều lệ đăng ký: 50,0 tỷ đồng

Tỷ lệ sở hữu: 100%

Tỷ lệ biểu quyết của TDA: 100%

Tỷ lệ sở hữu của Công ty tại TDA: 0%

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TÔN ĐÔNG Á LONG AN

Lô D9, đường số 4, KCN Nhựt Chánh, xã Nhựt Chánh, H. Bến Lức, T. Long An

Ngày thành lập: 28/04/2016

Số GCN ĐKDN: 1101819799

Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất ống thép hộp, mua bán thép các loại

Vốn điều lệ đăng ký: 43,0 tỷ đồng

Tỷ lệ sở hữu: 100%

Tỷ lệ biểu quyết của TDA: 100%

Tỷ lệ sở hữu của Công ty tại TDA: 0%

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TÔN ĐÔNG Á BÌNH DƯƠNG

Lô CN16, Ô số 9-10, đường số 6, KCN Sóng Thần 3, Tp. Thủ Dầu Một, T. Bình Dương

Ngày thành lập: 29/06/2017

Số GCN ĐKDN: 3702576537

Lĩnh vực kinh doanh
Cung cấp dịch vụ vận tải

Vốn điều lệ đăng ký: 42,6 tỷ đồng

Tỷ lệ sở hữu: 100%

Tỷ lệ biểu quyết của TDA: 100%

Tỷ lệ sở hữu của Công ty tại TDA: 0%

KHÁI QUÁT KẾT QUẢ HĐKD CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	CHỈ TIÊU	NĂM 2022		NĂM 2023	
		Doanh Thu Thuần	Lợi Nhuận Sau Thuế	Doanh Thu Thuần	Lợi Nhuận Sau Thuế
1	Công ty TNHH Một thành viên Tôn Đông Á Bắc Ninh	727	3	892	11
2	Công ty TNHH Một thành viên Tôn Đông Á Đà Nẵng	623	(11)	509	4
3	Công ty TNHH Một thành viên Tôn Đông Á Long An	686	(6)	660	9
4	Công ty TNHH Một thành viên TônĐông Á Bình Dương	113	(15)	172	17

Trong năm 2023, Các Công ty Thành viên có sự hồi phục lợi nhuận so với năm 2022. Nhìn chung, các Công ty thành viên của Công ty nằm trải dài từ Bắc vào Nam nhằm đa dạng chuỗi cung ứng phân phối sản phẩm nhằm gia tăng sản lượng, mở rộng mạng lưới khách hàng, tăng độ phủ thương hiệu đến khắp người tiêu dùng Việt Nam và góp phần tạo ra giá trị kinh doanh cho Công ty hợp nhất.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TÔN ĐÔNG Á BẮC NINH (TĐA BẮC NINH)

Doanh thu thuần:

từ 727 tỷ đồng đến 892 tỷ đồng
tăng trưởng 23%.

Lợi nhuận sau thuế:

từ 3 tỷ đồng đến 11 tỷ đồng
tăng trưởng 266,67%

Năm 2023, TĐA Bắc Ninh đã ghi nhận mức tăng trưởng ấn tượng cả về doanh thu và lợi nhuận sau thuế. Điều này cho thấy Công ty đã thực hiện các chiến lược kinh doanh hiệu quả, đẩy mạnh thương hiệu và đạt những cơ hội mới trong thị trường miền Bắc.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TÔN ĐÔNG Á ĐÀ NẴNG (TĐA ĐÀ NẴNG)

Doanh thu thuần:

từ 623 tỷ đồng xuống 509 tỷ đồng
tỷ lệ giảm 18,29%.

Lợi nhuận sau thuế:

từ -11 tỷ đồng đến 4 tỷ đồng
tăng trưởng 136,36%.

Năm 2023, mặc dù doanh thu giảm, nhưng TĐA Đà Nẵng đã có mức tăng trưởng đáng kể về lợi nhuận sau thuế nhờ Công ty đã thực hiện các biện pháp cắt giảm chi phí và cải thiện hiệu suất kinh doanh.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TÔN ĐÔNG Á LONG AN (TĐA LONG AN)

Doanh thu thuần:

từ 686 tỷ đồng xuống 660 tỷ đồng
tỷ lệ giảm 3,79%.

Lợi nhuận sau thuế:

từ -6 tỷ đồng đến 9 tỷ đồng
tăng trưởng 250%.

TĐA Long An ghi nhận sự tăng trưởng đáng kể về lợi nhuận sau thuế mặc dù doanh thu có sự giảm nhẹ, cho thấy Công ty đã thực hiện các biện pháp cải thiện hiệu suất và tối ưu hóa hoạt động kinh doanh.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TÔN ĐÔNG Á BÌNH DƯƠNG (TĐA BÌNH DƯƠNG)

Doanh thu thuần:

từ 113 tỷ đồng đến 172 tỷ đồng
tăng trưởng 52,21%.

Lợi nhuận sau thuế:

từ -15 tỷ đồng đến 17 tỷ đồng
tăng trưởng 213,33%.

TĐA Bình Dương ghi nhận mức tăng trưởng đáng kể cả về doanh thu và lợi nhuận sau thuế, cho thấy Công ty đã có các chiến lược hiệu quả trong việc mở rộng kinh doanh và cải thiện hiệu suất.

5. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

STT	CHỈ TIÊU	NĂM 2022	NĂM 2023	TĂNG/ GIẢM (%)
1	Tổng tài sản	10.306	11.542	12%
2	Doanh thu thuần	21.614	17.435	(19%)
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(301)	309	203%
4	Lợi nhuận khác	8	(3)	(137%)
5	Lợi nhuận trước thuế	(293)	306	204%
6	Lợi nhuận sau thuế	(277)	284	203%
7	**Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (%)**	-	**121,15% (*)**	-

(*) Ghi chú: *Tỷ lệ tính toán dựa trên mức cổ tức dự kiến chi trả cho năm 2023 đã được ĐHĐCĐ thông qua tại kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2023.*

Tổng tài sản của Công ty năm 2023 tăng từ 10.306 tỷ đồng lên 11.542 tỷ đồng, tăng 12% so với năm trước. Sự tăng trưởng này cho thấy sự mở rộng hoạt động và phát triển của Công ty trong năm 2023.

Tuy nhiên, doanh thu thuần của Công ty giảm mạnh từ 21.614 tỷ đồng xuống còn 17.435 tỷ đồng, giảm 19%. Sự suy giảm này có thể phản ánh sự giảm sút ảnh hưởng bởi một số yếu tố bên ngoài như suy thoái kinh tế toàn cầu, đặc biệt Trung Quốc giảm nhu cầu tiêu thụ và ngành bất động sản trì trệ.

Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh của Công ty trải qua một sự phục hồi lớn từ âm 301 tỷ đồng trong năm 2022 đến lợi nhuận 309 tỷ đồng trong năm 2023. Góp phần vào lợi nhuận sau thuế năm 2023 đến từ lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái, nhờ đó công ty có ghi nhận hưởng lợi từ việc quy đổi ngoại tệ từ thặng dư xuất khẩu so với nhập khẩu. Điều này ảnh hưởng tích cực đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Sự tăng trưởng trong hiệu quả hoạt động cho thấy Công ty đã thực hiện các biện pháp cải thiện hiệu suất hoạt động và đáp ứng nhanh với biến động không ngừng trên thị trường.

Tổng lợi nhuận trước thuế và sau thuế của Công ty cũng tăng đáng kể từ âm 293 tỷ đồng và âm 277 tỷ đồng lên 306 tỷ đồng và 284 tỷ đồng, ghi nhận một số cải thiện trong một số chỉ tiêu tài chính như lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh, nhờ sự quản lý cẩn trọng và các biện pháp cải thiện hiệu suất để đảm bảo sự ổn định và bền vững trong tương lai.

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	NĂM 2022	NĂM 2023
I	**Chỉ tiêu về khả năng thanh toán**			
-	Hệ số thanh toán ngắn hạn = TSNH/NNH	Lần	1,10	1,10
-	Hệ số thanh toán nhanh = (TSNH - HTK)/NNH	Lần	0,61	0,70
II	**Chỉ tiêu về cơ cấu vốn**			
-	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,70	0,68
-	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	2,33	2,09
III	**Chỉ tiêu về năng lực hoạt động**			
-	Vòng quay hàng tồn kho = GVHB/HTK bình quân	vòng	5,29	5,08
-	Vòng quay tổng tài sản = DTT/Tổng TS bình quân	vòng	1,88	1,60
IV	**Chỉ tiêu về khả năng sinh lời**			
-	Hệ số LNST/DTT	%	-	1,63
-	Hệ số LNST/VCSH bình quân	%	-	8,04
-	Hệ số LNST/TTS bình quân	%	-	2,60
-	Hệ số LN HĐKD/DTT	%	-	1,77

KHẢ NĂNG THANH TOÁN NGẮN HẠN

Tổng quan năm 2023, chỉ số thanh toán của Công ty tương quan so với năm 2022 cụ thể chỉ số thanh toán ngắn hạn 1,10 lần và hệ số thanh toán nhanh tăng nhẹ từ 0,61 lần lên 0,70 lần. Hệ số thanh toán ngắn hạn duy trì ở mức ổn định là 1,10 lần, cho thấy Công ty vẫn có khả năng thanh toán nhanh chóng các khoản nợ ngắn hạn. Trong năm 2023, Công ty tăng đầu tư các khoản đầu tư tài chính nhằm đảm bảo cho các khoản tín dụng với lãi suất tốt nhằm tối ưu hoạt động tài chính, cùng với Hàng tồn kho giảm nhẹ 5% so với cùng kỳ. Hiện tại, Tôn Đông Á sử dụng đòn bẩy tài chính từ nguồn vốn vay để tối ưu hóa tăng trưởng về doanh thu nên với hệ số thanh toán trên 1 có thể coi là mức an toàn đối với Công ty mang tính sản xuất cao như Tôn Đông Á.

CƠ CẤU VỐN

Năm 2023, hệ số Nợ/Tổng tài sản giảm nhẹ từ 0,70 lần xuống còn 0,68 lần, cho thấy Công ty đã giảm tỷ lệ Nợ so với Tổng tài sản. Tương tự, hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu cũng giảm từ 2,33 lần xuống còn 2,09 lần, điều này cho thấy Công ty đang cải thiện cơ cấu vốn. Các tỷ lệ cơ cấu có xu hướng giảm dần thể hiện Công ty có hệ số công nợ ở mức an toàn và kiểm soát tốt mức nợ phải trả đảm bảo sức khỏe tài chính ổn định. Đây cũng là tỉ lệ nợ cần thiết do Công ty đang trong giai đoạn mở rộng, tăng trưởng về doanh thu. Công ty có đủ nguồn lực để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính cả trong ngắn và dài hạn. Tôn Đông Á tiếp tục duy trì quản trị và cân đối tỉ lệ sử dụng đòn bẩy tài chính để đảm bảo sức khỏe tài chính lâu dài của Công ty.

NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG

Năm 2023, chỉ số về năng lực hoạt động giảm nhẹ so với cùng kỳ. Vòng quay hàng tồn kho giảm từ 5,29 lần xuống còn 5,08 lần, cho thấy Công ty có xu hướng chậm lại quá trình xoay vòng hàng tồn kho. Bên cạnh đó, vòng quay tổng tài sản giảm từ 1,88 lần xuống còn 1,60 lần, điều này có thể phản ánh một hiệu suất hoạt động bị ảnh hưởng do nhu cầu kinh tế trong nước và thế giới sụt giảm bởi lạm phát và lãi suất tăng cao, cũng như sự trì trệ của ngành bất động sản. Trong bối cảnh điều kiện kinh doanh còn nhiều khó khăn và thách thức thì các chỉ số này giảm nhẹ là tương đối hợp lý trong thị trường ngành.

KHẢ NĂNG SINH LỜI

Các hệ số liên quan đến lợi nhuận đều có dấu hiệu cải thiện so với năm trước, bao gồm hệ số LNST/DTT, LNST/VCSH bình quân, LNST/TTS bình quân và LN HĐKD/DTT.

Điều này cho thấy Công ty đã có những bước tiến tích cực trong việc sinh lời từ hoạt động kinh doanh và quản lý tài chính. Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời tăng hơn 100% so với cùng kỳ do kết quả kinh doanh lãi bên cạnh nhu cầu thị trường tăng nhẹ với chi phí và lãi suất đầu vào giảm. Các chỉ số hiệu quả về doanh thu và lợi nhuận được dự báo sẽ dần cải thiện hơn trong năm 2024 bởi tiêu chí và đầu tư của HĐQT về mặt quản trị đầu vào, đầu ra cũng như phát triển mở rộng doanh nghiệp và nhu cầu thị trường ngành thép có khởi sắc.

Tóm lại, mặc dù có một số chỉ tiêu giảm nhẹ, nhưng tổng thể, Tôn Đông Á đã thể hiện sự cải thiện và ổn định trong các chỉ tiêu tài chính chính từ năm 2022 đến năm 2023. Điều này cho thấy sự cố gắng và hiệu quả của Công ty trong việc quản lý tài chính và hoạt động kinh doanh.

TÌNH HÌNH TÀI SẢN VÀ NGUỒN VỐN

CHỈ TIÊU	NĂM 2022		NĂM 2023		+/- (%)
	Tỷ đồng	Tỷ trọng	Tỷ đồng	Tỷ trọng	
A - Tài sản ngắn hạn	**7.410**	**72%**	**8.670**	**75%**	**17%**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	830	8%	1.194	10%	44%
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.162	11%	2.156	19%	86%
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	1.965	19%	1.984	17%	1%
IV. Hàng tồn kho	3.291	32%	3.127	27%	(5%)
V. Tài sản ngắn hạn khác	163	2%	209	2%	28%
B - Tài sản dài hạn	**2.895**	**28%**	**2.872**	**25%**	**(1%)**
I. Các khoản phải thu dài hạn	6	0%	10	0%	58%
II. Tài sản cố định	2.541	25%	2.247	19%	(12%)
III. Tài sản dở dang dài hạn	3	0%	24	0%	667%
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	31	0%	271	2%	783%
V. Tài sản dài hạn khác	314	3%	320	3%	2%
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**10.306**	**100%**	**11.542**	**100%**	**12%**

Tài sản ngắn hạn tăng từ 7.410 tỷ đồng lên 8.670 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng tăng 3% lên 75% trong Tổng tài sản. Điều này chủ yếu được đẩy mạnh bởi sự tăng của các khoản Đầu tư tài chính ngắn hạn và Tiền và các khoản tương đương tiền, tăng lần lượt 86% và 44% so với năm trước. Hàng tồn kho tuy giảm nhẹ 5% so với năm 2022 nhưng vẫn chiếm tỷ trọng 27%, cao nhất trong cơ cấu tài sản ngắn hạn. Điều này thể hiện chiến lược quản trị hàng tồn kho luôn thích ứng kịp thời với tình hình thị trường khi giá đầu vào ổn định trong năm 2023 và nhu cầu thị trường thép tăng không đáng kể so với cùng kỳ.

Tài sản dài hạn giảm nhẹ từ 2.895 tỷ đồng xuống còn 2.872 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng giảm từ 28% xuống 25% trong Tổng tài sản. Các khoản Đầu tư tài chính dài hạn và Tài sản cố định đã tăng, giảm lần lượt 783% và 12% so với năm trước.

Tổng cộng, tài sản của Công ty đã tăng từ 10.306 tỷ đồng lên 11.542 tỷ đồng, tăng 12% trong năm 2023. Sự tăng này chủ yếu được thúc đẩy bởi sự gia tăng của tài sản ngắn hạn, trong khi một số khoản tài sản dài hạn đã có sự giảm nhẹ. Điều này có thể phản ánh chiến lược quản lý tài chính của Công ty để tối ưu hóa khả năng thanh toán và tận dụng cơ hội đầu tư ngắn hạn. Tuy nhiên, Công ty vẫn luôn theo dõi và điều chỉnh chiến lược để đảm bảo sự cân đối và bền vững của tài sản và nguồn vốn.

CHỈ TIÊU	NĂM 2022		NĂM 2023		+/- (%)
	Tỷ đồng	Tỷ trọng	Tỷ đồng	Tỷ trọng	
C - NỢ PHẢI TRẢ	**6.857**	**67%**	**7.923**	**69%**	**16%**
I. Nợ ngắn hạn	6.766	66%	7.879	68%	16%
1. Phải trả người bán ngắn hạn	1.264	12%	1.328	12%	5%
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	48	0%	65	1%	37%
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	78	1%	32	0%	(59%)
4. Phải trả người lao động	20	0%	35	0%	74%
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	22	0%	52	0%	137%
6. Phải trả ngắn hạn khác	12	0%	529	5%	4.254%
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	5.266	51%	5.804	50%	10%
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	56	1%	34	0%	(39%)
II. Nợ dài hạn	91	1%	44	0%	(52%)
1. Phải trả người bán dài hạn					
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	35	0%	44	0%	25%
3. Trái phiếu chuyển đổi	56	1%	0	0	(100%)
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	**3.449**	**33%**	**3.619**	**31%**	**5%**
1. Vốn cổ phần	1.147	11%	1.147	10%	0%
2. Thặng dư vốn cổ phần	834	8%	834	7%	0%
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	2	0%	2	0%	0%
4. Quỹ đầu tư phát triển	3	0%	3	0%	0%
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	1.462	14%	1.630	14%	12%
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát			2	0%	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**10.306**	**100%**	**11.542**	**100%**	**12%**

Nợ phải trả tăng từ 6.857 tỷ đồng lên 7.923 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng tăng 2% lên 69% trong tổng nợ với Nợ ngắn hạn tăng lên 16% so với năm trước. Sự gia tăng này chủ yếu đến từ việc tăng mạnh các khoản phải trả ngắn hạn khác, tăng lên đến 4.254%, và Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn tăng 10% nhưng tổng nợ vay thuần giảm so với cùng kỳ và trong tầm kiểm soát an toàn sau khi trừ đi khoản Tiền và tương đương tiền, khoản Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Sự tăng mạnh trong phần "Phải trả ngắn hạn khác" đến từ các khoản nhập khẩu được thanh toán dưới hình thức thư tín dụng trả chậm để thanh toán dư nợ USD.

Nguồn vốn chủ sở hữu tăng từ 3.449 tỷ đồng lên 3.619 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng giảm 2% xuống 31% trong tổng nguồn vốn. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tăng 12%, đóng góp vào sự tăng của nguồn vốn chủ sở hữu. Nguồn vốn chủ sở hữu tăng 5% chủ yếu tăng Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối với kết quả kinh doanh lãi 284 tỷ đồng sau thuế. Năm 2023, Công ty không thực hiện tăng vốn điều lệ nhưng có chi trả cổ tức năm 2022 với tỷ lệ 10% bằng tiền mặt.

Tỷ trọng Nợ phải trả và Nguồn vốn chủ sở hữu trong Tổng nguồn vốn của Công ty đã tăng, giảm lần lượt lên 69% và xuống 31%. Sự tăng này cho thấy Công ty đã tận dụng nguồn vốn vay với lãi suất thấp để tài trợ hoạt động kinh doanh, đồng thời cũng đã tăng cường việc tích lũy vốn chủ sở hữu để ổn định tình hình tài chính. Tuy nhiên, Tôn Đông Á luôn kiểm soát và quản lý cẩn thận để đảm bảo sự ổn định và bền vững của tài chính Công ty trong tương lai.

6. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

THÔNG TIN VỀ CỔ PHIẾU

Tên cổ phiếu
CỔ PHIẾU CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Loại cổ phiếu
CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG

Mã chứng khoán
GDA

Mệnh giá cổ phiếu
10.000 ĐỒNG/CỔ PHIẾU

Ngày bắt đầu giao dịch
07/09/2023

Tổng số cổ phiếu đang lưu hành
114.691.510 CỔ PHIẾU

Tổng số cổ phiếu quỹ
0 CỔ PHIẾU

Số lượng cổ phiếu chuyển nhượng tự do
114.691.510 CỔ PHIẾU

Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng
0 CỔ PHIẾU

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Năm 2023 , GDA không tăng vốn điều lệ. Kể từ khi trở thành Công ty cổ phần đến nay, Công ty đã thực hiện 13 đợt tăng vốn điều lệ từ 120 tỷ đồng năm 2009 lên 1.147 tỷ đồng năm 2022.

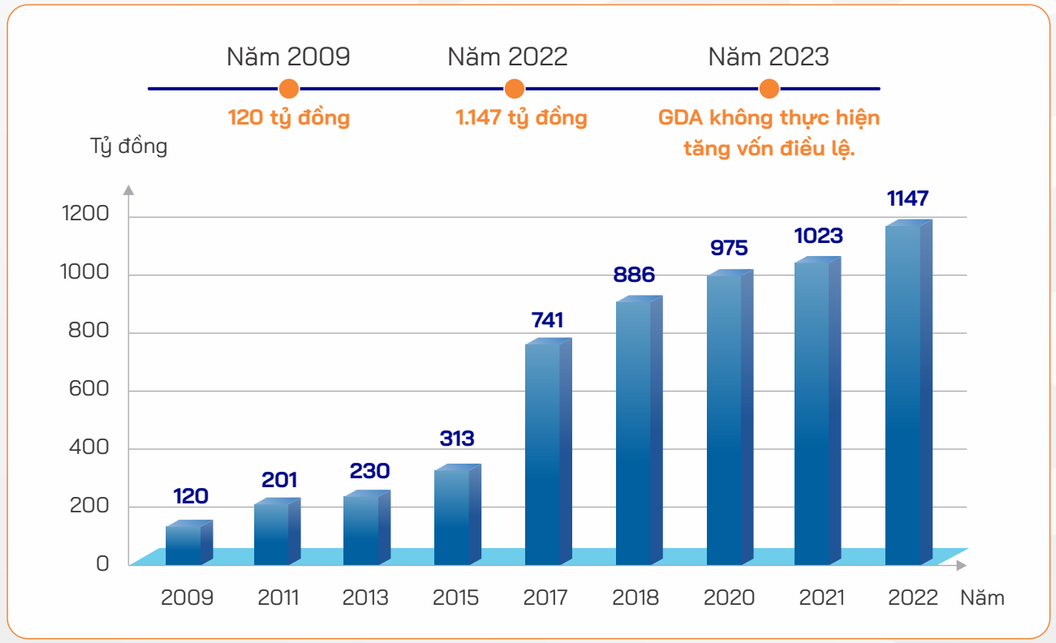

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Cơ cấu cổ đông: Theo danh sách Cổ đông chốt ngày 24/11/2023

STT	ĐỐI TƯỢNG/TIÊU CHÍ	TỶ LỆ SỞ HỮU
I	**Cổ phiếu phổ thông**	**100,00%**
1	**Tỷ lệ sở hữu**	
	Cổ đông lớn	57,34%
	Cổ đông nhỏ	42,66%
2	**Cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài**	
	Cổ đông trong nước	77,79%
	Cổ đông nước ngoài	22,21%
3	**Cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân**	
	Tổ chức	27,84%
	Cá nhân	72,16%
II	**Cổ phiếu ưu đãi**	
III	**Cổ phiếu quỹ**	
	TỔNG CỘNG	**100,00%**

THÔNG TIN VỀ TỶ LỆ SỞ HỮU NƯỚC NGOÀI

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty theo quy định pháp luật, theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và quy định tại Điều lệ Công ty: **49%.**

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ TỪ 01/01/2023-31/12/2023

STT	NGƯỜI THỰC HIỆN GIAO DỊCH	CHỨC VỤ/ MỐI QUAN HỆ VỚI NGƯỜI NỘI BỘ	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU SỞ HỮU ĐẦU KỲ		SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU SỞ HỮU CUỐI KỲ		LÝ DO TĂNG GIẢM (MUA, BÁN, CHUYỂN ĐỔI, THƯỞNG)
			SỐ CỔ PHIẾU	Tỷ lệ %	SỐ CỔ PHIẾU	Tỷ lệ %	
1	**Lê Thị Phương Loan**	TV HĐQT	12.303.790	10,73%	13.003.790	11,34%	Mua cổ phiếu
2	**Vũ Minh Tân**	Chồng của Bà Lê Thị Phương Loan TV HĐQT	2.473.326	2,16%	1.093.326	0,95%	Bán cổ phiếu
3	**Hồ Song Nhật Minh**	Con của Ông Hồ Song Ngọc TV HĐQT Tổng Giám đốc	47.300	0,04%	44.700	0,04%	Bán cổ phiếu

PHẦN III:
BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2023
2. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024

1. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2023

Với tình hình kinh tế toàn cầu nói chung và Việt Nam nói riêng, trong đó ngành thép lá mạ có những kết quả đạt được cùng với nhiều sự biến động và thách thức khó lường, tạo ra nhiều thách thức cho ngành công nghiệp thép lá mạ, bao gồm sự biến động của giá nguyên liệu, biến động tỷ giá và lãi suất. Sự cạnh tranh gay gắt từ các đối thủ trong ngành cũng là một thách thức đáng kể, đặc biệt là từ các quốc gia có ngành công nghiệp thép phát triển. Trong diễn biến đó, Tôn Đông Á đã chứng minh được năng lực quản trị và linh hoạt trong điều hành hoạt động sản xuất và kinh doanh, đồng thời duy trì được tốc độ sản xuất ổn định và hiệu quả, chủ động đưa ra những chiến lược linh hoạt nhằm ổn định sản xuất và phát triển kinh doanh. Cụ thể:

- Công ty củng cố vững chắc hệ thống quản trị và lấy nền tảng đó để quản lý bộ máy sản xuất, kinh doanh trải khắp nhiều tỉnh thành trên cả nước. Tôn Đông Á tiếp tục đẩy mạnh kinh doanh đầu ra với việc phát triển Hệ thống phân phối vững mạnh toàn quốc, cùng mạng lưới khách hàng truyền thống trong nước và nước ngoài.
- Công ty đã chỉ đạo kịp thời và nhanh chóng về quản trị hàng tồn kho một cách hiệu quả, đảm bảo duy trì mức tồn kho hợp lý hạn chế rủi ro giảm giá nhưng vẫn đảm bảo nhu cầu khách hàng.
- Công ty đã chủ động, linh hoạt quản trị hiệu quả dòng tiền, sự biến động của tỷ giá, lãi suất nhằm tối ưu hóa hiệu quả tài chính góp phần gia tăng lợi nhuận kinh doanh. Việc tối ưu hóa quy trình quản lý chi phí và hàng tồn kho đã giúp Công ty giảm thiểu rủi ro và tăng cường hiệu suất tài chính. Sự chủ động và linh hoạt trong quản trị hàng tồn kho và tài chính đã giúp Công ty tận dụng được cơ hội và giảm thiểu rủi ro từ biến động thị trường.
- Đưa ra những chính sách bán hàng phù hợp với nhu cầu khách hàng và hỗ trợ, đồng hành cùng khách hàng trong tình hình khó khăn chung.
- Tôn Đông Á đã xây dựng một hệ thống phân phối rộng khắp trên cả nước và nước ngoài, cùng với một mạng lưới khách hàng ổn định và đa dạng. Công ty đã đảm bảo tình hình sản xuất kinh doanh, tạo công ăn việc làm cho hơn 1.400 nhân viên, duy trì nhiều chính sách phúc lợi, và tăng cường các khóa đào tạo nhằm nâng cao khả năng thích ứng kịp thời và phát triển chuyên môn cá nhân.
- Với nền tảng vững chắc về quản trị và kinh doanh, cùng với kỳ vọng vào sự phục hồi của nền kinh tế toàn cầu, Công ty kỳ vọng ngày càng xây dựng nền móng vững chắc để đạt nhiều tiềm năng phát triển mạnh mẽ trong tương lai.

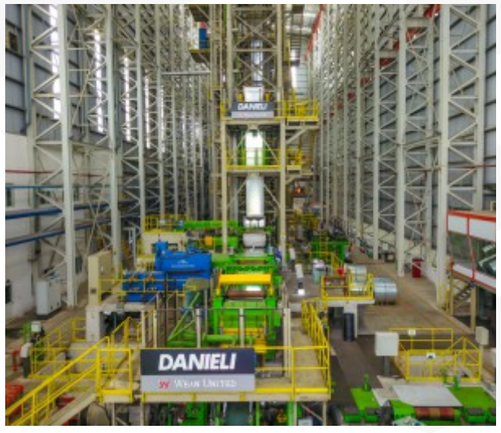

Những tiến bộ Tôn Đông Á đã đạt được trong năm 2023

Trong bối cảnh tình hình kinh tế và chính trị phức tạp, Tôn Đông Á đã có sự chuyển đổi linh hoạt cơ cấu thị trường, Từ đó, Công ty vẫn giữ được thế mạnh và tận dụng được những lợi thế riêng của ngành để đạt được kết quả kinh doanh ổn định.

Tiếp tục duy trì vị trí thứ 2 thị phần các doanh nghiệp sản xuất tôn mạ kim loại và sơn phủ màu, và nhiều năm liền giữ vững vị trí top 2 thị phần nội địa (trích nguồn: Hiệp hội thép Việt Nam), cho thấy sự ổn định và đáng tin cậy của Tôn Đông Á trong ngành công nghiệp thép lá mạ.

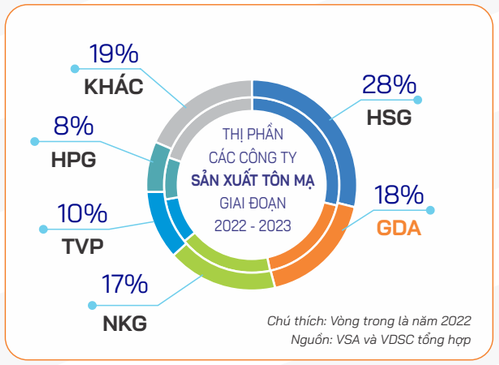

Công ty liên tục đáp ứng, áp dụng các phương pháp quản lý tiên tiến và công nghệ mới nhằm nâng cao hiệu suất sản xuất và chất lượng sản phẩm. Sự đổi mới trong các công tác quản lý sản xuất và bán hàng đã giúp Công ty tối ưu hóa quy trình sản xuất, tăng cường năng suất lao động và giảm thiểu lãng phí trong quá trình vận hành.

Tôn Đông Á đã mở rộng và phát triển thị trường xuất khẩu sang nhiều quốc gia mới, đa dạng hóa nguồn cung và tăng cường doanh thu từ thị trường quốc tế. Sự mở rộng thị trường xuất khẩu đã mang lại cơ hội phát triển trong chu kỳ kinh tế hiện tại và giúp Công ty giảm thiểu sự phụ thuộc vào thị trường nội địa.

Công ty đã tiếp tục chú trọng vào việc chăm sóc khách hàng, cung cấp sản phẩm chất lượng và dịch vụ hậu mãi tốt nhằm tạo lòng tin và sự hài lòng từ phía khách hàng. Điều này giúp Công ty duy trì và phát triển mối quan hệ vững chắc với khách hàng, đồng thời tạo ra cơ hội kinh doanh lâu dài.

Công ty đã tiếp tục đầu tư vào đào tạo và phát triển nhân viên, nâng cao năng lực và kỹ năng chuyên môn để đáp ứng yêu cầu sản xuất và kinh doanh ngày càng cao.

- Được cấp chứng chỉ Hệ thống quản lý năng lượng ISO 50001:2018.
- Được Forbes Việt Nam vinh danh trong "Top 25 thương hiệu Công ty Hàng tiêu dùng cá nhân và Công nghiệp dẫn đầu Việt Nam" năm 2023, với giá trị thương hiệu được Forbes Việt Nam định giá 32 triệu USD.
- Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam năm 2023.
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tặng Bằng khen đã có nhiều đóng góp cho sự nghiệp bảo vệ và chăm sóc trẻ em năm 2023.
- Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín năm 2022.
- Doanh nghiệp nộp thuế tiêu biểu giai đoạn 2020 – 2022.

Tôn Đông Á tiếp tục củng cố, ổn định hệ thống phân phối tại thị trường nội địa với 4 Công ty thành viên và 2 văn phòng đại diện là đầu cầu phân phối hàng hóa đến hơn 1.700 đại lý khắp từ Nam ra Bắc và xuất khẩu hàng chất lượng đảm bảo các tiêu chuẩn chất lượng tại các thị trường khó tính.

Tiếp tục đẩy mạnh công nghệ số trong công tác quản trị: ứng dụng công nghệ thông tin trong sản xuất kinh doanh, hệ thống quản trị ERP, App bán hàng và các hệ thống quản lý, hành chính, lưu trữ và truyền tải thông tin như phần mềm eOffice ...

Đưa cổ phiếu CTCP Tôn Đông Á (MCK: GDA) chính thức giao dịch vào ngày 07/09/2023 với mức giá giao dịch đầu tiên: 30.000 đồng/cổ phiếu.

2. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024

ĐÁNH GIÁ CƠ HỘI TIỀM NĂNG 2024

Năm 2024, tình hình kinh tế, chính trị thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường, dự báo các vấn đề, rủi ro đã xuất hiện trong nền kinh tế năm 2023 sẽ tiếp tục. Nền kinh tế Việt Nam còn đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, đặt ra nhiều thách thức mới cho các doanh nghiệp. Ngành thép cũng có nhiều thách thức và cơ hội khi hướng tới chiến lược tăng trưởng xanh sẽ tác động đến nhu cầu thép, song song việc cạnh tranh giữa các doanh nghiệp thép cũng trở nên mạnh mẽ hơn trong thời gian sắp tới.

Động lực chính cho giữ vững sản lượng và lợi nhuận khả quan trong năm 2024 sẽ nằm ở khả năng cạnh tranh của sản phẩm và việc nắm bắt các nhu cầu đầu tư lớn, các thị trường còn nhiều tiềm năng, sự kích thích phục hồi và tăng trưởng nhờ vào chính sách điều chỉnh giảm lãi suất của các Ngân hàng Việt Nam. Chính sách điều chỉnh giảm lãi suất của Ngân hàng Việt Nam có thể là động lực cho phục hồi và tăng trưởng kinh tế. Điều này có thể tạo ra nhu cầu tăng về các ngành công nghiệp, trong đó có ngành thép.

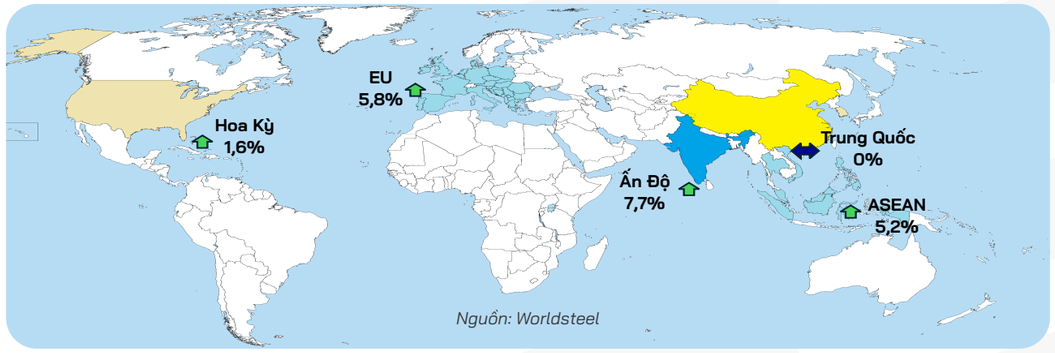

Nguồn: Worldsteel

Dự phóng tăng trưởng sản lượng tiêu thụ thép của các thị trường chính trong năm 2024

Việt Nam đang hướng tới Phát triển bền vững và hưởng lợi từ chủ trương đầu tư công với gói kích thích đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, mang lại cơ hội cho các doanh nghiệp hướng đến sản xuất và tiêu thụ các sản phẩm xanh, trong đó có sản phẩm thép lá mạ. Tôn Đông Á đang sở hữu năng lực sản xuất dẫn đầu thị trường trong nước và có chiến lược tăng độ phủ sóng sản phẩm ra nhiều địa bàn trên cả nước cùng với chiến lược Phát triển bền vững. Ban lãnh đạo Tôn Đông Á đánh giá đây sẽ là cơ hội tốt để tiếp tục mở rộng thị trường, nâng cao uy tín và độ nhận diện của thương hiệu Tôn Đông Á và các nhãn hàng chất lượng cao.

Đối với thị trường xuất khẩu, trong năm 2023, Công ty có sự điều chỉnh linh hoạt cơ cấu tỷ trọng xuất khẩu ở các khu vực nhằm đa dạng mạng lưới khách hàng và hạn chế rủi ro khi tập trung quá nhiều vào một số khu vực cụ thể. Năm 2024, Tôn Đông Á tiếp tục đẩy mạnh và mở rộng thị phần đến các thị trường khó tính như Mỹ, Châu Âu với lượng khách hàng ổn định và chất lượng sản phẩm đáp ứng các tiêu chuẩn ngày càng cao cùng với kỳ vọng nguồn cung có thể thiết chặt trở lại sau khi các nước này đưa ra cơ chế điều chỉnh carbon sẽ bắt đầu áp dụng vào năm 2026. Đây là lợi thế cho Tôn Đông Á khi đã khẳng định được uy tín, chất lượng trên những thị trường này. Đồng thời, Các Hiệp định thương mại tiếp tục thực thi và có nhiều điểm cải tiến hỗ trợ xuất khẩu thuận lợi hơn. Trong tương lai, khi Việt Nam dần phát triển để trở thành công xưởng sản xuất các sản phẩm mới liên quan đến sản xuất gia dụng, công nghiệp, đặc biệt là phụ trợ cho sản xuất ô tô, Tôn Đông Á sẽ có cơ hội đón đầu xu thế khi nhu cầu đối với các sản phẩm tôn mạ chất lượng cao, điện gia dụng, xe hơi trong nước và trong khu vực đang ngày một tăng lên.

MỤC TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2024

Dựa trên bối cảnh kinh tế - chính trị - xã hội năm 2023 và dự đoán tiếp tục kéo dài trong năm 2024, Ban Tổng Giám đốc nhận định đây sẽ tiếp tục là một năm có nhiều khó khăn và thách thức đối với kinh tế nói chung và ngành thép nói riêng. Trước tình hình trên, Tôn Đông Á đặt mục tiêu duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh và tận dụng những lợi thế của Công ty để đem đến tối đa hóa hiệu quả kinh doanh của Công ty. Mặc dù đối diện với nhiều khó khăn và thách thức, nhưng cũng có nhiều cơ hội cho ngành thép, đặc biệt là với các Công ty linh hoạt và có chiến lược phát triển đúng đắn. Công ty đặt mục tiêu duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh và tận dụng những lợi thế về sản phẩm, chất lượng, thị phần và hệ thống mạng lưới phân phối để tối đa hóa hiệu quả kinh doanh. Tôn Đông Á sẽ tiếp tục xúc tiến với các khách hàng hiện tại, đặc biệt là các đối tác lớn ở Việt Nam, Mỹ và châu Âu. Công ty có nhiều lợi thế cạnh tranh và thương hiệu để tăng cường phát triển chiến lược phân phối và tiếp cận các thị trường tiềm năng và mở rộng thị phần trong nước và quốc tế.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG GIAI ĐOẠN TỚI (1-5 NĂM)

- Công ty sẽ tiếp tục tăng cường thế mạnh hoạt động trong mảng kinh doanh sản phẩm tôn mạ và thép hộp.
- Công ty sẽ tập trung vào việc ổn định và nâng cao chất lượng sản phẩm, đồng thời kiểm soát hệ thống quản trị để đảm bảo sự liên tục và bền vững của quy trình sản xuất.
- Công ty đã nghiên cứu và đặt kế hoạch đầu tư nhà máy thứ 4 với tổng công suất lên đến 1,2 triệu tấn/năm. Sự đầu tư này giúp tăng cường khả năng sản xuất và đáp ứng nhu cầu tiềm năng của thị trường.
- Ngoài việc tiếp tục cung cấp sản phẩm cho các ngành công nghiệp chính như xây dựng và công nghiệp, Công ty cũng đặt mục tiêu mở rộng mảng thép mạ cung ứng cho lĩnh vực sản xuất thiết bị gia dụng, nội thất và xe hơi.
- Công ty đặt mục tiêu tăng cường uy tín và tăng trưởng bền vững trên thị trường để trở thành nhà sản xuất tôn mạ chất lượng và chủng loại sản phẩm phong phú hàng đầu tại Việt Nam và quốc tế.
- Kế hoạch phát triển thị trường: Công ty sẽ kiên trì định hướng phát triển thị trường trong phân khúc sản phẩm chất lượng cao đáp ứng cho nhu cầu của khách hàng, tiếp tục củng cố các thị trường hiện tại và tăng cường sản lượng tại các khu vực và phân khúc còn tiềm năng. Công ty tiếp tục mở rộng kênh xuất khẩu sang các thị trường tiềm năng, tăng cường doanh số bán hàng và đa dạng hóa mạng lưới bán hàng.

PHẦN IV:
ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY
2. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
3. KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Năm 2023, tình hình kinh tế thế giới và Việt Nam vẫn còn nhiều thách thức và khó khăn. Thị trường ngành thép trầm lắng và sụt giảm cùng với giá cả nguyên vật liệu biến động phức tạp. Kế thừa và phát huy được nền tảng quản trị vững chắc, Tôn Đông Á đã đạt được kết quả sản xuất kinh doanh đặt ra như kỳ vọng. Công ty tiếp tục giữ vững thị phần và củng cố, ổn định hệ thống mạng lưới phân phối tại thị trường nội địa và xuất khẩu, thực hiện nhiều chính sách nhằm đồng hành, chia sẻ khó khăn cùng khách hàng bên cạnh đó nâng cao chất lượng dịch vụ, gia tăng giá trị cộng thêm cho khách hàng.

Các hoạt động của bộ máy điều hành có sự năng động, cẩn trọng và tuân thủ theo Pháp luật, Điều lệ, Nội quy, Quy chế của Công ty, các quy định khác của Nhà nước. Phát huy được tối đa trí tuệ tập thể, năng lực sẵn có cũng như tinh thần đoàn kết gắn bó, đồng lòng đóng góp vào sự phát triển của Công ty cũng như lợi ích của Cổ đông, cho người lao động Công ty.

Đẩy mạnh áp dụng các phần mềm, ứng dụng công nghệ thông tin trong sản xuất kinh doanh, quản lý, hành chính, lưu trữ và truyền tải thông tin.

Công ty cũng đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận về chiến lược Phát triển bền vững: nghiên cứu, tìm tòi và nâng cao các biện pháp, tiêu chuẩn, đưa ra nhiều chính sách về môi trường, lao động, xã hội và nâng cao công tác quản trị.

Trong năm 2023, Công ty đã được chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu trên thị trường UPCoM của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Ngày 07/09/2023 là ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu GDA, với mức giá giao dịch là 30.000 đồng/cổ phiếu.

Công ty đã thực hiện chia cổ tức năm 2022 với tỷ lệ 10% bằng tiền mặt theo đúng lộ trình đề ra.

Ngoài đảm bảo tuân thủ các quy định đề ra, Công ty luôn chú trọng nâng cao tính kịp thời, minh bạch và tăng sự kết nối giữa Công ty và các Bên liên quan thông qua trực tiếp hoặc trực tuyến nhằm ghi nhận sự đóng góp, chia sẻ để Công ty ngày càng hoàn thiện hơn.

Trong suốt chặng đường hình thành và phát triển, Tôn Đông Á luôn đề cao tinh thần cùng chung tay vì sự phát triển cộng đồng, thể hiện trách nhiệm của doanh nghiệp đối với Nhà nước thông qua các hoạt động thiết thực có ích cho xã hội.

2. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Trong năm 2023, Hội đồng Quản trị đã tập trung triển khai giám sát toàn diện các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, tăng cường quản trị rủi ro trong hoàn cảnh nền kinh tế Việt Nam và thế giới có nhiều biến động, cụ thể:

HĐQT thường xuyên kiểm tra tình hình thực hiện các Nghị quyết của HĐQT; Theo dõi, đôn đốc Ban Tổng Giám đốc trong việc tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định mà HĐQT đã ban hành trong năm, và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023. Trực tiếp tham vấn, chỉ đạo tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc mà Ban Tổng Giám đốc gặp phải trong quá trình thực hiện kế hoạch kinh doanh, phương án đầu tư các dự án mà Đại hội đồng cổ đông, HĐQT đã thống nhất, thông qua.

Giám sát các quyết định của Tổng Giám đốc trong các hợp đồng, giao dịch hàng ngày phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong phạm vi thẩm quyền của Tổng Giám đốc để hoàn thành kế hoạch đã được HĐQT đề ra; kiểm tra tình hình sản xuất kinh doanh tháng, quý của Công ty trên cơ sở báo cáo của Tổng Giám đốc; thường xuyên tham gia các buổi họp của Ban Tổng Giám đốc để nắm bắt, góp ý điều chỉnh kịp thời đường hướng, chiến lược mà Tổng Giám đốc, Ban điều hành sử dụng để thực hiện các Nghị quyết của HĐQT; đồng thời thông qua các Nghị quyết mới để Tổng Giám đốc thực hiện nhằm duy trì sự phát triển ổn định của Công ty trong các thời điểm biến động.

Thực hiện theo dõi các báo cáo tài chính để nắm bắt được công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty theo sự điều hành của Tổng Giám đốc, nhắc nhở Tổng Giám đốc thực hiện công tác kiểm toán, xem xét việc quản lý, sử dụng tài sản; thường xuyên chỉ đạo Tổng Giám đốc thực hiện công tác kiểm toán, soát xét báo cáo tài chính theo quy định.

Giám sát các quyết định, chỉ đạo của Tổng Giám đốc trong việc triển khai đáp ứng các yêu cầu, điều kiện theo quy định của pháp luật sau khi Công ty trở thành Công ty đại chúng như: Niêm yết, các giao dịch,...Đặc biệt chú trọng giám sát công tác thông báo, công bố thông tin đúng thời hạn đối với các vấn đề, văn bản cần công bố thông tin theo đúng quy định của pháp luật về chứng khoán, đảm bảo hoạt động công khai, minh bạch của Công ty với tư cách là Công ty đại chúng.

Ban Tổng Giám đốc đã chỉ đạo và phối hợp chặt chẽ với các phòng ban/ bộ phận chức năng trong Công ty thực hiện tốt nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị Công ty giao cho. Các hoạt động của bộ máy điều hành có sự năng động, cẩn trọng đều tuân thủ theo Pháp luật, Điều lệ, Nội quy, Quy chế của Công ty và các quy định khác của Nhà nước. Phát huy được tối đa trí tuệ tập thể, năng lực sẵn có cũng như tinh thần đoàn kết gắn bó, đồng lòng đóng góp vào sự phát triển của Công ty cũng như lợi ích của Cổ đông.

3. KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị quyết tâm tiếp tục duy trì chiến lược lâu dài của Tôn Đông Á trở thành doanh nghiệp hàng đầu tại Việt Nam và trong khu vực trong lĩnh vực sản xuất thép lá mạ áp dụng công nghệ hiện đại, thân thiện với môi trường. Tôn Đông Á sẽ tiếp tục tập trung phát triển các dòng sản phẩm chất lượng cao, phân khúc cao, mở rộng ra các thị trường còn dư địa cũng như nâng cao vị thế tại các thị trường đang chiếm lĩnh hiện tại, tăng cường lợi thế cạnh tranh và bền vững, tăng doanh số bán hàng của Công ty trên thị trường. Tôn Đông Á sẽ tiếp tục phát triển mở rộng sản xuất kinh doanh đầu tư vào dự án nhà máy sản xuất để nâng công suất sản xuất toàn hệ thống, đa dạng lĩnh vực kinh doanh để mở rộng hệ sinh thái, nâng cao chuỗi giá trị thương hiệu Tôn Đông Á. Cùng với đó, Tôn Đông Á đang có những bước chuẩn bị để vươn thương hiệu Tôn Đông Á nâng tầm vị thế trên thị trường. Công ty tiếp tục nỗ lực duy trì kết quả cũng như kiện toàn bộ máy theo tiêu chuẩn của một Công ty đại chúng hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực sản xuất thép lá mạ. Hội đồng Quản trị đặt ra mục tiêu tiếp tục duy trì mức doanh thu và lợi nhuận khả quan, đồng thời thực hiện các mục tiêu đầu tư, sản xuất trong năm 2024, đẩy mạnh công tác nghiên cứu, tìm hiểu và thực hiện các dự án nhằm thực hiện kế hoạch hành động Tăng trưởng xanh, phát triển bền vững.

Để đạt được những mục tiêu trên, Hội đồng Quản trị giao cho Ban Tổng Giám đốc thực hiện sát các mục tiêu được đề ra, đôn đốc cán bộ, công nhân viên nỗ lực hết mình vượt qua những khó khăn, không ngừng sáng tạo, cải tiến hiệu quả sản xuất, linh hoạt, chủ động ứng phó với những biến đổi trong môi trường kinh doanh.

PHẦN V:
QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
2. BAN KIỂM SOÁT
3. BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ÔNG NGUYỄN THANH TRUNG

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ngày tháng năm sinh: 1959

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kỹ sư xây dựng

Ông Nguyễn Thanh Trung là cổ đông sáng lập Tôn Đông Á. Ông từng công tác tại Tổng Công ty Cao su Việt Nam và Công ty TNHH XD-TM Mekong Việt Nam. Ông là Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Tôn Đông Á từ khi thành lập cho đến tháng 06/2021, tháng 06/2021 đến nay là Chủ tịch HĐQT của Công ty.

Tỷ lệ sở hữu tại ngày 24/11/2023: 32,60%

BÀ LÊ THỊ PHƯƠNG LOAN

Thành viên HĐQT không điều hành

Ngày tháng năm sinh: 1951

Trình độ chuyên môn: Tài chính ngân hàng

Bà Lê Thị Phương Loan là một trong 3 cổ đông sáng lập của Tôn Đông Á. Bà nắm chức vụ chủ chốt trong HĐQT từ khi thành lập năm 1998 cho đến nay.

Tỷ lệ sở hữu tại ngày 24/11/2023: 10,73%

BÀ NGUYỄN THỊ NGỌC QUỲNH

Thành viên HĐQT không điều hành

Ngày tháng năm sinh: 1965

Trình độ chuyên môn: Quản trị Kinh doanh

Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh là một trong 3 cổ đông sáng lập của Tôn Đông Á. Bà nắm chức vụ chủ chốt trong HĐQT từ khi thành lập năm 1998 cho đến nay.

Tỷ lệ sở hữu tại ngày 24/11/2023: 6,57%

ÔNG HỒ SONG NGỌC

Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc

Ngày tháng năm sinh: 1961

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh

Ông Hồ Song Ngọc từng công tác tại Tiểu đoàn 22, Sư đoàn 98, Quân khu 9, Công ty Du lịch An Giang, Giám đốc Công ty TNHH Nước Giải Khát Hoàn Cầu An Giang, Giám đốc Công ty TNHH Minh Nguyên trước khi trở thành thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Tôn Đông Á từ năm 2010 đến tháng 06/2021. Ông được bổ nhiệm làm Tổng Giám đốc kể từ tháng 06/2021 đến nay.

Tỷ lệ sở hữu tại ngày 24/11/2023: 1,03%

ÔNG ĐOÀN VĨNH PHƯỚC

Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc

Ngày tháng năm sinh: 1968

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế hoạch hóa Kinh tế quốc dân

Ông Đoàn Vĩnh Phước từng công tác tại Công ty TNHH Mekong. Năm 1998-2008 Ông giữ chức vụ Trưởng VPĐD tại Tp. Hồ Chí Minh của Tôn Đông Á và trở thành Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc từ năm 2009 đến nay.

Tỷ lệ sở hữu tại ngày 24/11/2023: 0,62%

ÔNG PHẠM QUỐC THẮNG

Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc

Ngày tháng năm sinh: 1967

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Sư phạm Hóa

Ông Phạm Quốc Thắng từng giữ chức vụ Phó Giám đốc tại Công ty TNHH Nước Giải khát Hoàn Cầu An Giang và công tác tại Công ty Thực phẩm MeKong Gò Vấp. Ông giữ chức vụ Phó Giám đốc của Tôn Đông Á từ năm 1998 đến năm 2008 trước khi trở thành Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc từ năm 2009 đến nay.

Tỷ lệ sở hữu tại ngày 24/11/2023: 1,10%

ÔNG ĐOÀN DANH TUẤN

Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập

Ngày tháng năm sinh: 1957

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh Quốc tế

Ông Đoàn Danh Tuấn hiện đang là Tổng Giám đốc Công ty TNHH Thương mại Thép Toàn Thắng. Ông giữ chức vụ Thành viên HĐQT Tôn Đông Á từ tháng 05/2021 đến nay.

Tỷ lệ sở hữu tại ngày 24/11/2023: 0,15%

ÔNG NGÔ VĂN SINH

Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập

Ngày tháng năm sinh: 1972

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điện

Ông Ngô Văn Sinh từng công tác tại LS Industrial System và Schneider Electric. Hiện nay, Ông đang là Giám đốc điều hành tại Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Miền Trung và giữ chức vụ thành viên HĐQT Tôn Đông Á từ tháng 05/2021 đến nay

Tỷ lệ sở hữu tại ngày 24/11/2023: 0,10%

SỐ CUỘC HỌP HĐQT TRONG NĂM 2023

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	SỐ CUỘC HỌP
1	ÔNG NGUYỄN THANH TRUNG	Chủ tịch HĐQT	21
2	BÀ LÊ THỊ PHƯƠNG LOAN	Thành viên HĐQT không điều hành	21
3	BÀ NGUYỄN THỊ NGỌC QUỲNH	Thành viên HĐQT không điều hành	21
4	ÔNG HỒ SONG NGỌC	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	21
5	ÔNG PHẠM QUỐC THẮNG	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	21
6	ÔNG ĐOÀN VĨNH PHƯỚC	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	21
7	ÔNG ĐOÀN DANH TUẤN	Thành viên HĐQT độc lập	21
8	ÔNG NGÔ VĂN SINH	Thành viên HĐQT độc lập	21

CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH CỦA HĐQT TRONG NĂM 2023

STT	SỐ NGHỊ QUYẾT/ QUYẾT ĐỊNH	NGÀY	NỘI DUNG	TỶ LỆ THÔNG QUA
1	01/2023/BBH-HĐQT-TDA Biên bản họp kiêm nghị quyết	02/01/2023	Thông qua thực hiện hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các tổ chức, cá nhân và người có liên quan trong năm 2023 Thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2023 của Công ty TNHH MTV Tôn Đông Á Long An và vay vốn tại VietinBank – Chi nhánh Đông Sài Gòn	100%
2	01/2023/NQ-HĐQT-TDA	21/03/2023	Tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	100%
3	02/2023/NQ-HĐQT-TDA	21/03/2023	Chuyển phương án thực hiện đăng ký giao dịch cổ phiếu trên UPCoM tại HNX	100%
4	03/2023/NQ-HĐQT-TDA	28/03/2023	Gia hạn thời gian tổ chức ĐHĐCĐTN 2023	100%
5	04/2023/NQ-HĐQT-TDA	20/04/2023	Gia hạn thời gian lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	100%
6	05/2023/NQ-HĐQT-TDA	08/05/2023	Tổ chức ĐHĐCĐTN năm 2023	100%
7	07/2023/BBH-HĐQT-TDA Biên bản họp kiêm nghị quyết	15/05/2023	Thông qua nhu cầu tín dụng ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Bình Dương	100%
8	08/2023/BBH-HĐQT-TDA Biên bản họp kiêm nghị quyết	17/05/2023	Thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2023 của Công ty TNHH MTV Tôn Đông Á Bắc Ninh và vay vốn tại VietinBank – Chi nhánh Đông Sài Gòn	100%
9	09/2023/BBH-HĐQT-TDA Biên bản họp kiêm nghị quyết	29/05/2023	Thực hiện quan hệ tín dụng với Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Bến Thành.	100%
10	10/2023/BBH-HĐQT-TDA Biên bản họp kiêm nghị quyết	12/06/2023	Thông qua nhu cầu tín dụng ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) – Chi nhánh Tân Bình	100%
11	11/2023/BBH-HĐQT-TDA Biên bản họp kiêm nghị quyết	19/06/2023	Mua trái phiếu do Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam phát hành năm 2023	100%
12	12/2023/BBH-HDQT-TDA Biên bản họp kiêm nghị quyết	05/07/2023	Mua trái phiếu do Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam (BIDV) phát hành riêng lẻ tháng 7 năm 2023	100%
13	06/2023/NQ-HĐQT-TDA	26/07/2023	Triển khai đầu tư theo nghị quyết đã được ĐHĐCĐ thông qua	100%
14	14/2023/BBH-HDQT-TDABiên bản họp kiêm nghị quyết	01/10/2023	Thông qua vay vốn tại Vietinbank CN Đông Sài Gòn để thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023	100%
15	07/2023/NQ-HĐQT-TDA	01/11/2023	Miễn nhiệm và bổ nhiệm Chủ tịch Công ty, người đại diện pháp luật, người đại diện vốn góp tại TDA.DN	100%
16	08/2023/NQ-HĐQT-TDA	01/11/2023	Đầu tư thêm vốn vào TDA.DN	100%
17	09/2023/NQ-HĐQT-TDA	01/11/2023	Giao cho Công ty TDA.DN tham gia góp vốn đầu tư dự án	100%
18	10/2023/NQ-HĐQT-TDA	09/11/2023	Chi trả cổ tức năm 2022	100%
19	11/2023/NQ-HĐQT-TDA	26/12/2023	Trích thù lao HĐQT, BKS năm 2023	100%

HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2023, thành viên Hội đồng Quản trị độc lập đã thực hiện đúng chức trách, nhiệm vụ với tinh thần trách nhiệm cao, phát huy vai trò Hội đồng Quản trị độc lập trong việc bảo vệ an toàn vốn của cổ đông, đặc biệt bảo vệ lợi ích của những cổ đông nhỏ và nhóm lợi ích khác liên quan tới Công ty.

DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÓ CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Danh sách các thành viên Hội đồng Quản trị tham gia các chương trình về Quản trị công ty trong năm:
Không có

2. BAN KIỂM SOÁT

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA BAN KIỂM SOÁT

ÔNG NGUYỄN NĂNG TÍN

Trưởng Ban Kiểm soát

Ngày tháng năm sinh: 1955

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí

Ông Nguyễn Năng Tín từng làm Giảng viên tại ĐH Bách Khoa TP. Hồ Chí Minh, từng công tác tại Công Ty Mekong GmbH- CHLB Đức, Cty TNHH Thương Mại - Xây Dựng Nam Hải. Ông được bầu làm Thành viên BKS Tôn Đông Á từ 07/2011 và tháng 06/2023 đến nay là Trưởng Ban kiểm soát.

Tỷ lệ sở hữu tại ngày 24/11/2023: 0,12%

BÀ LÊ THỊ KHOA NGUYÊN

Trưởng Ban Kiểm soát (đã miễn nhiệm)

Ngày tháng năm sinh: 1959

Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ kinh tế

Bà Lê Thị Khoa Nguyên từng công tác tại Trường Trung cấp tài chính KT 4 (Bộ Tài chính), Trường Cao Đẳng Tài chính Hải Quan (Bộ Tài chính), Phó trưởng khoa Kế toán Trường ĐH MỞ TPHCM và thỉnh giảng tại nhiều trường đại học khác. Bà được bầu làm Trưởng BKS Tôn Đông Á từ 05/2021 đến 23/06/2023.

Tỷ lệ sở hữu tại ngày 24/11/2023: 0,12%

BÀ ĐINH THỊ THẢO LY

Thành viên Ban Kiểm soát

Ngày tháng năm sinh: 1979

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Bà Đinh Thị Thảo Ly từng công tác tại Sở Xây dựng Thái Nguyên và trở thành Thành viên BKS Tôn Đông Á từ 06/2023

Tỷ lệ sở hữu tại ngày 24/11/2023: 0%

ÔNG HOÀNG DUY NHẤT

Thành viên Ban Kiểm soát

Ngày tháng năm sinh: 1962

Trình độ chuyên môn: Quản trị Kinh doanh

Ông Hoàng Duy Nhất từng công tác tại Saigon Auto, Shell Lubricants Viet Nam. Hiện nay, Ông đang là Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Thương Mại Ngọc Khiêm, Phó giám đốc Công ty TNHH Dược Phẩm Linh Ân và trở thành Thành viên BKS Tôn Đông Á từ 06/2023.

Tỷ lệ sở hữu tại ngày 24/11/2023: 0%

BÀ LÂM DUY THÙY LINH

Thành viên Ban Kiểm soát (đã miễn nhiệm)

Ngày tháng năm sinh: 1965

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ

Bà Lâm Duy Thùy Linh từng công tác tại Đại học Y Dược TPHCM, Bệnh viện nhân dân Gia Định. Hiện bà đang là Giám đốc Công ty TNHH Dược phẩm Linh Ân và trở thành Thành viên BKS Tôn Đông Á từ 05/2021 đến ngày 23/06/2023

Tỷ lệ sở hữu tại ngày 24/11/2023: 0,10%

BÀ NGUYỄN PHƯỚC THỊ TÚY HÀ

Thành viên Ban Kiểm soát (đã miễn nhiệm)

Ngày tháng năm sinh: 1957

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ kinh tế

Bà Nguyễn Phước Thị Túy Hà từng giảng dạy tại Trường Cấp 3 Phù Mỹ Bình Định, Trường Nuôi dạy con Liệt Sỹ Miền Nam - Gò Vấp HCM. Bà cũng từng giữ chức vụ Thành viên HĐQT và Giám đốc APAVE Asia-Pacific. Hiện bà đang là Giảng viên tại Trường Đại học Hoa Sen và trở thành Thành viên BKS Tôn Đông Á từ 01/2022 đến ngày 23/06/2023

Tỷ lệ sở hữu tại ngày 24/11/2023: 0,10%

SỐ CUỘC HỌP CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2023

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	SỐ CUỘC HỌP	GHI CHÚ
1	ÔNG NGUYỄN NĂNG TÍN	Trưởng BKS	3	
2	BÀ ĐINH THỊ THẢO LY	Thành viên BKS	2	Bổ nhiệm kể từ ngày 23/06/2023
3	ÔNG HOÀNG DUY NHẤT	Thành viên BKS	2	Bổ nhiệm kể từ ngày 23/06/2023
4	BÀ LÊ THỊ KHOA NGUYÊN	Trưởng BKS	1	Miễn nhiệm kể từ ngày 23/06/2023
5	BÀ LÂM DUY THÙY LINH	Thành viên BKS	0	Miễn nhiệm kể từ ngày 23/06/2023
6	BÀ NGUYỄN PHƯỚC THỊ TÚY HÀ	Thành viên BKS	0	Miễn nhiệm kể từ ngày 23/06/2023

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Hiện tại, sau kỳ họp Đại hội đồng cổ đông năm 2023, Ban kiểm soát của Công ty gồm 3 thành viên được thực hiện nhiệm vụ phân công và tuân thủ theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty.

Trong năm 2023, Ban kiểm soát đã thực hiện kiểm tra giám sát toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty qua các quý trong năm; kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán; rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty:

ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

- Hội đồng Quản trị đã ban hành các Nghị quyết, quyết định liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền của Hội đồng Quản trị.
- Triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh theo nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Tham gia các cuộc họp của Hội đồng Quản trị tổ chức hàng quý để nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, thảo luận về tính hợp pháp của các nghị quyết, quyết định được ban hành.

ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC:

- Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn trong công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh theo đúng nhiệm vụ, thẩm quyền được phân công, phân cấp.
- Chỉ đạo các Phòng ban thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị.

KẾT QUẢ: Qua thực hiện việc giám sát trong năm 2023, Ban kiểm soát nhận thấy hoạt động của Hội đồng Quản trị tuân thủ điều lệ, quy chế nội bộ về quản trị Công ty và các quy định pháp luật có liên quan; Tổng Giám đốc triển khai thực hiện tốt các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị. Ban kiểm soát không phát hiện trường hợp bất thường nào trong hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác của Công ty.

SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BAN KIỂM SOÁT ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

Việc phối hợp cũng như trao đổi thông tin giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc được duy trì thường xuyên thông qua hình thức họp trực tiếp định kỳ theo kế hoạch. Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và các thành viên ban điều hành khác đã nghiêm túc thực hiện cung cấp thông tin cần thiết về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty cho Ban kiểm soát.

Ban Kiểm soát đã phối hợp với Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong việc quản lý, kiểm soát việc sử dụng nguồn vốn có hiệu quả; bảo toàn và phát triển vốn đảm bảo tính trung thực, hợp pháp và hệ thống, nhất quán.

Trong quyền hạn và nhiệm vụ của mình Ban Kiểm soát đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao cũng như phối hợp với Hội đồng Quản trị và bộ máy điều hành trong Công ty thực hiện tốt các chủ trương, nghị quyết đã được ban hành.

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã phối hợp và tạo điều kiện để Ban Kiểm soát thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định.

3. BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

ÔNG HỒ SONG NGỌC

Thành viên Hội đồng Quản trị
kiêm Tổng Giám đốc

Ngày tháng năm sinh: 1961

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh

Ông Hồ Song Ngọc từng công tác tại Tiểu đoàn 22, Sư đoàn 98, Quân khu 9, Công ty Du lịch An Giang, Giám đốc Công ty TNHH Nước Giải Khát Hoàn Cầu An Giang, Giám đốc Công ty TNHH Minh Nguyên trước khi trở thành thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Tôn Đông Á từ năm 2010 đến tháng 06/2021. Ông được bổ nhiệm làm Tổng Giám đốc kể từ tháng 06/2021 đến nay.

Tỷ lệ sở hữu tại ngày 24/11/2023: 1,03%

ÔNG PHẠM QUỐC THẮNG

Thành viên Hội đồng Quản trị
kiêm Phó Tổng Giám đốc

Ngày tháng năm sinh: 1967

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Sư phạm Hóa

Ông Phạm Quốc Thắng từng giữ chức vụ Phó Giám đốc tại Công ty TNHH Nước Giải khát Hoàn Cầu An Giang và công tác tại Công ty Thực phẩm MeKong Gò Vấp. Ông giữ chức vụ Phó Giám đốc của Tôn Đông Á từ năm 1998 đến năm 2008 trước khi trở thành Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc từ năm 2009 đến nay.

Tỷ lệ sở hữu tại ngày 24/11/2023: 1,10%

ÔNG ĐOÀN VĨNH PHƯỚC

Thành viên Hội đồng Quản trị
kiêm Phó Tổng Giám đốc

Ngày tháng năm sinh: 1968

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế hoạch hóa Kinh tế quốc dân

Ông Đoàn Vĩnh Phước từng công tác tại Công ty TNHH Mekong. Năm 1998-2008 Ông giữ chức vụ Trưởng VPĐD tại Tp. Hồ Chí Minh của Tôn Đông Á và trở thành Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc từ năm 2009 đến nay.

Tỷ lệ sở hữu tại ngày 24/11/2023: 0,62%

ÔNG NGUYỄN VĂN ĐẠI

Phó Tổng Giám đốc

Ngày tháng năm sinh: 1972

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản lý Công nghiệp

Ông Nguyễn Văn Đại từng công tác tại Công ty Thép Nhà Bè, Công ty Liên doanh Vingal, Công ty Nam Hà Việt, Nhà máy thép Phú Mỹ, Công ty Thép miền Nam, Công ty CP Thép tấm lá Thống Nhất, Công ty TNHH MTV Thép tấm lá Phú Mỹ. Ông giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Tôn Đông Á từ 12/2019 đến nay.

Tỷ lệ sở hữu tại ngày 24/11/2023: 0,20%

BÀ TRẦN LỆ XUÂN

Kế toán trưởng

Ngày tháng năm sinh: 1983

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán

Bà Trần Lệ Xuân từng công tác tại Công ty TNHH Nước Giải khát Hoàn Cầu An Giang và Công ty TNHH Minh Nguyên. Năm 2011 công tác tại Tôn Đông Á và trở thành Kế toán trưởng Công ty từ 2018 đến nay.

Tỷ lệ sở hữu tại ngày 24/11/2023: 0,03%

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

Tiền lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích khác của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát thực hiện năm 2023: được thể hiện chi tiết tại Báo cáo Tài chính Hợp nhất được kiểm toán năm 2023, mục 35. Nghiệp vụ với Các bên liên quan phần Thuyết minh Báo cáo Tài chính

HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI NỘI BỘ

STT	Tên tổ chức/ cá nhân	Mối quan hệ liên quan với Công ty	Thời điểm giao dịch với Công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có)	Nội dung	Tổng giá trị giao dịch (triệu đồng)
1	Lê Thị Phương Loan	Thành viên HĐQT Thành viên HĐQT	Từ tháng 01/2023 đến tháng 12/2023	Nghị quyết HĐQT số 12/2020/ NQ-HĐQT-TDA	Chi trả nợ vay	24.146

VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Về cơ bản, Tôn Đông Á luôn tuân thủ các quy định về Quản trị Công ty, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về công bố thông tin trong lĩnh vực chứng khoán, hệ thống quản trị của Công ty được kiểm soát chặt chẽ, các hoạt động quản trị của Hội đồng Quản trị, điều hành của Ban Tổng Giám đốc luôn minh bạch và được giám sát một cách cẩn trọng. Ngoài ra với kinh nghiệm lâu năm trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh thép lá mạ nói chung, đội ngũ quản trị của Công ty luôn nỗ lực hạn chế tối đa các rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Tính đến 31/12/2023, Hội đồng Quản trị Công ty gồm 08 thành viên, trong đó có 04 thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành, đáp ứng đúng quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP và Điều lệ Công ty.

PHẦN VI:
BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

1. MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG
2. MÔI TRƯỜNG
3. NGƯỜI LAO ĐỘNG
4. XÃ HỘI

1. MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Trong bối cảnh cả nền kinh tế hướng đến phát triển bền vững, phát triển kinh tế gắn liền với bảo vệ môi trường và đảm bảo an sinh xã hội, Tôn Đông Á hiểu rõ trách nhiệm của một doanh nghiệp lớn về sản xuất vật liệu xây dựng nguồn đối với các mục tiêu phát triển bền vững. Phát triển bền vững mang lại giá trị thực sự cho không chỉ cổ đông, khách hàng, đối tác mà còn cho người lao động, xã hội – môi trường, cộng đồng địa phương và còn đóng góp cho sự thịnh vượng của đất nước. Trên cơ sở đó, các kế hoạch hành động của Công ty được đặt ra dựa trên nền tảng sự chia sẻ chủ động và tích cực từ các bên liên quan nhằm nhanh chóng phát hiện những vấn đề cần thay đổi và phát triển để hoàn thiện hơn các chính sách của Công ty hiện nay.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Định hướng chiến lược phát triển bền vững chung cho toàn bộ Công ty
Các chương trình hành động chung

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Định hướng, chỉ đạo chung về Phát triển bền vững của Công ty
Phê duyệt mục tiêu và các kế hoạch hành động

CÁC BỘ PHẬN, PHÒNG BAN CHỨC NĂNG, NHÀ MÁY

Xây dựng và trình Ban Tổng Giám đốc các mục tiêu kế hoạch và hành động cụ thể.
Triển khai, hướng dẫn các Công ty con thực hiện, giám sát các kế hoạch, hành động đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

2. MÔI TRƯỜNG

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính

Tôn Đông Á đã thực hiện và đang triển khai các giải pháp sau:

- Công ty đã đầu tư chiều sâu về đổi mới công nghệ (lựa chọn công nghệ tiêu hao ít nhiên liệu, năng lượng, phát thải ít, thân thiện với môi trường, nâng cao tuổi thọ thiết bị, rút ngắn chu kỳ tạo sản phẩm...). Sử dụng công nghệ ít tiêu hao: tái sinh acid (giảm acid thải ra môi trường), lò NOF (tái sử dụng nhiệt, thu hồi nhiệt), sử dụng điện tái sinh (hệ thống DC BUS), sử dụng hơi nóng 100% từ hệ thống nồi hơi Biomass.
- Công ty sử dụng nhiên liệu sạch và tiết kiệm năng lượng trong sản xuất. Thay đổi nhiên liệu (từ dùng than sang dùng khí sạch CNG) và tăng cường sử dụng năng lượng có hiệu quả (sử dụng nhiệt dư, khí dư tái tạo năng lượng, bố trí hợp lý các thiết bị truyền động...).
- Công ty đã trồng rất nhiều cây xanh nhằm giảm nhiệt lượng và hấp thụ một phần khí CO2 thải ra.
- Ngoài ra, Tôn Đông Á đã liên tục đổi mới, nâng cấp cải tiến toàn bộ hệ thống dây chuyền máy móc, thiết bị trong sản xuất, nhà xưởng để giảm thiểu tiêu hao, chi phí và tối đa hóa năng suất, hiệu quả trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, trực tiếp tạo nên giá trị tích cực cho sản phẩm, môi trường, xã hội, cộng đồng cán bộ và công nhân viên. Năm 2024, Công ty đã chuẩn bị kế hoạch triển khai các ISO cần thiết, bao gồm ISO 14064-1:2018 để báo cáo nguồn phát thải khí nhà kính và ISO 14067:2018 để báo cáo lượng carbon trong quá trình sản xuất...

Từ việc tính toán phát thải khí nhà kính đó Công ty sẽ nỗ lực thực hiện lộ trình giảm phát thải khí nhà kính trong tương lai. Hướng đến mục tiêu giảm thiểu phát thải ròng tiến đến bằng 0 đến năm 2050 theo cam kết của Chính phủ Việt Nam ở hội nghị COP26.

QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU

Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm

STT	TÊN NGUYÊN VẬT LIỆU	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG
1	Thép cán nóng	Kg	627.438.084
2	Hợp kim nhôm-kẽm	Kg	18.324.511
3	Kẽm	Kg	5.276.865
4	Antifinger	Kg	1.140.858
5	Amoniac (NH3)	Kg	1.728.502
6	Sud (NaOH)	Kg	1.513.788
7	Dầu cán	Kg	291.073
8	Gas (CNG)	Sm3	22.367.238
9	HCL 32%	Kg	8.209.768
10	Crom	Kg	182.961
11	Biomass	Kg	67.730.264
12	Nitơ lỏng	Kg	948.234

TỶ LỆ PHẦN TRĂM NGUYÊN VẬT LIỆU ĐƯỢC TÁI CHẾ ĐƯỢC SỬ DỤNG ĐỂ SẢN XUẤT SẢN PHẨM VÀ DỊCH VỤ CHÍNH CỦA TỔ CHỨC

Tái sử dụng acid HCl: lượng acid tái sử dụng khoảng 64% lượng thải ra

TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp

STT	LOẠI NĂNG LƯỢNG	MỨC TIÊU THỤ	ĐƠN VỊ TÍNH
1	Điện mua vào	151.654.730	kWh
2	Dầu DO (Diesel oil)	25.269	Tấn
3	Khí tự nhiên (Natural Gas)	18.846.913	Sm3

CÁC BÁO CÁO SÁNG KIẾN TIẾT KIỆM NĂNG LƯỢNG

- ✓ Giảm nhiệt độ không khí đầu vào máy nén khí chuyền CK6
- ✓ Lắp biến tần và điều khiển tối ưu bơm, quạt tháp giải nhiệt
- ✓ Lắp biến tần điều khiển các cụm bơm thủy lực
- ✓ Đang triển khai dự án lắp đặt hệ thống điện năng lượng mặt trời mái nhà

TIÊU THỤ NƯỚC

NGUỒN CUNG CẤP NƯỚC VÀ LƯỢNG NƯỚC SỬ DỤNG:

Nguồn nước cấp do CTCP Nước - Môi trường Bình Dương cung cấp

Tổng lượng nước sử dụng trong năm 2023 là 680.283 m3 giảm 4% so với năm 2022.

TỶ LỆ PHẦN TRĂM VÀ TỔNG LƯỢNG NƯỚC TÁI CHẾ VÀ TÁI SỬ DỤNG

Tái sử dụng khoảng 30% lượng nước từ hệ thống lọc nước RO thông qua hệ thống xả đáy (Drain) => Chiếm 11,5% tổng lượng nước toàn nhà máy.

TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

- ✓ Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: **Không có**
- ✓ Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: **0 đồng**

3 NGƯỜI LAO ĐỘNG

Tính đến 31/12/2023
số lượng lao động trên toàn Công ty
1.468 NGƯỜI

CHÍNH SÁCH LAO ĐỘNG NHẰM ĐẢM BẢO SỨC KHỎE, AN TOÀN VÀ PHÚC LỢI CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG

Công tác an toàn sức khỏe môi trường (ATSKMT) là trách nhiệm hàng đầu của tất cả các cấp quản lý và là bộ phận quan trọng trong công tác quản lý các hoạt động sản xuất kinh doanh. Tôn Đông Á sẽ áp dụng mọi biện pháp thích hợp để loại trừ hoặc giảm thiểu tối đa các rủi ro gây thương tật hoặc tác hại đối với sức khỏe con người, gây thiệt hại tài sản hoặc ô nhiễm môi trường.

Để đạt được các mục tiêu trên, Tôn Đông Á cam kết thiết lập và duy trì một hệ thống ATSKMT đảm bảo:

- Tuân thủ pháp luật và đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan. Bảo đảm các hoạt động, các sản phẩm và dịch vụ của mình đáp ứng đạt chuẩn mực công nghiệp được thừa nhận.
- Cung cấp các nguồn lực, hệ thống, các quy trình cần thiết để thiết lập và duy trì mức rủi ro thấp nhất về ATSKMT. Kiểm soát chặt chẽ các yếu tố nguy hiểm có thể gây tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, thiệt hại tài sản, tổn thất sản xuất, ô nhiễm môi trường;
- Tạo thuận lợi cho việc trao đổi với cán bộ công nhân viên, nhà thầu, khách hàng, nhà cung cấp và những người liên quan về vấn đề cải thiện công tác ATSKMT. Khen thưởng kịp thời các tập thể, cá nhân thực hiện tốt công tác ATSKMT, đồng thời xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm;
- Đào tạo cho CBCNV Công ty các kiến thức về công tác ATSKMT phù hợp với công việc được giao;
- Đảm bảo kế hoạch ứng cứu khẩn cấp được xây dựng và duy trì có hiệu quả, đủ năng lực ứng cứu trong các trường hợp khẩn cấp;
- Định kỳ kiểm tra, xem xét, đánh giá công tác quản lý và kết quả thực hiện công tác ATSKMT để cải tiến liên tục.

Các chính sách khác nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn cho người lao động:

- CNV làm việc tại xưởng sản xuất luôn được cấp phát bảo hộ lao động định kỳ hoặc mới nhận việc (Quần áo, giày, nón bảo hộ, nút chống ồn, khẩu trang hoạt tính,...) để đảm bảo an toàn khi làm việc.
- Môi trường làm việc luôn được theo dõi đo kiểm định kỳ và đảm bảo cho người lao động làm việc an toàn.
- Đối với người làm việc trong môi trường nặng nhọc, độc hại sẽ được cấp phát sữa hằng ngày.
- Khám sức khỏe định kỳ theo quy định của pháp luật cho công nhân viên.
- Công ty có trang bị máy lọc nước tại mỗi xưởng làm việc để người lao động sử dụng. Máy lọc được theo dõi và phân tích mẫu nước theo các thông số quy định định kỳ.

HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO NGƯỜI LAO ĐỘNG

Số giờ đào tạo trung bình năm 2023
28 GIỜ/NGƯỜI

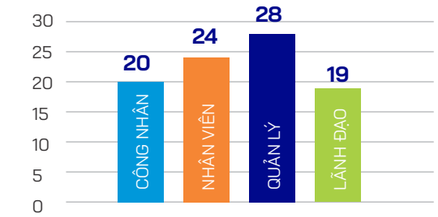

Số giờ đào tạo trung bình năm 2023 theo nhóm

CHÍNH SÁCH ĐÀO TẠO VÀ PHÁT TRIỂN NHÂN VIÊN

Với mục tiêu hướng đến kỹ năng chuyên môn hóa cao trong tất cả các bộ phận công tác, Ban lãnh đạo Tôn Đông Á luôn khuyến khích và tạo điều kiện tốt nhất cho mọi cán bộ nhân viên phát triển toàn diện cả về năng lực chuyên môn và kỹ năng mềm không chỉ thông qua công việc, mà còn qua đào tạo, tự đào tạo và trao đổi kiến thức. Điều này được thể hiện qua việc Công ty liên tục tổ chức các chương trình đào tạo thuê ngoài và đào tạo nội bộ, tổ chức các lớp học, thi nâng cao tay nghề, bậc kỹ thuật, thúc đẩy phong trào học tập đi đôi với sáng tạo trong lao động sản xuất, phục vụ tốt cho mục tiêu phát triển lâu dài của Công ty.

Tại Tôn Đông Á, hoạt động phát triển nguồn nhân lực thực hiện qua các nội dung: Xây dựng chiến lược đào tạo phát triển nguồn nhân lực; ban hành Quy chế, quy trình tuyển dụng; cơ chế thu hút, đãi ngộ người lao động; chính sách hợp tác nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ với một số đối tác chiến lược để ứng dụng vào thực tiễn sản xuất kinh doanh.

Hiện tại Công ty đang thực hiện dự án xây dựng Khung năng lực cho tất cả các vị trí công việc để hướng tới thực hiện việc đánh giá, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực và xây dựng chính sách tiền lương, phúc lợi hiệu quả hơn.

CÁC CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG VÀ HỌC TẬP LIÊN TỤC ĐỂ HỖ TRỢ NGƯỜI LAO ĐỘNG

- ✓ Chương trình đào tạo hội nhập
- ✓ Chương trình đào tạo nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ tại nội bộ phòng ban
- ✓ Chương trình đào tạo nâng cao năng lực quản lý cấp trung
- ✓ Chương trình đào tạo kiến thức sản phẩm Công ty
- ✓ Chương trình đào tạo nâng cao kỹ năng mềm cho CB-CNV: kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức công việc, giao tiếp, thuyết trình, giải quyết vấn đề...
- ✓ Chương trình đào tạo an toàn bảo mật thông tin, nâng cao nhận thức tuân thủ nội quy Công ty, nhận thức và thực hành 5S, đào tạo thực hành các phần mềm chuyển đổi số.
- ✓ Chương trình đào tạo An toàn vệ sinh lao động theo yêu cầu của pháp luật
- ✓ Chương trình đào tạo nhận thức các tiêu chuẩn ISO 9001, 14001, 50001, 45001, 14064, 14067, ISO/IEC 17025...

4. XÃ HỘI

Trong suốt chặng đường hình thành và phát triển 25 năm qua, Tôn Đông Á luôn đề cao tinh thần cùng chung tay vì sự phát triển cộng đồng, thể hiện trách nhiệm của doanh nghiệp đối với Nhà nước thông qua các hoạt động thiết thực có ích cho xã hội như: Hỗ trợ kinh phí xây cầu đường; trao học bổng cho trẻ em nghèo, xây dựng nhà tình thương, tình nghĩa; hỗ trợ tôn lợp nhà và nhiều tài trợ ý nghĩa khác.

Tổng số tiền Tôn Đông Á tài trợ cho các hoạt động xã hội tính đến tháng 12/2023 hơn 45 tỷ đồng, tài trợ cho các Quỹ ban ngành như: Quỹ Bảo trợ trẻ em tỉnh Bình Dương, Quỹ Bảo trợ trẻ em Việt Nam, Hội chữ thập đỏ tỉnh Bình Dương, Quỹ Giáo dục Huế Hiếu Học, Bộ Tư lệnh Vùng 2 Hải quân, Trường ĐH Bách Khoa TP.HCM, Trường THPT Phan Châu Trinh (Đà Nẵng), Quỹ Nam Phương, Uỷ ban MTTQ Việt Nam tỉnh Thừa Thiên Huế, Uỷ ban MTTQ Việt Nam TP.HCM, Uỷ ban MTTQ Việt Nam Q.Phú Nhuận...

Riêng trong năm 2023, Tôn Đông Á đã tài trợ cho các hoạt động xã hội với tổng chi phí gần 3 tỷ đồng. Một số hoạt động nổi bật của Tôn Đông Á trong năm 2023 như: tài trợ học bổng chương trình "Xuân với trẻ em khó khăn lần XVI" của Quỹ Bảo trợ trẻ em tỉnh Bình Dương; tài trợ học bổng chương trình "Mùa xuân cho em lần thứ 16" của Quỹ Bảo trợ trẻ em Việt Nam; tài trợ học bổng chương trình "Tết nhân ái – Xuân Quý Mão 2023" của Hội Chữ Thập Đỏ Tỉnh Bình Dương; tài trợ học bổng, công trình xã hội, trong chương trình "Cuộc đua xe đạp tranh cúp truyền hình, HTV – Tôn Đông Á lần thứ 35 năm 2023"; tài trợ chiến dịch Mùa hè xanh của Trường Đại học Bách Khoa TP.HCM - Khoa Công nghệ Vật liệu; tài trợ học bổng cho học sinh - sinh viên có hoàn cảnh khó khăn lần XXII tỉnh Bình Dương 2023"của Quỹ Bảo trợ trẻ em tỉnh Bình Dương; tài trợ học bổng học tập trải nghiệm cho học sinh Trường THPT Phan Châu Trinh - Đà Nẵng; tài trợ kinh phí cho Bộ Tư lệnh vùng 2 Hải quân; tài trợ chương trình "Cuộc đi bộ gây Quỹ Xã hội" của Quận Phú Nhuận; tài trợ học bổng cho Ban liên lạc Hội đồng hương Tỉnh Thừa Thiên Huế tại TP.HCM,...

PHẦN VII:
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT 2023 ĐÃ KIỂM TOÁN

1. THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tôn Đông Á ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp("GCNĐKDN") số 3700255880 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 2 tháng 2 năm 2009 và theo các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") là sản xuất sắt, thép, gang, thép mạ, khung kèo thép và các sản phẩm cơ khí; mua bán sắt, thép, hàng mộc gia dụng, vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất, vật tư, nguyên nhiên liệu, máy móc thiết bị; xây dựng dân dụng, công nghiệp; thi công hệ thống điện, nước công trình; vận chuyển hàng hóa đường bộ; và cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng.

Công ty có trụ sở chính tại Số 5 Đường số 5, Khu Công nghiệp Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty có hai (2) văn phòng đại diện tại Số 18 - 20 Hồ Văn Huê, Phường 9, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và tại Tầng 2, Lô 201-203, Đường Lê Đức Thọ, Phường Trần Hưng Đạo, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định; và một (1) chi nhánh tại Lô A3, đường D4, Khu Công nghiệp Đồng An 2, Phường Hòa Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Thanh Trung	Chủ tịch
Ông Hồ Song Ngọc	Thành viên
Ông Phạm Quốc Thắng	Thành viên
Ông Đoàn Vĩnh Phước	Thành viên
Bà Lê Thị Phương Loan	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	Thành viên
Ông Ngô Văn Sinh	Thành viên độc lập
Ông Đoàn Danh Tuấn	Thành viên độc lập

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Năng Tín	Trưởng ban	bổ nhiệm ngày 23 tháng 6 năm 2023
Bà Lê Thị Khoa Nguyên	Trưởng ban	miễn nhiệm ngày 23 tháng 6 năm 2023
Bà Đinh Thị Thảo Ly	Thành viên	bổ nhiệm ngày 23 tháng 6 năm 2023
Ông Hoàng Duy Nhất	Thành viên	bổ nhiệm ngày 23 tháng 6 năm 2023
Bà Lâm Duy Thùy Linh	Thành viên	miễn nhiệm ngày 23 tháng 6 năm 2023
Bà Nguyễn Phước Thị Túy Hà	Thành viên	miễn nhiệm ngày 23 tháng 6 năm 2023

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Hồ Song Ngọc	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Quốc Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đoàn Vĩnh Phước	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Đại	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Thanh Trung

Ông Hồ Song Ngọc

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tôn Đông Á ("Công ty") trân trọng trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tỉnh Bình Dương, Việt Nam
Ngày 28 tháng 3 năm 2024

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Hồ Song Ngọc
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

EY
Building a better working world

Ernst & Young Vietnam Limited
20th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Fax: +84 28 3824 5250
ey.com

Số tham chiếu: 11661432/E-66925235

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Tôn Đông Á

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Tôn Đông Á ("Công ty") và các công ty con ("Nhóm Công ty"), được lập ngày 28 tháng 3 năm 2024 và được trình bày từ trang 5 đến trang 44, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ERNST & YOUNG VIỆT NAM

Nguyễn Quốc Hoàng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 2787-2022-004-1

Tôn Thiện Bảo Ngọc
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 4177-2022-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	*TÀI SẢN*	*Thuyết minh*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**8.670.273.697.031**	**7.410.177.790.095**
110	***I. Tiền và các khoản tương đương tiền***	***5***	***1.193.754.292.296***	***829.814.067.681***
111	1. Tiền		1.193.754.292.296	814.814.067.681
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	15.000.000.000
120	***II. Đầu tư tài chính ngắn hạn***		***2.156.059.870.662***	***1.162.000.058.794***
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6	2.156.059.870.662	1.162.000.058.794
130	***III. Các khoản phải thu ngắn hạn***		***1.984.154.269.933***	***1.964.647.427.052***
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7	1.935.362.770.403	1.070.004.881.901
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	8	28.704.843.056	7.958.820.479
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		-	835.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	9	45.485.169.483	102.521.170.237
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7	(25.398.513.009)	(50.837.445.565)
140	***IV. Hàng tồn kho***	***10***	***3.126.953.454.480***	***3.290.690.692.843***
141	1. Hàng tồn kho		3.210.908.157.973	3.348.787.967.494
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(83.954.703.493)	(58.097.274.651)
150	***V. Tài sản ngắn hạn khác***		***209.351.809.660***	***163.025.543.725***
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	24.858.145.106	20.150.911.938
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	19	184.159.677.855	142.097.852.823
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	19	333.986.699	776.778.964

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	*TÀI SẢN*	*Thuyết minh*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**2.871.809.380.728**	**2.895.371.944.017**
210	***I. Các khoản phải thu dài hạn***		***10.068.759.000***	***6.372.076.839***
212	1. Trả trước cho người bán dài hạn		6.435.000	6.435.000
216	2. Phải thu dài hạn khác	9	10.062.324.000	6.365.641.839
220	***II. Tài sản cố định***		***2.246.802.305.430***	***2.541.112.283.063***
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	2.040.269.418.990	2.358.723.131.132
222	Nguyên giá		4.561.487.526.222	4.568.517.430.737
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(2.521.218.107.232)	(2.209.794.299.605)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	13	84.924.011.674	60.887.311.423
225	Nguyên giá		103.857.802.366	72.177.201.086
226	Giá trị khấu hao lũy kế		(18.933.790.692)	(11.289.889.663)
227	3. Tài sản cố định vô hình	14	121.608.874.766	121.501.840.508
228	Nguyên giá		138.275.724.227	136.987.144.227
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(16.666.849.461)	(15.485.303.719)
240	***III. Tài sản dở dang dài hạn***		***24.010.886.974***	***3.175.888.322***
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	15.1	19.985.897.068	-
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	15.2	4.024.989.906	3.175.888.322
250	***IV. Đầu tư tài chính dài hạn***		***270.640.000.000***	***30.640.000.000***
255	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6	270.640.000.000	30.640.000.000
260	***V. Tài sản dài hạn khác***		***320.287.429.324***	***314.071.695.793***
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	289.794.745.038	292.424.812.499
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	33.3	21.836.368.434	21.646.883.294
269	3. Lợi thế thương mại	16	8.656.315.852	-
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**11.542.083.077.759**	**10.305.549.734.112**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	*NGUỒN VỐN*	*Thuyết minh*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
300	**C. NỢ PHẢI TRẢ**		**7.922.832.503.399**	**6.857.008.081.757**
310	***I. Nợ ngắn hạn***		***7.879.094.963.528***	***6.766.306.891.008***
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	17	1.327.879.469.601	1.263.889.355.033
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	18	65.083.404.498	47.556.986.156
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	19	32.405.621.380	78.471.005.736
314	4. Phải trả người lao động		34.724.227.615	19.914.763.583
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	20	52.132.131.996	22.009.509.868
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	21	528.724.277.167	12.141.249.931
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	23	5.804.027.377.038	5.265.965.935.896
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	22	34.118.454.233	56.358.084.805
330	***II. Nợ dài hạn***		***43.737.539.871***	***90.701.190.749***
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	23	43.737.539.871	35.015.526.787
339	2. Trái phiếu chuyển đổi	24	-	55.685.663.962
400	**D. VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**3.619.250.574.360**	**3.448.541.652.355**
410	***I. Vốn chủ sở hữu***	***25.1***	***3.619.250.574.360***	***3.448.541.652.355***
411	1. Vốn cổ phần		1.146.915.100.000	1.146.915.100.000
411a	*- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*		*1.146.915.100.000*	*1.146.915.100.000*
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		834.436.453.483	834.436.453.483
413	3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu		1.931.977.742	1.931.977.742
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		3.430.602.730	3.430.602.730
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.630.396.692.504	1.461.827.518.400
421a	*- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước*		*1.346.823.566.407*	*1.738.335.705.755*
421b	*- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (lỗ) năm nay*		*283.573.126.097*	*(276.508.187.355)*
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		2.139.747.901	-
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**11.542.083.077.759**	**10.305.549.734.112**

Võ Công Danh
Người lập

Trần Lệ Xuân
Kế toán trưởng

Hồ Song Ngọc
Tổng Giám đốc

Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	*Năm trước*
01	**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**26.1**	**17.462.680.329.247**	**21.680.827.982.408**
02	**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**	**26.1**	**(28.102.508.698)**	**(66.343.360.473)**
10	**3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**26.1**	**17.434.577.820.549**	**21.614.484.621.935**
11	**4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**	**27**	**(16.305.438.743.136)**	**(20.433.359.245.487)**
20	**5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**1.129.139.077.413**	**1.181.125.376.448**
21	**6. Doanh thu hoạt động tài chính**	**26.2**	**378.446.661.785**	**407.098.695.485**
22	**7. Chi phí tài chính**	**28**	**(371.286.174.582)**	**(503.513.665.109)**
23	*Trong đó: Chi phí lãi vay*		*(296.649.131.094)*	*(248.577.099.938)*
25	**8. Chi phí bán hàng**	**29**	**(764.270.241.235)**	**(1.244.957.678.383)**
26	**9. Chi phí quản lý doanh nghiệp**	**30**	**(63.076.241.647)**	**(140.664.765.144)**
30	**10. Lợi nhuận (lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh**		**308.953.081.734**	**(300.912.036.703)**
31	**11. Thu nhập khác**	**32**	**6.851.882.090**	**9.199.536.566**
32	**12. Chi phí khác**	**32**	**(9.915.692.482)**	**(852.683.796)**
40	**13. (Lỗ) lợi nhuận khác**	**32**	**(3.063.810.392)**	**8.346.852.770**
50	**14. Tổng lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế**		**305.889.271.342**	**(292.565.183.933)**
51	**15. Chi phí thuế TNDN hiện hành**	**33.1**	**(22.506.458.379)**	**(710.107.217)**
52	**16. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại**	**33.3**	**189.485.140**	**16.767.103.795**
60	**17. Lợi nhuận (lỗ) sau thuế TNDN**		**283.572.298.103**	**(276.508.187.355)**

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	*Năm trước*
61	**18. Lợi nhuận (lỗ) sau thuế của công ty mẹ**		**283.573.126.097**	**(276.508.187.355)**
62	**19. Lỗ sau thuế của cổ đông không kiểm soát**		**(827.994)**	**-**
70	**20. Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)**	**34**	**2.472**	**(2.469)**
71	**21. Lãi (lỗ) suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)**	**34**	**2.419**	**(2.414)**

Võ Công Danh
Người lập

Trần Lệ Xuân
Kế toán trưởng

Hồ Song Ngọc
Tổng Giám đốc

Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	*Năm trước*
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	**Tổng lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế**		**305.889.271.342**	**(292.565.183.933)**
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định	12, 13, 14, 16	345.094.844.545	344.492.862.316
03	Các khoản dự phòng		418.496.286	97.465.679.918
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(1.689.630.715)	(1.718.306.450)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(215.172.138.588)	(209.231.304.196)
06	Chi phí lãi vay	28	296.649.131.094	248.577.099.938
08	**Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động**		**731.189.973.964**	**187.020.847.593**
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(868.012.689.633)	1.364.375.952.670
10	Giảm hàng tồn kho		137.879.809.521	1.086.011.987.782
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		589.196.491.586	(3.392.627.656.660)
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(2.077.165.707)	27.557.881.393
14	Tiền lãi vay đã trả		(309.037.265.958)	(241.819.070.626)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	19	(2.777.705.082)	(68.218.775.287)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(23.826.872.565)	(66.305.962.175)
20	**Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh**		**252.534.576.126**	**(1.104.004.795.310)**
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(44.042.000.277)	(52.907.289.978)
22	Tiền thu do thanh lý TSCĐ		34.770.711.209	1.851.851.853
23	Tiền chi để mua trái phiếu, gửi ngân hàng có kỳ hạn và cho vay		(9.655.914.504.385)	(6.765.658.663.508)
24	Tiền thu từ bán trái phiếu, tất toán tiền gửi ngân hàng và thu hồi khoản cho vay		9.256.854.692.517	6.566.047.177.524
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(28.438.198.697)	-
27	Tiền thu lãi đầu tư trái phiếu, lãi tiền gửi và lãi cho vay		217.832.842.712	182.842.535.800
30	**Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư**		**(218.936.456.921)**	**(67.824.388.309)**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	*Năm trước*
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		-	494.747.240.000
33	Tiền thu từ đi vay	23	16.043.729.188.264	17.932.360.068.381
34	Tiền trả nợ gốc vay	23	(15.569.835.932.860)	(16.832.954.009.379)
35	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	23	(30.260.987.899)	(19.522.000.072)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	25.2	(112.921.589.650)	(114.390.510.000)
40	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính**		**330.710.677.855**	**1.460.240.788.930**
50	**Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm**		**364.308.797.060**	**288.411.605.311**
60	**Tiền và tương đương tiền đầu năm**		**829.814.067.681**	**544.359.213.855**
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(368.572.445)	(2.956.751.485)
70	**Tiền và tương đương tiền cuối năm**	**5**	**1.193.754.292.296**	**829.814.067.681**

Võ Công Danh
Người lập

Trần Lệ Xuân
Kế toán trưởng

Hồ Sông Ngọc
Tổng Giám đốc

Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tôn Đông Á ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp("GCNĐKDN") số 3700255880 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 2 tháng 2 năm 2009 và theo các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") là sản xuất sắt, thép, gang, thép mạ, khung kèo thép và các sản phẩm cơ khí; mua bán sắt, thép, hàng mộc gia dụng, vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất, vật tư, nguyên nhiên liệu, máy móc thiết bị; xây dựng dân dụng, công nghiệp; thi công hệ thống điện, nước công trình; vận chuyển hàng hóa đường bộ; và cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại Số 5 Đường số 5, Khu Công nghiệp Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty có hai (2) văn phòng đại diện tại Số 18 - 20 Hồ Văn Huê, Phường 9, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và tại Tầng 2, Lô 201-203, Đường Lê Đức Thọ, Phường Trần Hưng Đạo, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định; và một (1) chi nhánh tại Lô A3, đường D4, Khu Công nghiệp Đồng An 2, Phường Hòa Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 là: 1.458 người (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 1.465 người).

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có 5 công ty con (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 4). Chi tiết như sau:

Tên công ty con	*Lĩnh vực kinh doanh*	*Tình trạng hoạt động*	*Tỷ lệ sở hữu (%)*	
			Số cuối năm	*Số đầu năm*
1. Công ty TNHH Một thành viên Tôn Đông Á Bắc Ninh	Mua bán thép các loại	Đang hoạt động	100	100
2. Công ty TNHH Một thành viên Tôn Đông Á Đà Nẵng	Mua bán và sản xuất ống, thép các loại	Đang hoạt động	100	100
3. Công ty TNHH Một thành viên Tôn Đông Á Long An	Sản xuất ống thép hộp, mua bán thép các loại	Đang hoạt động	100	100
4. Công ty TNHH Một thành viên Tôn Đông Á Bình Dương	Cung cấp dịch vụ vận chuyển	Đang hoạt động	100	100
5. Công ty TNHH Thương mại Đầu tư và Xây dựng Tổng hợp SBC Miền Trung	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng	Đang hoạt động	95	-

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Nhóm Công ty là VND.

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán năm và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cuối kỳ với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ và hàng hóa	- Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	- Giá gốc thành phẩm áp dụng theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cấn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình, và tài sản cố định thuê tài chính, và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc thiết bị	5 - 15 năm
Phương tiện vận tải	5 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 8 năm
Phần mềm máy tính	3 - 8 năm
Tài sản khác	5 - 10 năm

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà kho và lắp ráp dây chuyền sản xuất, máy móc và thiết bị của Nhóm Công ty mà các công việc này chưa được hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

3.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm, ngoại trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo các hợp đồng thuê đất trong thời hạn 30 và 45 năm. Theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 ban hành bởi Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

3.11 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh

3.12 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.14 Trái phiếu chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi, mà có thể được chuyển đổi thành một số lượng cổ phiếu phổ thông cố định, được phân chia thành nợ phải trả tài chính (cho phần thỏa thuận mang tính bắt buộc phải chi trả bằng tiền hoặc tài sản tài chính khác) và vốn chủ sở hữu (phần quyền chuyển đổi thành cổ phiếu trong một thời gian nhất định) theo điều khoản hợp đồng.

Vào ngày phát hành, giá trị hợp lý của thành phần nợ phải trả tài chính trong trái phiếu chuyển đổi được xác định bằng cách chiết khấu giá trị danh nghĩa của khoản thanh toán trong tương lai (gồm cả nợ gốc và lãi trái phiếu) về giá trị hiện tại theo lãi suất của trái phiếu không chuyển đổi tương tự trên thị trường và trừ đi chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi.

Phần còn lại trong tổng tiền thu được từ phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ cho quyền chuyển đổi và được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. Giá trị ghi sổ của quyền chuyển đổi không được đánh giá lại trong các năm sau.

3.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thực hiện thanh toán

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch, ngoại trừ các khoản phải trả gốc ngoại tệ đã sử dụng công cụ tài chính để dự phòng rủi ro hối đoái.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.16 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Nhóm Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Nhóm Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Cổ tức

Cổ tức phải trả được đề nghị bởi Hội đồng Quản trị của Công ty và được phân loại như một sự phân phối của lợi nhuận chưa phân phối trong khoản mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Cổ tức sẽ được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất sau khi đã được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và được Hội đồng Quản trị quyết định chi trả.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3.18 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.19 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Thuế *(tiếp theo)*

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản, nợ phải trả giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế (hoặc lỗ thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có thu nhập chịu thuế để sử dụng những khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế (hoặc lỗ thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.20 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.21 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Tất cả hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhóm Công ty được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Hoạt động chính của Nhóm Công ty là sản xuất sắt, thép, gang; vận chuyển hàng hóa đường bộ; và cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng. Tuy nhiên, các hoạt động cung cấp dịch vụ của công ty chiếm không trọng yếu trong kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Nhóm Công ty. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty không bị tác động bởi những khác biệt về sản phẩm mà Nhóm Công ty sản xuất hoặc do Nhóm Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Nhóm Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh là ngành nghề sản xuất sắt, thép, gang và khu vực địa lý là Việt Nam, và theo đó, thông tin theo bộ phận không được trình bày.

3.22 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. SỰ KIỆN PHÁT SINH TRONG NĂM

Mua Công ty TNHH Thương mại Đầu tư và Xây dựng Tổng hợp SBC Miền Trung ("SBC")

Vào ngày 27 tháng 11 năm 2023, Nhóm Công ty đã hoàn tất việc nhận chuyển nhượng 95% vốn góp vào SBC với tổng giá trị là 49.400.000.000 VND. Theo đó, SBC trở thành công ty con của Nhóm Công ty kể từ ngày này.

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả có thể xác định được của SBC tại ngày mua được trình bày dưới đây.

	Giá trị hợp lý tạm tính ghi nhận tại ngày mua (*)
Tài sản	
Các khoản phải thu	1.807.467.400
Các tài sản khác	41.004.062.613
	42.811.530.013
Nợ phải trả	**12.120**
Tổng tài sản thuần theo giá trị hợp lý tạm tính	**42.811.517.893**
Cổ đông không kiểm soát	2.140.575.895
Lợi thế thương mại từ hợp nhất kinh doanh *(Thuyết minh số 16)*	8.729.058.002
Tổng giá phí hợp nhất kinh doanh đã thanh toán	**49.400.000.000**

4. SỰ KIỆN PHÁT SINH TRONG NĂM *(tiếp theo)*

Mua Công ty TNHH Thương mại Đầu tư và Xây dựng Tổng hợp SBC Miền Trung ("SBC") *(tiếp theo)*

VND

Thông tin lưu chuyển tiền tệ từ việc mua công ty con	
Tiền thu về từ công ty con	20.961.801.303
Tiền chi để mua công ty con	(49.400.000.000)
Tổng tiền thuần đã thanh toán cho nghiệp vụ mua	**(28.438.198.697)**

(*) Tài sản thuần tại ngày mua được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên ước tính tạm thời về giá trị hợp lý do Nhóm Công ty đang trong quá trình đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản của SBC. Việc đánh giá này vẫn chưa hoàn thành vào ngày báo cáo tài chính hợp nhất được phê duyệt phát hành.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Tiền mặt	388.543.840	1.906.925.613
Tiền gửi ngân hàng	1.193.365.748.456	812.907.142.068
Các khoản tương đương tiền	-	15.000.000.000
TỔNG CỘNG	**1.193.754.292.296**	**829.814.067.681**

6. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Ngắn hạn	**2.156.059.870.662**	**1.162.000.058.794**
Tiền gửi có kỳ hạn *(*)*	661.600.000.000	338.000.000.000
Trái phiếu *(**)*	1.494.459.870.662	824.000.058.794
Dài hạn	**270.640.000.000**	**30.640.000.000**
Trái phiếu *(**)*	270.640.000.000	30.640.000.000
TỔNG CỘNG	**2.426.699.870.662**	**1.192.640.058.794**

6. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN *(tiếp theo)*

(*) Đây là khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc trên ba (3) tháng và dưới mười hai (12) tháng và hưởng lãi suất 4,4% tới 6,9% một năm.

(**) Số cuối năm thể hiện khoản đầu tư vào trái phiếu được phát hành bởi các ngân hàng thương mại và doanh nghiệp, trong đó trái phiếu doanh nghiệp được cam kết mua lại bởi đại lý phân phối, với lãi suất từ 6,25%/năm đến 8,8%/năm, trong đó:

- Khoản trái phiếu trị giá 2.047.299.264.145 VND đã được tất toán vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.
- Các trái phiếu còn lại được đăng ký lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, được tự do chuyển nhượng và được phân loại dựa trên thời điểm mà Nhóm Công ty dự kiến chuyển nhượng.

Như đã được trình bày tại Thuyết minh số 23, Nhóm Công ty đã sử dụng một phần tiền gửi có kỳ hạn và trái phiếu nêu trên để bảo đảm cho các khoản vay ngân hàng.

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
JFE Shoji America LLC	149.764.015.509	-
Công ty TNHH Sắt Thép Ngọc Biển	133.043.444.484	108.906.806.595
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Minh Minh	72.127.044.390	120.877.038.188
Khác	1.580.428.266.020	840.221.037.118
TỔNG CỘNG	**1.935.362.770.403**	**1.070.004.881.901**
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(25.398.513.009)	(50.837.445.565)
GIÁ TRỊ THUẦN	**1.909.964.257.394**	**1.019.167.436.336**

Như đã được trình bày tại Thuyết minh số 23, Nhóm Công ty đã thế chấp một số khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng để bảo đảm cho các khoản vay ngân hàng.

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG *(tiếp theo)*

Chi tiết tình hình nợ xấu như sau:

VND

	Số cuối năm			*Số đầu năm*		
	Giá gốc	*Dự phòng*	*Giá trị có thể thu hồi ước tính*	*Giá gốc*	*Dự phòng*	*Giá trị có thể thu hồi ước tính*
Quá hạn thanh toán từ 6 tháng đến dưới 3 năm	***30.454.964.419***	***(21.318.475.094)***	***9.136.489.325***	***93.253.522.733***	***(46.342.192.022)***	***46.911.330.711***
- Totem Steel Internation	30.454.964.419	(21.318.475.094)	9.136.489.325	91.830.676.007	(45.915.338.004)	45.915.338.003
- Stemcor USA INC	-	-	-	1.422.846.726	(426.854.018)	995.992.708
Khả năng thu hồi thấp	***4.080.037.915***	***(4.080.037.915)***	***-***	***4.495.253.543***	***(4.495.253.543)***	***-***
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sản xuất Á Châu Quang Vinh	2.282.275.444	(2.282.275.444)	-	2.282.275.444	(2.282.275.444)	-
- Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Á Châu Lê Anh	1.367.878.669	(1.367.878.669)	-	1.367.878.669	(1.367.878.669)	-
- Khác	429.883.802	(429.883.802)	-	845.099.430	(845.099.430)	-
TỔNG CỘNG	**34.535.002.334**	**(25.398.513.009)**	**9.136.489.325**	**97.748.776.276**	**(50.837.445.565)**	**46.911.330.711**

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Số đầu năm	50.837.445.565	3.686.006.222
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	-	47.151.439.343
Trừ: Hoàn nhập, xóa sổ dự phòng trong năm	(25.438.932.556)	-
Số cuối năm	25.398.513.009	50.837.445.565

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ Minh Phát	10.070.882.386	957.487.832
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Quảng cáo Á Đông	8.072.170.518	985.017.925
Chongqing H&J Technology Co..Ltd.	-	1.884.259.500
Khác	10.561.790.152	4.132.055.222
TỔNG CỘNG	**28.704.843.056**	**7.958.820.479**

9. PHẢI THU KHÁC

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Ngắn hạn	**45.485.169.483**	**102.521.170.237**
Lãi dự thu	30.669.680.176	27.113.407.579
Phải thu chi hộ	6.731.292.198	6.733.062.844
Ký quỹ, ký cược	2.581.751.839	63.964.115.332
Khác	5.502.445.270	4.710.584.482
Dài hạn	**10.062.324.000**	**6.365.641.839**
Ký quỹ, ký cược	10.062.324.000	6.365.641.839
TỔNG CỘNG	**55.547.493.483**	**108.886.812.076**

10. HÀNG TỒN KHO

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Thành phẩm	1.415.051.459.443	1.763.680.374.552
Nguyên vật liệu	922.148.512.429	737.144.529.551
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang - Bán thành phẩm	568.901.532.300	554.796.239.210
Hàng đang đi trên đường	253.382.518.038	243.179.518.858
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	46.777.107.322	46.092.953.073
Công cụ, dụng cụ	3.044.918.525	2.839.352.303
Hàng hóa	1.602.109.916	1.054.999.947
TỔNG CỘNG	**3.210.908.157.973**	**3.348.787.967.494**
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(83.954.703.493)	(58.097.274.651)
GIÁ TRỊ THUẦN	**3.126.953.454.480**	**3.290.690.692.843**

Như được trình bày tại Thuyết minh số 23, Nhóm Công ty đã sử dụng một số hàng tồn kho của Nhóm Công ty để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Số đầu năm	58.097.274.651	7.783.034.076
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	83.954.703.493	58.097.274.651
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	(58.097.274.651)	(7.783.034.076)
Số cuối năm	83.954.703.493	58.097.274.651

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Ngắn hạn	**24.858.145.106**	**20.150.911.938**
Công cụ, dụng cụ đang dùng	16.255.283.885	12.150.751.421
Chi phí bảo trì, bảo dưỡng	5.719.625.377	2.928.214.537
Khác	2.883.235.844	5.071.945.980
Dài hạn	**289.794.745.038**	**292.424.812.499**
Tiền thuê đất trả trước *(*)*	199.991.469.097	206.419.284.385
Công cụ, dụng cụ đang dùng	68.156.302.565	51.550.283.958
Chi phí quảng cáo	9.471.135.283	21.121.155.245
Khác	12.175.838.093	13.334.088.911
TỔNG CỘNG	**314.652.890.144**	**312.575.724.437**

(*) Như được trình bày tại Thuyết minh số 23, Nhóm Công ty đã sử dụng một số quyền sử dụng đất của Nhóm Công ty để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	*Máy móc thiết bị*	*Phương tiện vận tải*	*Thiết bị văn phòng*	*Khác*	*Tổng cộng*
Nguyên giá						
Số đầu năm	800.265.710.241	3.526.868.326.419	223.885.179.285	17.114.886.979	383.327.813	4.568.517.430.737
Mua trong năm	101.356.371	23.847.802.849	2.391.300.182	356.058.374	-	26.696.517.776
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	11.213.175.230	6.154.820.697	1.502.498.500	-	-	18.870.494.427
Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	-	12.830.363.636	-	-	12.830.363.636
Thanh lý	-	(49.300.263.721)	(16.127.016.633)	-	-	(65.427.280.354)
Số cuối năm	811.580.241.842	3.507.570.686.244	224.482.324.970	17.470.945.353	383.327.813	4.561.487.526.222
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	*23.298.626.361*	*332.605.242.423*	*17.548.294.633*	*13.022.985.279*	-	*386.475.148.696*
Giá trị khấu hao lũy kế						
Số đầu năm	211.508.577.004	1.857.884.110.132	125.236.230.053	14.987.081.381	178.301.035	2.209.794.299.605
Khấu hao trong năm	37.702.732.928	269.367.060.608	24.106.346.126	712.321.864	41.977.199	331.930.438.725
Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	-	4.266.216.899	-	-	4.266.216.899
Thanh lý	-	(18.179.893.818)	(6.592.954.179)	-	-	(24.772.847.997)
Số cuối năm	249.211.309.932	2.109.071.276.922	147.015.838.899	15.699.403.245	220.278.234	2.521.218.107.232
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	588.757.133.237	1.668.984.216.287	98.648.949.232	2.127.805.598	205.026.778	2.358.723.131.132
Số cuối năm	562.368.931.910	1.398.499.409.322	77.466.486.071	1.771.542.108	163.049.579	2.040.269.418.990

Một số tài sản cố định với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 1.829.727.943.012 VNĐ đã được dùng để thế chấp nhằm đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng của Nhóm Công ty *(Thuyết minh số 23)*.

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

VND

	Máy móc và thiết bị	*Phương tiện vận tải*	*Tổng cộng*
Nguyên giá:			
Số đầu năm	-	72.177.201.086	72.177.201.086
Thuê trong năm	26.241.620.302	18.269.344.614	44.510.964.916
Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	(12.830.363.636)	(12.830.363.636)
Số cuối năm	26.241.620.302	77.616.182.064	103.857.802.366
Giá trị khấu hao lũy kế:			
Số đầu năm	-	11.289.889.663	11.289.889.663
Khấu hao trong năm	1.148.026.725	10.762.091.203	11.910.117.928
Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	(4.266.216.899)	(4.266.216.899)
Số cuối năm	1.148.026.725	17.785.763.967	18.933.790.692
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	-	60.887.311.423	60.887.311.423
Số cuối năm	25.093.593.577	59.830.418.097	84.924.011.674

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

VND

	Quyền sử dụng đất	*Phần mềm máy tính*	*Tổng cộng*
Nguyên giá:			
Số đầu năm	117.526.300.000	19.460.844.227	136.987.144.227
Mua trong năm	-	1.288.580.000	1.288.580.000
Số cuối năm	117.526.300.000	20.749.424.227	138.275.724.227
Trong đó:			
Đã hao mòn hết	-	*12.058.711.727*	*12.058.711.727*
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số đầu năm	-	15.485.303.719	15.485.303.719
Hao mòn trong năm	-	1.181.545.742	1.181.545.742
Số cuối năm	-	16.666.849.461	16.666.849.461
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	117.526.300.000	3.975.540.508	121.501.840.508
Số cuối năm	117.526.300.000	4.082.574.766	121.608.874.766

Một số quyền sử dụng đất với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 77.556.400.000 VNĐ đã được dùng để thế chấp nhằm đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng của Nhóm Công ty (Thuyết minh số 23).

15. TÀI SẢN DỞ DANG DÀI HẠN

15.1 Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Dự án đất nền	19.985.897.068	-

15.2 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Mua sắm máy móc, thiết bị	4.024.989.906	3.175.888.322

16. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

VND

	Số tiền
Nguyên giá:	
Số đầu năm	-
Tăng do mua công ty con	8.729.058.002
Số cuối năm	8.729.058.002
Giá trị phân bổ lũy kế:	
Số đầu năm	-
Phân bổ trong năm	(72.742.150)
Số cuối năm	(72.742.150)
Giá trị còn lại:	
Số đầu năm	-
Số cuối năm	8.656.315.852

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Phải trả cho bên khác:	652.996.632.823	717.904.818.777
Trong đó:		
Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Dung Quất	*153.041.178.642*	-
Khác	*499.955.454.181*	*717.904.818.777*
Phải trả cho các bên liên quan *(Thuyết minh số 35)*	674.882.836.778	545.984.536.256
TỔNG CỘNG	**1.327.879.469.601**	**1.263.889.355.033**

18. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Gramperfil S.A	23.778.855.650	-
PT Great Fortune	8.266.381.263	20.517.893.693
Mareso Pte Ltd	6.971.615.930	-
Able Sheet Metal. Inc	6.957.526.383	1.115.695.890
Khác	19.109.025.272	25.923.396.573
TỔNG CỘNG	**65.083.404.498**	**47.556.986.156**

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

VND

	Số đầu năm	*Tăng trong năm*	*Giảm trong năm*	*Số cuối năm*
Phải thu				
Thuế GTGT được khấu trừ	142.097.852.823	1.775.150.619.050	(1.733.088.794.018)	184.159.677.855
Thuế thu nhập doanh nghiệp	767.717.530	19.986.870	(453.717.701)	333.986.699
Khác	9.061.434	-	(9.061.434)	-
TỔNG CỘNG	**142.874.631.787**	**1.775.170.605.920**	**(1.733.551.573.153)**	**184.493.664.554**
Phải trả				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	199.185.375	22.052.740.678	(2.777.705.082)	19.474.220.971
Thuế GTGT	77.626.507.995	1.639.677.925.002	(1.709.796.269.068)	7.508.163.929
Thuế thu nhập cá nhân	645.312.366	13.467.694.429	(8.746.573.629)	5.366.433.166
Thuế bảo vệ môi trường	-	292.670.000	(260.270.000)	32.400.000
Thuế nhập khẩu	-	622.158.502	(597.755.188)	24.403.314
Khác	-	117.027.644	(117.027.644)	-
TỔNG CỘNG	**78.471.005.736**	**1.676.230.216.255**	**(1.722.295.600.611)**	**32.405.621.380**

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Chi phí vận chuyển	42.829.869.721	-
Chi phí lãi vay	8.953.414.795	13.574.068.759
Chi phí quảng cáo	-	8.393.097.727
Khác	348.847.480	42.343.382
TỔNG CỘNG	**52.132.131.996**	**22.009.509.868**

21. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
UPAS/LC *(*)*	524.591.263.848	-
Khác	4.133.013.319	12.141.249.931
TỔNG CỘNG	**528.724.277.167**	**12.141.249.931**

(*) Đây là các khoản phải trả liên quan đến việc mua hàng tồn kho và trong đó một phần được thực hiện dưới hình thức thư tín dụng trả chậm thanh toán ngay (UPAS L/C) phát hành bởi các ngân hàng thương mại cổ phần.

22. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	34.118.454.233	56.358.084.805

Chi tiết tăng (giảm) quỹ khen thưởng, phúc lợi:

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Số đầu năm	56.358.084.805	18.010.286.067
Cộng: Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	312.441.993	100.501.960.918
Trừ: Sử dụng quỹ khen thưởng, phúc lợi	(22.552.072.565)	(62.154.162.180)
Số cuối năm	34.118.454.233	56.358.084.805

23. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Ngắn hạn	**5.804.027.377.038**	**5.265.965.935.896**
Vay và nợ thuê tài chính	5.748.341.713.076	5.265.965.935.896
- *Vay ngân hàng (i)*	*5.725.217.239.285*	*5.228.447.961.048*
- *Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả (ii)*	*23.124.473.791*	*13.917.974.848*
- *Vay bên liên quan dài hạn đến hạn trả (iii) (Thuyết minh 35)*	-	*23.600.000.000*
Trái phiếu chuyển đổi *(Thuyết minh số 24)*	55.685.663.962	-
Dài hạn	**43.737.539.871**	**35.015.526.787**
Nợ thuê tài chính	43.737.539.871	35.015.526.787
TỔNG CỘNG	**5.847.764.916.909**	**5.300.981.462.683**

Tình hình tăng (giảm) các khoản vay và nợ thuê tài chính trong năm như sau:

	Số đầu năm	*Tăng trong năm*	*Giảm trong năm*	*Phân loa i la*	*Đánh giá lại*	*Số cuối năm*
Vay ngắn hạn	**5.265.965.935.896**	**16.043.729.188.264**	**(15.583.753.907.708)**	**78.810.137.753**	**(723.977.167)**	**5.804.027.377.038**
Vay ngân hàng	5.228.447.961.048	16.033.729.188.264	(15.536.235.932.860)	-	(723.977.167)	5.725.217.239.285
Vay ngắn hạn - VND	*3.864.386.780.252*	*8.718.651.847.011*	*(8.847.159.274.426)*	-	-	*3.735.879.352.837*
Vay ngắn hạn - USD	*1.364.061.180.796*	*7.315.077.341.253*	*(6.689.076.658.434)*	-	*(723.977.167)*	*1.989.337.886.448*
Vay bên khác	-	*10.000.000.000*	*(10.000.000.000)*	-	-	-
Vay bên liên quan	*23.600.000.000*	-	*(23.600.000.000)*	-	-	-
Vay bên liên quan dài hạn đến hạn trả	*23.600.000.000*	-	*(23.600.000.000)*	-	-	-
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	13.917.974.848	-	(13.917.974.848)	23.124.473.791	-	23.124.473.791
Trái phiếu chuyển đổi	-	-	-	55.685.663.962	-	55.685.663.962
Vay dài hạn	**35.015.526.787**	**48.189.499.926**	**(16.343.013.051)**	**(23.124.473.791)**	**-**	**43.737.539.871**
Nợ thuê tài chính	35.015.526.787	48.189.499.926	(16.343.013.051)	(23.124.473.791)	-	43.737.539.871
TỔNG CỘNG	**5.300.981.462.683**	**16.091.918.688.190**	**(15.600.096.920.759)**	**55.685.663.962**	**(723.977.167)**	**5.847.764.916.909**

(i)Vay ngắn hạn từ các ngân hàng

Nhóm Công ty vay ngắn hạn từ các ngân hàng nhằm bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Nhóm Công ty. Chi tiết như sau:

Ngân hàng	*Số cuối năm (VND)*	*Nguyên tệ (USD)*	*Kỳ hạn thanh toán*	*Hình thức đảm bảo*
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Sài Gòn				
Khoản vay 1	1.944.663.968.127	-	5 tháng từ ngày nhận nợ vay	Hàng tồn kho, máy móc thiết bị, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất
Khoản vay 2	103.310.714.136	4.229.712	Từ 3 đến 5 tháng từ ngày nhận nợ vay	

23. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

(i) Vay ngắn hạn từ các ngân hàng (tiếp theo)

Nhóm Công ty vay ngắn hạn từ các ngân hàng nhằm bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Nhóm Công ty. Chi tiết như sau: (tiếp theo)

Ngân hàng	*Số cuối năm (VND)*	*Nguyên tệ (USD)*	*Kỳ hạn thanh toán*	*Hình thức đảm bảo*
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình				
Khoản vay 1	814.370.985.444	-	Từ 3 đến 6 tháng từ ngày nhận nợ vay	Hàng tồn kho, máy móc thiết bị, quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất và trái phiếu
Khoản vay 2	1.331.684.711.515	54.880.633	Từ 5 đến 6 tháng từ ngày nhận nợ vay	
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Bình Dương				
Khoản vay 1	441.231.943.214	-	Từ 4 đến 5 tháng từ ngày nhận nợ vay	Hàng tồn kho, phương tiện vận tải, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất
Khoản vay 2	554.342.460.797	22.700.347	5 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Tế Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn				
Khoản vay 1	253.760.555.103	-	Từ 4 đến 6 tháng từ ngày nhận nợ vay	Tín chấp
Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam)				
Khoản vay 1	179.258.584.218	-	4 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Tín chấp
Ngân hàng TNHH Một Thành Viên United Overseas Bank (Việt Nam) - Chi nhánh Hồ Chí Minh				
Khoản vay 1	102.593.316.731	-	4 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Tín chấp
TỔNG CỘNG	**5.725.217.239.285**	**81.810.692**		

Lãi suất của các khoản vay ngắn hạn từ các ngân hàng bằng VND là từ 3,8%/năm đến 7%/năm và bằng USD là từ 3,6%/năm đến 5,4%/năm.

(ii) Thuê tài chính

Nhóm Công ty hiện đang thuê máy móc thiết bị và phương tiện vận tải theo hợp đồng thuê tài chính với Công ty Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam; Công ty TNHH Một Thành Viên cho thuê Tài chính Ngân Hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam; Công ty cho thuê Tài chính TNHH BIDV - Sumi Trust và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Cho thuê Tài chính Quốc tế Chailease. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được trình bày như sau:

	Số cuối năm			*Số đầu năm*		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	*Lãi thuê tài chính*	*Nợ gốc*	*Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính*	*Lãi thuê tài chính*	*Nợ gốc*
Dưới 1 năm	27.538.949.727	4.414.475.936	23.124.473.791	17.146.358.785	3.228.383.937	13.917.974.848
Từ 1 - 5 năm	47.630.817.171	3.893.277.300	43.737.539.871	39.057.749.837	4.042.223.050	35.015.526.787
TỔNG CỘNG	**75.169.766.898**	**8.307.753.236**	**66.862.013.662**	**56.204.108.622**	**7.270.606.987**	**48.933.501.635**

24. TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI

	Thời điểm phát hành (năm)	Kỳ hạn	Số lượng trái phiếu	Mệnh giá (VND)	Lãi suất danh nghĩa (%/năm)	Lãi suất chiết khấu (%/năm)	Cấu phần vốn (Thuyết minh số 23.1) (VND)	Cấu phần nợ (VND)
Số đầu năm và số cuối năm	2014	3 năm	559.067	100.000	5	6.3	1.931.977.742	55.685.663.962

Vào ngày 17 tháng 3 năm 2014, Nhóm Công ty đã ký kết Hợp đồng Đặt mua Trái phiếu ("HĐĐMTP") với Công ty TNHH Posco Việt Nam ("Posco"), một công ty con của POSCO và được thành lập tại Việt Nam. Theo đó, vào ngày 28 tháng 4 năm 2014, Nhóm Công ty đã phát hành 559.067 trái phiếu chuyển đổi không đảm bảo với mệnh giá mỗi trái phiếu là 100.000 VND cho Posco để đầu tư lắp đặt hai (2) dây chuyền sản xuất mới. Vào ngày 21 tháng 3 năm 2022, Nhóm Công ty và Posco đã ký phụ lục mới nhất - Phụ lục số 8 của HĐĐMTP - ngày đáo hạn mới nhất sẽ là ngày 28 tháng 4 năm 2024. Theo đơ, nếu việc chuyển đổi được thực hiện, trái phiếu sẽ được tự động chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông theo giá chuyển đổi được thỏa thuận vào ngày đáo hạn.

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU

25.1 Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	Quỹ đầu tư và phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát ("NCI")	(VND) Tổng cộng
Năm trước							
Số đầu năm	1.023.228.290.000	464.371.374.500	1.931.977.742	3.430.602.730	1.958.956.116.367	-	3.451.918.361.339
Pha t ha nh cô phiê u	123.686.810.000	370.065.078.983	-	-	-	-	493.751.888.983
Cổ tức công bố	-	-	-	-	(114.691.510.000)	-	(114.691.510.000)
Lỗ thuần trong năm	-	-	-	-	(276.508.187.355)	-	(276.508.187.355)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi *(Thuyết minh số 22)*	-	-	-	-	(100.501.960.918)	-	(100.501.960.918)
Khác	-	-	-	-	(5.426.939.694)	-	(5.426.939.694)
Số cuối năm	1.146.915.100.000	834.436.453.483	1.931.977.742	3.430.602.730	1.461.827.518.400	-	3.448.541.652.355
Năm nay							
Số đầu năm	1.146.915.100.000	834.436.453.483	1.931.977.742	3.430.602.730	1.461.827.518.400	-	3.448.541.652.355
NCI phát sinh từ mua công ty con trong năm	-	-	-	-	-	2.140.575.895	2.140.575.895
Cổ tức công bố *(*)*	-	-	-	-	(114.691.510.000)	-	(114.691.510.000)
Lợi nhuận (lỗ) thuần trong năm	-	-	-	-	283.573.126.097	(827.994)	283.572.298.103
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi *(Thuyết minh số 22)*	-	-	-	-	(312.441.993)	-	(312.441.993)
Số cuối năm	1.146.915.100.000	834.436.453.483	1.931.977.742	3.430.602.730	1.630.396.692.504	2.139.747.901	3.619.250.574.360

(*)Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Thường niên số 03/2023/NQ-ĐHĐCĐTN-TDA ngày 23 tháng 6 năm 2023 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 10/2023/NQ-HĐQT-TDA ngày 9 tháng 11 năm 2023, cổ đông và Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua việc chi trả cổ tức năm 2022 bằng tiền tại mức 10% mệnh giá. Vào ngày 15 tháng 12 năm 2023, Công ty đã thực hiện việc chi trả cổ tức bằng tiền.

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU *(tiếp theo)*

25.2 Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức

VND

	Năm nay	Năm trước
Vốn cổ phần		
Số đầu năm	1.146.915.100.000	1.023.228.290.000
Tăng trong năm	-	123.686.810.000
Số cuối năm	1.146.915.100.000	1.146.915.100.000
Cổ tức		
Cổ tức đã công bố	114.691.510.000	114.691.510.000
Cổ tức đã trả bằng tiền	112.921.589.650	114.390.510.000

25.3 Cổ phiếu

	Số cổ phiếu	
	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Cổ phiếu được phép phát hành	114.691.510	114.691.510
Cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ		
Cổ phiếu phổ thông	*114.691.510*	*114.691.510*
Cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	*114.691.510*	*114.691.510*

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

26. DOANH THU

26.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Doanh thu gộp	**17.462.680.329.247**	**21.680.827.982.408**
Trong đó:		
Doanh thu bán thành phẩm	*17.134.800.033.182*	*20.468.014.141.395*
Doanh thu bán phế liệu	*284.037.519.109*	*331.539.758.313*
Doanh thu bán hàng hóa	*21.611.065.446*	*865.862.070.662*
Doanh thu cung cấp dịch vụ	*22.231.711.510*	*15.412.012.038*
Các khoản giảm trừ doanh thu	**(28.102.508.698)**	**(66.343.360.473)**
Chiết khấu thương mại	*(23.222.050.903)*	*(16.514.200.905)*
Hàng bán bị trả lại	*(4.727.473.352)*	*(49.259.272.823)*
Giảm giá hàng bán	*(152.984.443)*	*(569.886.745)*
DOANH THU THUẦN	**17.434.577.820.549**	**21.614.484.621.935**
Trong đó:		
Doanh thu bán thành phẩm	*17.106.697.524.484*	*20.424.705.778.832*
Doanh thu bán phế liệu	*284.037.519.109*	*331.539.758.313*
Doanh thu bán hàng hóa	*21.611.065.446*	*842.827.072.752*
Doanh thu cung cấp dịch vụ	*22.231.711.510*	*15.412.012.038*
Trong đó:		
Các bên khác	*17.349.529.619.197*	*21.598.026.661.502*
Các bên liên quan (Thuyết minh số 35)	*85.048.201.352*	*16.457.960.433*

26.2 Doanh thu hoạt động tài chính

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	157.390.802.049	198.005.022.263
Lãi trái phiếu	131.956.305.078	75.081.468.624
Lãi cho vay	47.113.657.046	55.917.554.738
Lãi tiền gửi	38.785.565.190	77.754.898.731
Khác	3.200.332.422	339.751.129
TỔNG CỘNG	**378.446.661.785**	**407.098.695.485**

27. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay	*Năm trước*
Giá vốn thành phẩm đã bán	16.005.439.148.893	19.250.643.604.501
Giá vốn phế liệu	236.283.511.783	310.054.625.772
Giá vốn hàng hóa đã bán	23.306.730.325	807.053.096.045
Giá vốn dịch vụ cung cấp	14.551.923.293	15.293.678.593
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	25.857.428.842	50.314.240.576
TỔNG CỘNG	**16.305.438.743.136**	**20.433.359.245.487**

28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí lãi vay	296.649.131.094	248.577.099.938
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	61.073.125.892	214.782.653.663
Khác	13.563.917.596	40.153.911.508
TỔNG CỘNG	**371.286.174.582**	**503.513.665.109**

29. CHI PHÍ BÁN HÀNG

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí vận chuyển	524.385.014.704	1.029.219.297.552
Chi phí dịch vụ mua ngoài	90.477.949.870	65.289.470.268
Chi phí quảng cáo	71.579.494.444	76.089.971.295
Chi phí nhân viên	54.684.331.111	51.687.061.284
Chi phí khấu hao và hao mòn	7.996.184.650	8.081.035.420
Khác	15.147.266.456	14.590.842.564
TỔNG CỘNG	**764.270.241.235**	**1.244.957.678.383**

30. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí nhân viên	49.255.970.125	50.343.177.552
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.449.353.850	27.668.412.686
Chi phí khấu hao và hao mòn	8.580.458.964	10.664.858.115
(Hoàn nhập) dự phòng các khoản phải thu	(25.023.716.928)	47.151.439.343
Khác	8.814.175.636	4.836.877.448
TỔNG CỘNG	**63.076.241.647**	**140.664.765.144**

31. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí nguyên vật liệu	15.052.072.616.043	18.486.906.329.300
Chi phí dịch vụ mua ngoài	982.312.091.887	1.493.746.079.178
Chi phí khấu hao và hao mòn *(Thuyết minh số 12, 13, 14 và 16)*	342.325.589.669	344.492.862.316
Chi phí nhân viên	347.968.151.582	338.780.732.981
Giá vốn hàng hóa	23.306.730.325	807.916.461.608
Chi phí dự phòng giảm giá hàng tồn kho và nợ phải thu khó đòi	833.711.914	97.465.679.918
Khác	25.450.308.744	19.426.635.009
TỔNG CỘNG	**16.774.269.200.164**	**21.588.734.780.310**

32. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Thu nhập khác	**6.851.882.090**	**9.199.536.566**
Thu nhập từ bán phế liệu	5.117.769.848	6.703.113.978
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	428.395.552	137.630.972
Khác	1.305.716.690	2.358.791.616
Chi phí khác	**(9.915.692.482)**	**(852.683.796)**
Lỗ từ thanh lý tài sản cố định	(6.312.116.700)	-
Khấu hao tài sản ngừng sử dụng	(2.769.254.874)	-
Tiền phạt thuế	(835.538)	(152.853.684)
Khác	(833.485.370)	(699.830.112)
LỢI NHUẬN KHÁC	**(3.063.810.392)**	**8.346.852.770**

33. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty và các công ty con có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") bằng 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

33.1 Chi phí thuế TNDN

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí thuế TNDN	22.504.734.229	710.107.217
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	1.724.150	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	22.506.458.379	710.107.217
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(189.485.140)	(16.767.103.795)
TỔNG CỘNG	**22.316.973.239**	**(16.056.996.578)**

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Tổng lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế	**305.889.271.342**	**(292.565.183.933)**
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	61.177.854.268	(58.513.036.787)
Điều chỉnh:		
Chi phí không được trừ	2.413.536.737	471.559.159
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	1.724.150	-
Thuế TNDN liên quan đến chi phí lãi vay được kết chuyển theo Nghị định số 132/2020/NĐ-CP	(11.244.993.309)	11.286.157.483
Lỗ thuế năm trước chuyển sang	(30.031.148.607)	30.696.019.467
Khác	-	2.304.100
Chi phí thuế TNDN	**22.316.973.239**	**(16.056.996.578)**

33. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP *(tiếp theo)*

33.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế (lỗ thuế) khác với lợi nhuận (lỗ) kế toán được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

33.3 Thuế TNDN hoãn lại

Nhóm Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong năm nay và năm trước như sau:

VND

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất		*Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất*	
	Số cuối năm	*Số đầu năm*	*Năm nay*	*Năm trước*
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	16.733.920.466	11.619.454.930	5.114.465.536	11.619.454.930
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	4.263.695.019	9.268.438.404	(5.004.743.385)	9.268.438.404
Lợi nhuận chưa thực hiện	833.752.949	(938.629.585)	1.772.382.534	(5.809.104.984)
Chi phí phải trả	5.000.000	1.697.619.545	(1.692.619.545)	1.688.315.445
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	***21.836.368.434***	***21.646.883.294***		
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại			***189.485.140***	***16.767.103.795***

33.4 Lỗ thuế chuyển sang từ năm trước

Nhóm Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Nhóm Công ty có các khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 3.242.148.010 VND (ngày 1 tháng 1 năm 2023: 153.397.891.046 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong trong tương lai. Chi tiết như sau:

VND

Năm phát sinh(*)	*Có thể chuyển lỗ đến năm*	*Lỗ tính thuế*	*Đã chuyển lỗ đến ngày 31/12/2023*	*Không được chuyển lỗ*	*Chưa chuyển lỗ tại ngày 31/12/2023*
2022	2027	153.397.891.046	(150.172.302.912)	-	3.225.588.134
2023	2028	16.559.876	-	-	16.559.876
TOTAL		**153.414.450.922**	**(150.172.302.912)**	**-**	**3.242.148.010**

(*) Lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty mẹ và các công ty con chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

33. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP *(tiếp theo)*

33.5 Chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định

Nhóm Công ty được phép chuyển các khoản chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định chưa được trừ khi tính thuế TNDN cho năm hiện tại ("chi phí lãi vay chưa được trừ") sang năm sau khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ của năm sau. Thời gian chuyển chi phí lãi vay sang năm sau được tính liên tục không quá 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản chi phí lãi vay chưa được trừ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Nhóm Công ty có các khoản chi phí lãi vay chưa được trừ lũy kế có thể sử dụng trong tương lai như sau:

VND

Năm phát sinh	*Có thể chuyển đến năm*	*Chi phí lãi vay chưa được trừ thuế phát sinh*	*Chi phí lãi vay chưa được trừ đã chuyển sang năm sau tính đến ngày 31/12/2023*	*Chi phí lãi vay chưa được trừ không còn được chuyển sang năm sau đến ngày 31/12/2023*	*Chi phí lãi vay chưa được trừ chưa chuyển sang năm sau tại ngày 31/12/2023*
2022 *(i)*	2027	56.430.787.414	(56.224.966.546)	-	205.820.868

(i) Đây là các khoản chi phí lãi vay không được trừ thuế TNDN ước tính theo tờ khai thuế của Nhóm Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

34. LÃI (LỖ) TRÊN CỔ PHIẾU

Nhóm Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi (lỗ) cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Lợi nhuận (lỗ) thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty *(VND)*	283.572.298.103	(276.508.187.355)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi *(*)*	-	(312.441.993)
Lợi nhuận (lỗ) thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty	**283.572.298.103**	**(276.820.629.348)**
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân *(cổ phiếu)*	114.691.510	112.116.113
Ảnh hưởng suy giảm	*2.552.818*	*2.552.818*
Trái phiếu có thể chuyển đổi	*2.552.818*	*2.552.818*
Cổ tức sẽ được thanh toán bằng cổ phiếu (**)	-	-
Số cổ phiếu phổ thông đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm bình quân	**117.244.328**	**114.668.931**
Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu *(VND/cổ phiếu)*	2.472	(2.469)
Lãi (lỗ) suy giảm trên cổ phiếu *(VND/cổ phiếu)*	2.419	(2.414)

(*)Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2022 đã được điều chỉnh lại để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và phụ cấp Hội đồng Quản trị từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2022.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2023 chưa được điều chỉnh giảm cho khoản dự tính trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và phụ cấp Hội đồng Quản trị từ lợi nhuận chưa phân phối của năm này.

(**)Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 03/2023/NQ-ĐHĐCĐTN-TDA ngày 23 tháng 6 năm 2023, cổ đông của Công ty đã thông qua việc dừng chi trả cổ tức năm 2021 bằng cổ phiếu. Theo đó, ảnh hưởng suy giảm do cổ tức sẽ được thanh toán bằng cổ phiếu cho năm 2022 đã được điều chỉnh lại để phản ánh việc này.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

35. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

Bên liên quan	*Mối quan hệ*
Ông Nguyễn Thanh Trung	Chủ tịch Hội đồng Quản trị ("HĐQT")
Bà Lê Thị Phương Loan	Thành viên HĐQT
Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	Thành viên HĐQT
Ông Hồ Song Ngọc	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Ông Phạm Quốc Thắng	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
Ông Đoàn Vĩnh Phước	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
Ông Ngô Văn Sinh	Thành viên HĐQT
Ông Đoàn Danh Tuấn	Thành viên HĐQT
Công ty TNHH JFE Shoji Việt Nam	Cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần
Ông Nguyễn Văn Đại	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Năng Tín	Trưởng ban từ ngày 23 tháng 6 năm 2023
Bà Lê Thị Khoa Nguyên	Trưởng ban đến ngày 23 tháng 6 năm 2023
Bà Đinh Thị Thảo Ly	Thành viên từ ngày 23 tháng 6 năm 2023
Ông Hoàng Duy Nhất	Thành viên từ ngày 23 tháng 6 năm 2023
Bà Lâm Duy Thùy Linh	Thành viên đến ngày 23 tháng 6 năm 2023
Bà Nguyễn Phước Thị Túy Hà	Thành viên đến ngày 23 tháng 6 năm 2023

Những giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Năm nay*	*Năm trước*
Công ty TNHH JFE Shoji Việt Nam	Mua hàng	2.681.391.704.781	5.089.478.582.455
	Bán hàng	85.048.201.352	16.457.960.433
Bà Lê Thị Phương Loan	Trả nợ vay	23.600.000.000	-
	Lãi vay	545.578.082	1.651.999.998
Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	Trả nợ vay	-	349.276.000.000
	Vay	-	97.480.000.000
	Lãi vay	-	4.466.028.959

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải trả bên liên quan như sau:

VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
Phải trả người bán ngắn hạn			
Công ty TNHH JFE Shoji Việt Nam	Mua hàng	674.882.836.778	545.984.536.256
Vay ngắn hạn *(Thuyết minh số 21)*			
Bà Lê Thị Phương Loan	Vay	-	23.600.000.000

35. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN *(tiếp theo)*

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

VND

Tên	*Chức vụ*	*Thu nhập (*)*	
		Năm nay	*Năm trước*
Ông Nguyễn Thanh Trung	Chủ tịch HĐQT	2.319.757.058	7.524.951.589
Ông Hồ Song Ngọc	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	2.439.040.946	3.011.421.362
Ông Phạm Quốc Thắng	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	1.932.304.970	2.449.928.673
Ông Đoàn Vĩnh Phước	Thành viên HĐQT, kiêm Phó Tổng Giám đốc	1.929.511.028	2.466.960.258
Ông Nguyễn Văn Đại	Phó Tổng Giám đốc	1.864.629.982	2.291.877.447
Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	Thành viên HĐQT	52.800.000	142.800.000
Ông Ngô Văn Sinh	Thành viên HĐQT	50.000.000	100.000.000
Ông Đoàn Danh Tuấn	Thành viên HĐQT	50.000.000	100.000.000
Bà Lê Thị Phương Loan	Thành viên HĐQT	32.000.000	112.000.000
TỔNG CỘNG		**10.670.043.984**	**18.199.939.329**

(*) Bao gồm tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác.

Thù lao và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát:

VND

Tên	*Chức vụ*	*Năm nay*	*Năm trước*
Ông Nguyễn Năng Tín	Trưởng ban từ ngày 23 tháng 6 năm 2023	30.000.000	30.000.000
Bà Lê Thị Khoa Nguyên	Trưởng ban đến ngày 23 tháng 6 năm 2023	20.000.000	50.000.000
Bà Lâm Duy Thùy Linh	Thành viên đến ngày 23 tháng 6 năm 2023	10.000.000	30.000.000
Ông Hoàng Duy Nhất	Thành viên từ ngày 23 tháng 6 năm 2023	10.000.000	-
Bà Đinh Thị Thảo Ly	Thành viên từ ngày 23 tháng 6 năm 2023	10.000.000	-
Bà Nguyễn Phước Thị Túy Hà	Thành viên đến ngày 23 tháng 6 năm 2023	5.000.000	5.000.000
TỔNG CỘNG		**85.000.000**	**115.000.000**

36. CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
Đô la Mỹ (USD)	4.745.893	20.672.946
Đô la Singapore (SGD)	128	165

37. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ngoài các sự kiện được trình bày tại Thuyết minh số 6, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.

Võ Công Danh	Trần Lệ Xuân	Hồ Song Ngọc
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2024

TRỤ SỞ CHÍNH CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á
Số 5, đường số 5, Khu Công Nghiệp Sóng Thần 1, phường Dĩ An, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương
0274 373 2575
0274 379 0420
info@tondonga.com.vn

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á TẠI TP. HỒ CHÍ MINH
18 Hồ Văn Huê, Phường 9, Quận Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh
028 38442041
028 38477143
info@tondonga.com.vn

CÔNG TY TNHH MTV TÔN ĐÔNG Á BẮC NINH
Nhà RBF-Q, khu RBF, số 36, đường 05, VSIP Bắc Ninh, xã Đại Đồng, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.
(0222) 3765178
(0222) 3765187
info@tondonga.com.vn

CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á TẠI THỦ DẦU MỘT
Lô A3, đường D4, Khu Công nghiệp Đồng An 2, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
0274 3515135
0274 3515057
info@tondonga.com.vn

CÔNG TY TNHH MTV TÔN ĐÔNG Á ĐÀ NẴNG
Lô E2, đường số 7, KCN Hòa Khánh, Quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng
0236 3661517
0236 3661518
info@tondonga.com.vn

CÔNG TY TNHH MTV TÔN ĐÔNG Á LONG AN
Lô D9, Đường số 4, Khu công nghiệp Nhựt Chánh, xã Nhựt Chánh, huyện Bến Lức, tỉnh Long An.
0272 363 7707
0272 363 7706
info@tondonga.com.vn

CÔNG TY TNHH MTV TÔN ĐÔNG Á BÌNH DƯƠNG
Lô CN16 ô số 9-10, Đường số 6, KCN Sóng Thần 3, phường Phú Tân,thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.
0274 366 9674
0274 366 9675
info@tondonga.com.vn

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á TẠI BÌNH ĐỊNH
Tầng 2, 201-203 Đường Lê Đức Thọ, Phường Trần Hưng Đạo, TP.Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định
0256 6270770
info@tondonga.com.vn

Vietnam Value
THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA
APQO
GPEA
ISO 9001
ISO 14001
CERTIFIED
ISO 50001